

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỐ MƠI SỐ 54 — 1-4-1961

1.— Sau ngày kỷ niệm, Cụ Phan-chu-Trinh, nhắc lại Văn chương Bài phong . . .	Thiếu-Son	5 — 9
2.— Thử xác định lại giá trị của những câu Ca-dao	Đặng-văn-Nhâm	10 — 13
3.— U-già (chuyện ngắn)	Phan thị Mỹ Khanh	14 — 18
4.— Khúc hát người diên (thơ)	Huỳnh Minh Tấn	19
5.— Nhân vật Xuân thu: Tê-hoàn-Công thi hành bá đạo	Thiếu Sơn	20 — 24
6.— Tôi làm vợ (chuyện ngắn)	Đỗ trung Thịnh	25 — 36
7.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	37 — 41
8.— Khi những hoạn quan muốn yên... những nàng Công-chúa	Nguyễn Quang	42 — 47
9.— Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	48 — 51
10.— Mơ, Thôi anh về (thơ)	Thanh-Nguyên và Cao-Quang	52

11.— Những người dân bà lừng danh trên thế giới: Nữ hoàng Anh: Victoria . .	Tân Phong	53 — 56
12.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	60 — 64
13.— Đời sống các danh nhân trên thế giới: Louis Lumière.	Tân Phong	65 — 70
14.— Thân trọng (thơ)	Ngọc Trường	71
15.— Minh ơi!	Diệu Huyền	72 — 81
16.— Những áng thơ hay	Bàng bá Lân	82 — 87
17.— Anh đồ ừng đời... Ni cô bỏ chùa	Đào-Lang	88 — 92
18.— Thơ lên Ruột: loạn ếch	Tú Be	93 — 94
19.— Atala (truyện dài rút ngắn)	Trần Chu	95 — 102
20.— Sách báo mới	P. T.	103 — 104
21.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	105 — 112
22.— Anh Ba Trợn (nụ cười P.T.)	Đặng Nhâm	113
23.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	114 — 130

Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong
tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-
cả của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
Bài lai cả không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng
yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG,
và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc
mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Sau ngày kỷ-niệm

CỤ

PHAN-CHU-TRINH

(24.3.1961)

nhắc lại

VĂN CHƯƠNG

BÀI PHONG

của các Cụ



★ THIẾU SƠN

Có điều đáng lưu - ý là người Pháp sang đồ - hộ Việt-Nam, nhứt nhứt tánh - tình. phong-tục, tập-quán đều khác nhau xa lắt, xa lơ mà người Pháp lại cố-tâm duy-trì những cái gì lạc-hậu nhứt trong xã-hội phong-kiến của xa. Họ viết sách, viết báo nói xấu vua, quan ta đủ điều nhưng họ cứ giữ vững ông vua ở trên ngai vàng và đám quần thần vừa lay vừa tung-hô vạn-tuế.

Họ dư biết vua là vua bù-nhìn, triều-dinh là triều - dinh mục nát, đa số quan lại là bầy voi đê đàn-áp trượng dân. Nhưng họ thấy rằng

tất cả những cái đó giúp họ một cách rất đặc-lực trong công-việc bình-định. Trong nhiều trường-hợp mà pháp-luật và những truyền-thống dân-chủ của họ không cho phép họ thẳng tay trừng-trị thì họ thầy qua Nam-Triều nghị - án vì Nam-Triều có những pháp luật riêng và nhiều khi bắt - chấp cả pháp luật để làm vui lòng chánh-phủ Bảo-hộ.

Một số sĩ-phu tiên-giác đã thấy rõ chỗ đó nên nhiều người không chịu ra làm quan, cực-lực công - kích quan-trường và còn đả phá những cuộc thi-cử của Triều-Đình

VĂN CHƯƠNG BÀI PHONG

vì đó mà những cánh cửa mở ra để thu hút những người vào làm tay sai cho phong - kiến dặng cấu kết với thực-dân.



Năm 1905, Thành-Thái 18, ở Bình-Định có kỳ hạch tấn-tích rên tập học-trò đề năm sau đi thi.

Bấy giờ ông Hồ-Trung-Lượng người Quảng-Nam làm đốc-học ở đó ra đề : bài thi Chí - hành thông thánh và bài phú Danh-sơn Lwong-ngọc. Khi thu quyền có một quyền đề tên là Đào-Mộng-Giác, bài làm ở trong cả hai đều không theo sách mà chỉ nói rộng về thời sự khuyên người ta bỏ lối học khoa-cử. Ông đốc học sợ, không dám chấm, niếm cái quyền lại mà tư lên tỉnh. Quan tỉnh cho là một việc quan-trọng lắm, lại niếm mà tư về bộ.

Sau người ta biết cái quyền đó là của các cụ TRẦN-QUÍ-CÁP, PHAN - CHÂU - TRINH, HUỖNH - THỨC - KHÁNG đều là tay đại-khoa cùng làm trong khi đi vào đảng trong mà ghé qua Bình-Định.

Bài « Chí Thành thông Thánh » nguyên-văn như sau :

Thế sự hồi đầu đi nhứt không.
Giang-sơn hòa lệ khắp anh-hùng!
Vạn dân nô lệ cường-quyền hạ,
Bất cổ thi văn túy mộng trung.
Trường thi bách niên cam

thóa mạ,

Bất tri hà nhứt xuất lao lung.
Chư quân vị tất vô tâm-huyết,
Thỉnh bả tư văn khán nhứt thông.
Ông Đồ - phong - Thuần đã

dịch :

Tóm lại việc đời thấy vẫn không,
Nước non hòa lệ khóc anh hùng!
Vạn chương tám vẻ còn mơ mộng,
Nô lệ muốn dân hết vẫy vùng.
Luống chịu trăm năm đều tui
nhục,
Bao giờ cả nước thoát lao lung?
Các ngài chắc hẳn đầy tâm huyết,
Xin đọc thơ này mới cảm thông»



Một lần khác, nhưn khi ở Huế có thi Hội, cụ Phan-châu-Trinh cũng làm một đôi liên « điệu » và một bài « văn tế sống » những thanh niên sĩ tử đi thi khoa ấy.

Câu đối như sau :

« Thạch bi kim băng do đi vi



vinh đã ? Hồi tư-nhi-thập thế-kỷ
vũ-đài, Đông - A nhất ngưng
thượng tồn man-tục.

Quốc-sự quân-cửu bất phục vẫn
hĩ ? Độc thi tam bách đầu lô nam
tử, xuân-phong tam-nguyệt tận
phú Tản-Khanh..

Ông Đào-trình-Nhất dịch :
Bàng vàng bia đá còn lấy làm
vinh ư ? Nghĩ lại hai mươi thế-
kỷ đời nay, Đông-A một vùng ở
đầy vẫn còn man tục.

Việc nước, nạn vua nào ai thêm
hồi đến, chỉ thấy ba trăm nam nhi
đầu bự xúm nhau làm phú Tản-
Khanh..

Bài « Văn-tế sống » thì có
những câu :

« May mà đặng cử-nhơn tấn-sĩ,
lang-xăng như châu ngọc gặp đến,

« Mang những đồ áo rộng, khăn
dài, lốm-thốm như mèo kia bị vớt.

« Đại đến nỗi cúng đất, tổng ôn
trông nêu, đốt giấy, sự đã đại mà
cứ theo hoài.

« Quen những điều coi giờ, nhằm
địa, đoán số, cúng sao, thói phi-lý
mà bỏ đi không dứt.

« Đất công-thổ bao canh, bao tá,
trút vào bị cho đầy,

« Thịt tế thần phần biếu, phần
chia, xách mà ăn lấy được.

« Lẽ thì thương mới phải, anh
em ta mà xử sở cũng ta,

« Sao đành hại lẫn nhau, ở đất
nước lại soi bao mạch nước... »

Những thi văn bài phong trên
đây đã có nhiều người truyền-
tụng, nhưng còn một áng văn
kịch-liệt hơn, không biết ai là
tác-giả và cũng ít người biết vì
đã được viện cơ-mật bưng-bít
kín-đáo hơn.

Tuần-báo Sông-Hương số 30
ra ngày 13-3-1937 trong mục
« Những chuyện oái-oăm » đã thuật
một chuyện như sau :

Năm đó Đồng-Khánh nhị niên,
nước mới bị bảo hộ và sang năm

có khoa hương Mậu-Tý. Trương
Quốc-tử-Giám bấy giờ còn đóng
gần chùa Thiên-Mụ, mở một
kỳ hạch cho học trò hạt Thừa-
Thiên. Giữa ngày hạch, sau giờ
thu quyền, luận canh một, các
quan ở đó phát mã-thượng một
cái bì về do bộ Lễ chuyển trình
Viện Cơ-mật như là một việc gì
trọng-đại và khẩn-cấp lắm.

Các quan cơ-mật đương đêm
nhóm lại ở Viện đòi một ông
viên-ngoại mở bì ra.

Nó là một cái quyền ở trong
cổ viết bài ca rằng :

Cu-li quân hề, cu-li thần,

Cu-li quan hề, cu-li dân,

Cu-li tú-tài hề, cu-li cử nhân,

Cu-li trường quan hề, cu-li văn.

Cu-li hề, cu-li.

Phi-lu hề, phi-lu.

Thấy thế, các quan Cơ-mật,
ông thì tức cười, ông thì nổi giận,
nhưng có một điều khó nghĩ là
không biết nên tư tòa Khâm và
tâu Hoàng - Thượng hay là nên
dìm đi.

Về sau ông Nguyễn-trọng-Hiệp
tỏ vẻ cương quyết, bảo nên dìm.
Nhưng các quan đều dặn ông
viên ngoại giữ bí mật, không được
tiết lộ ra. Ông giữ cái bí mật đó
được 15 năm rồi một hôm ông cao
húng bung nó ra và nhờ thế mà
có câu « chuyện oái oăm » đăng
trên báo Sông Hương hồi đó.
Chỉ tiếc rằng ông viên ngoại đã
quên mất tên tác giả của bài Ca
Cu li.



★ Ai tình già

Hôm lễ kỷ - niệm 50 năm chung sống, Bà cụ than phiền với
ông Cụ :

— Bấy giờ ông không yêu tôi như hồi trước nữa. Hồi đó ông
thường ôm tôi vào lòng ông.

Ông Cụ cảm động khoát tay ôm lưng bà Cụ. Bà Cụ lại bảo:
— Hồi đó, ông thường hôn bàn tay tôi..

Ông Cụ âu-yếm đặt môi trên bàn tay bà. Bà Cụ nói tiếp:

— Hồi đó, ông thường cắn trên cổ tôi.

Vừa nghe đến đây, ông Cụ đứng dậy vào buồng Bà Cụ gọi:

— Ông đi đâu đó ?

— Tôi đi lấy hàm răng giả gắn vô..

THỬ XÁC ĐỊNH LẠI GIÁ TRỊ CỦA NHỮNG

CÂU CA DAO

* TỪ - QUYỀN ĐĂNG-VĂN-NHÂM

*Em là con gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua đình ông Nghè
Ông Nghè sai lính ra ve.
— Trăm lạy quan Nghè em đã có... con !
— Có con thì mặc có con,
Thất lưng cho tròn mà lấy chồng quan !*

DÂN-tộc Việt-Nam, từ đời Hồng-Bàng, vốn sống nhờ nông nghiệp. Theo sự xét nghiệm của những nhà xã-hội-học thì dân-tộc nào chuyên sống nhờ nông nghiệp thường hay có những tục lệ và hội-hề hát xướng có tính-cách kinh tế. Và tôn giáo mà hình thức phát hiện luôn luôn là : thi ca, âm-nhạc và nhảy múa.

Thử ban sơ, bởi chưa có văn

tự, nên loại thi ca ấy chỉ là những câu hát mộc mạc truyền khẩu về những kinh nghiệm nông nghiệp, hay diễn tả những cảm xúc tự-nhiên của tâm hồn người nông dân chất phác trước tạo vật. Lâu dần, những câu ấy được gọt rũa thành văn, thành điệu để cho êm tai dễ nhớ. Do đó, ta gọi nó là văn chương truyền khẩu hay ca dao mà thường không ai biết được tác-giả và đã sáng tác ra từ đời nào. Nhưng có điều chắc

THỬ XÁC ĐỊNH LẠI GIÁ TRỊ

chắn rằng : tác giả những câu ca dao đó đều là những người bình-dân ít học ! Song le, không phải vì thế mà văn chương bình-dân kém phần giá trị. Trái lại, tầm phổ biến của nó rất rộng-rãi và có tính cách vĩnh cửu, bởi lẽ ngôn từ giản dị diễn tả ý tưởng thâm trầm sâu sắc, phản chiếu trung thành nếp sống xã-hội, và tình cảm con người bình dân qua các thời kỳ lịch sử. Trong số, nhiều câu lại còn có giá trị đặc biệt là bộc-lộ tâm-lý dân tộc nữa ! Ví dụ như sáu câu ca-dao sau đây :

*«Em là con gái đồng trinh,
Em đi bán rượu qua đình ông
Nghè,*

Ông Nghè sai lính ra ve.

*—Trăm lạy quan Nghè, em đã
có con !*

— Có con thì mặc có con,

*Thất lưng cho tròn mà lấy chồng
quan !*

Những câu này đã mô-tả một cảnh trạng xã-hội : người con gái đồng trinh đi bán rượu qua đình ông Nghè. Thấy nhan sắc mặn mà của nàng bán rượu ông Nghè cảm lòng không đậu đã sai lính ra trông gheo. Nàng bán

rượu sợ hãi quá, lạy van xin tha, và kêu rằng đã có... con !

Theo Trương-Tửu, những câu ca-dao trên đây có chủ-dịch châm chọc những ông Nghè không đứng-dắn. Lý do : người đàn bà Việt-Nam sống dưới chế độ phụ-hệ, tuy bị áp bức mọi bề, song họ vẫn ngấm ngấm chống đối. Chống đối bằng phương sách tiêu cực là tìm cách mĩa mai, rày đập cái oai-quyền ấy. Họ bới đủ các tính xấu của bọn đàn ông đem ra trào phúng, chế riễu, để cho biết rằng : địa vị ưu thắng của đàn ông không được họ công nhận, khuất phục. Cái tính xấu nhất của đàn ông mà họ chê bai là tính : hoang-toàng, dĩ thỏ, bạc tình..

Hơn nữa, cũng theo Trương-Tửu, những câu ca dao trên còn bộc-lộ rõ ràng đời sống bản năng và tinh-thần chống đối Nho giáo trong quần chúng Việt-Nam. Bởi Nho giáo đã chủ trương :

— Tôn trọng quyền đàn ông và áp chế đàn bà (thuyết nam ngoại nữ nội, nam nữ hữu biệt, nam nữ bất đồng tịch).

— Tôn trọng quyền chồng và

đàn áp vợ (thuyết tam tông : tại gia tông phụ, xuất giá tông phụ, phụ tử tông tử, sự thuyết trình tiết, cảm cái giá, luật thất xuất).

— Tôn trọng quyền cha đoạt mất quyền con (đạo hiếu, nổi đời tông đường, thờ cúng tổ tiên)

— Tôn trọng quyền Vua đàn áp dân (đạo quân thần : quân xử thần tử, thần bắt tử bắt trung ; trung quân ái quốc, Vua là con trời !...).

— Tôn trọng lý tính và kèm hãm tình cảm cùng bản năng (thuyết quân tử và tiểu nhân, thuyết quả dục...)

Như vậy, Nho giáo đã ủng hộ quyền lợi của đàn ông, của kẻ quân tử, và củng cố chế độ quân chủ chuyên chế đương thời. Nhưng đó là ba yếu tố phần uất nhất trong xã-hội. Vì thế mà dân chúng Việt Nam đã nổi lên chống đối mãnh liệt. Tinh thần chống đối đó thể hiện rõ rệt trong 6 câu ca dao trên. Bởi ông Nghè xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, là một Nho gia quyền thế, tượng trưng cho tất cả tinh thần Nho Giáo. Thế mà nhà Nho ấy đã không chính được cái tâm, không tự chủ được dục vọng, không dè dặt được sự thôi thúc của cái dâm

đến nỗi phải sai lính ra.. ve gái,

Còn theo Thanh-Lãng thì những câu ca dao trên có tính cách hài hước, trào phúng thể thái nhân tình, châm chích cái giờ, cái rơm thói hư tật xấu của người đời.

«Đọc văn chương bình dân ta được thấy nhân tiều dưới mắt từ những tật hư thói xấu cho đến cái giờ, cái rơm của cả một xã hội : từ giai cấp quý tộc cho đến bọn mặt dân» (Thanh-Lãng — V.C.B.D.)

Như thế, theo Trương-Tửu và Thanh-Lãng quan Nghè đã lợi dụng cái uy-quyền của mình để xâm phạm đến tự do cá-nhân của kẻ khác, đã quyết ăn cướp tiết trinh của nàng bán rượu duyên dáng, mặn-mà, không còn nhớ đến uy danh, liêm-sĩ của kẻ nho sĩ, một giai cấp độc tôn trong xã-hội Việt-Nam thời trước (Nhất-sĩ, nhì nông,..)

Điều nhận xét này kể ra tương đối đúng. Bởi xã-hội Việt-Nam dưới thời kỳ quân chủ chuyên-chế, người dân thường chỉ là hạng tôi đòi hèn hạ, thiếu bản quyền tự do ngôn luận, và các quyền tự do tối thiết khác, nên sự kiện ấy xảy ra là lẽ rất thường

Tuy nhiên, nếu bình tĩnh mà xét cho kỹ, ta thấy câu ca dao trên còn có đặc tính phổ bày một khía cạnh tâm lý quan trọng khác nữa của người đời.

Ở đây, chúng tôi không chú-trong bên vực ông Nghè vô danh nào đó ; song lẽ chúng tôi cũng muốn nói thêm rằng : ông Nghè, hay là một Nho gia thời trước đã được rèn đúc trong một khuôn khổ lễ giáo nghiêm khắc, và cứng rắn thì dù khi ra đời, tư cách có hèn mặt đến đâu, cũng không bộc-lộ dục vọng quá trắng trợn và phũ-phàng bằng những câu như :
Có con thì mặc có con.

Thất lưng cho tròn mà lấy chông quan

Thuở đó, khi mà cái võ đạo đức còn bó chặt lấy con người sự «trêu hoa, gheo nguyệt giữa ban ngày» trong đám thương dân đã là 1 điều quá đáng lắm rồi. Hưởng nữa, đây lại là 1 quan Nghè mà sau khi cô gái nạn nhân sợ hãi quá đã phải kêu to lên rằng «Em đã có con!» Nàng muốn trình cái nghĩa vụ thiêng-liêng đáng kính của người mẹ ra để chặn đứng mọi tư-tưởng, hành động bất chính của kẻ cường dục. Nhưng thật không ngờ ! Cái chiêu bài «mẹ» ấy không mấy may nao núng kẻ bất lương, trái lại còn có dịp làm cho người ta thấy rõ cái tâm địa bỉ ổi của kẻ cậy quyền thế hãm

hiếp.

Chính đó mà người đọc những câu ca dao trên đã sinh ra thắc mắc hoài nghi, mong đi tìm 1 thoả mãn cho tâm hồn. Người ta thấy rằng sự trạng « nài hoa ép liễu » thô bạo này xảy ra chắc hẳn không phải hoàn toàn do quan Nghè chủ trương. Đây là hành động mượn gió bẻ măng của bọn sai nha dịch lệ thiếu tư cách đạo-đức vốn hay đội lốt cọp, mượn oai hùm để làm mưa làm gió, gieo đau thương tan tóc trong đám dân lành xấu số. Hạng này, ở xã hội nào và bất cứ thời nào cũng không hiếm. Chỉ có bọn đó mới đủ can đảm thốt ra lời trắng trợn :

Có con thì mặc có con,

Thất lưng cho tròn mà lấy chông quan

Câu ấy đã tỏ ra tất cả sự hống hách của kẻ cậy quyền thế, đồng thời còn tiềm tàng một sự nịnh bợ tận công hèn hạ trước thượng cấp.

Ngày nay, trong không khí hiện tại, những câu ca dao trên chẳng những có giá trị văn học mà lại còn có giá trị lịch sử nữa. Nó là một hình ảnh rõ rệt bằng chứng hùng biện cho một tệ-đoan xã-hội dưới thời kỳ quân chủ chuyên chế, kẻ lãnh đạo dùng uy quyền chà đạp lên quần chúng, kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, kẻ giàu có thể lực bóc lột kẻ nghèo hèn !



U già

✧ Phan-Thị Mỹ-Khanh

HỒI tôi mới tám tuổi...

Chiều hôm đó tôi vừa đặt chân tới Hà-thành lần đầu tiên... Ăn cơm tối xong, đèn điện ngoài phố bật sáng choang. Tôi đứng đứng tựa cửa, ngẩn người ra nhìn cái ánh sáng kỳ diệu về đêm của thị-thành, thì từ nhà trong, có tôi gọi với xuống bếp: "U già ơi! cầm tiền đi mua xà phòng này!". Một bà thấp bé, trạc độ năm mươi, đầu chít khăn đen, vạt chiếc áo cộc nâu và chiếc váy sồi rộng xúng

xính, hấp tấp bước lên. Có tôi đặt vào tay bà hai đồng chính Khải-Định màu vàng ánh. U già ra khỏi cửa, là tôi nhón gót theo liền, không kịp xin phép có tôi. Tôi tự nhủ: "Thầy và anh ở cả trên gác, nếu lên đến nơi xin phép, chắc là U không chờ mình, còn cô, tính cần thận chắc cô không cho đi đâu". Và tôi rảo bước cho kịp u già. U quay lại, thấy tôi thì cười, rồi vui vẻ dắt tôi đi. Đến một ngôi hàng nho nhỏ ở đầu phố, cách nhà cô tôi chừng năm mươi thước, u

vào mua xà phòng và tôi đứng ngoài cửa chờ, luôn tiện để nhìn đây đó cho thỏa mắt.

Chợt tôi nhìn sang bên kia lề đường. Trong tủ kính của một nhà hàng lớn, đồ chơi trẻ em bày la liệt, phô muôn màu sắc rực-rỡ dưới ánh đèn sáng dịu có chiếc abat-jour xanh nhạt. Tôi rời ngói hàng có u già mua xà phòng, một mình bước sang bên kia và tò mò đứng ngắm những vật trong tủ kính. Những con búp-bê xiuh xinh với làn da hồng mịn, với chân tay tròn trĩnh ngói kia, nhìn tôi với đôi mắt đen láy mở rộng. Tôi đứng ao ước được nâng niu nó trên tay thì bà chủ bảo tôi: "— Em thích những con búp-bê đó phải không? Về xin tiền Thầy Me đến tôi bán cho!" — Thế là, không nghĩ ngợi, tôi trở qua hàng có u già, định bụng sẽ về xin tiền Thầy, hay Cô thôi mua cho được cái vật mà tôi thích. Tôi nghĩ rằng Thầy tôi dẫu nghiêm khắc nhưng mới căn dặn có tôi về quê đem tôi ra, hẳn cũng chiều tôi một tí chứ.

Sang hàng xà phòng, tôi tìm mãi chẳng thấy u già đâu cả, hỏi thăm bà cụ bán ở đấy, bà ta bảo u về rồi. Tôi hơi sững sốt, nhưng tánh dạn dĩ kéo tôi trở lại bình

tĩnh. Tôi cố nhớ lại con đường u già đã cùng tôi đi lúc này thì thấy không bao xa và mạnh dạn về một mình. Lạ thay, tôi vừa để ý nhìn thì tìm không thấy nhà cô tôi mà càng đi càng xa hơn, toàn những nhà lạ hoắc. Tuy mới đặt chân đến Hà-nội lúc ban chiều, tôi cũng đã quan sát được cái bề ngoài của nhà cô tôi: cửa sơn xanh và có cái tủ thuốc ho hiệu "Điều Nguyên được-phòng". Duy cái số nhà thì tôi chưa biết để ý. Thế nhưng càng đi càng lạ dần. Lại con đường lúc này tôi đi với u già rất ngắn mà không có cái máy nước nào. Bây giờ tôi lại đi ngang một cái máy nước đương có rất đông người tranh nhau vặn nước chảy vào thùng mình. Tiếng cười nói của các anh nhỏ, chị sen chen lẫn với tiếng thùng khua chạm vào nhau làm thành một âm thanh hỗn độn, chất chứa. Tôi bèn đánh bạo lại gần một người con trai, hỏi nhỏ:

— Anh có biết nhà ông L.D. ở đâu không?

Cái giọng Quảng nam đặc của tôi làm cho người ấy khó nghe, ngo ngác. Một chị, sắp đặt đòn gánh lên vai, vội để xuống, chạy lại bên cạnh anh kia, hỏi với cái

giọng khinh khỉnh : « — Gì đấy ? Nó hỏi gì đấy ? » Anh kia bèn quay ra, dài cái mồm nhại giọng tôi, lặp lại câu tôi hỏi. Cả bọn phá lên cười khiến tôi vừa tức mình vừa xấu hổ. Chị nọ trề môi lạnh lùng : « — Chịu thôi. » Rồi chị ta gánh đôi nước ngoe nguẩy bước đi, Tôi đứng vờ vờ một lúc lâu rồi lại lủi thủi sang phố khác. Bây giờ viết những giòng này, tôi nhớ rõ là hồi ấy, tôi không sợ hãi, nói cho đúng hơn, chưa biết sợ, chưa biết lo cho những nỗi nguy hiểm của sự lạc đường về đêm trong một thành phố rộng lớn. Tôi chỉ đi, đi mãi, lang thang trên hè phố, hết phố này đến phố khác. Bên tai tôi còn như vẳng tiếng cười mắt dạy tiến nói chế riễu của bọn trai gái chỗ máy nước, khiến tôi không dám nghĩ đến tìm một người khác để hỏi nữa. Càng khuya, người qua lại càng thưa dần mà tôi vẫn đi, đi mãi. Bây giờ không phải còn mục đích nhìn cái cửa sơn xanh và cái tủ thuốc *Điền Nguyên*, mà là mong gặp một kẻ quen thân. Lác đác, đã có vài nhà đóng cửa tắt đèn.

Bỗng, có tiếng giày cồm cộp trước mặt, và một người thanh niên vận âu phục đi lại gần tôi,

vừa đi vừa nhìn hai bên phố. Tôi chợt nhận ra khuôn mặt thân yêu do ánh đèn một tiệm hút tóe chiếu ra và chạy lại ôm chầm lấy, gọi to : « — Anh !.. »

Thì ra anh cả tôi đương đi tìm tôi đó. Anh mừng rỡ, nắm lấy hai vai tôi, lay lắc : « — Trời ơi, mầy đi đâu từ tối tới bây giờ ? Ở nhà hoảng lên, tìm mày tung! » Rồi anh tôi hạ giọng xuống, hiền từ bảo : « — Thôi, đi về với anh ! này giờ em đi những phố nào ? » Tôi níu chặt tay anh. — lần này thì không rời ra nữa — và chỉ ngoanh ngoeo những đường phố tôi đã đi qua, thật ra tôi còn biết phố nào với phố nào nữa đâu ! (về sau tôi mới biết là từ phố hàng Bông, tôi đã đi lang thang ngót mấy tiếng đồng hồ và chỗ tôi gặp anh tôi là phố hàng Da.)

Về đến cửa, tôi nghe có nhiều tiếng lao xao ở trong nhà. Anh cả tôi nói to cho mọi người biết : « Tìm được hẳn đây rồi ! »

Người đầu tiên chạy ra là cô tôi. Người ôm lấy tôi vào lòng, nước mắt chạy quanh : « — Sao cháu đi, không nói cho cô biết ? May quá, chứ gặp mẹ mình thì nguy ! » Thấy tôi ở trên gác, đang

mong tôi, nghe nói ồn ào cũng hỏi vọng xuống : « Tìm được hẳn rồi à ? Lên đây với Thầy, con ! » Ấy, đàn ông vẫn thế. Thấy tôi trầm tĩnh bao nhiêu đối với việc ấy thì cô tôi nóng nảy bấy nhiêu. Tôi về rồi mà hình như cô chưa nguôi cơn giận. Cô quay vào nhà trong, xia xói : « May mà nó về đây, không thì u khổ với tôi ! Ác quá ! dẫn con người ta đi rồi bỏ đấy, về một mình. » Có tiếng ở dưới nhà khép nép thưa : « — Thưa bà, cô ấy theo con rồi lại bỏ về ngay khi con còn đứng trong hàng kia mà, con có biết đâu ! »

Cô tôi quát lên giận dữ : « Thôi u đừng chối cãi, nó mới ở quê ra, đã biết đường đâu mà chạy đi chạy về ! » Các con cô và những người nhà chạy tìm tôi bấy giờ đều về cả, nhốn nháo nói mỗi người mỗi tiếng, chung quy là ai cũng đổ lỗi cho u già. Tiếng nói u im bật. Bấy giờ tôi mới nhận ra u ngồi chỗ chân cầu thang. Tôi rời cô tôi để chạy lên gác. Đi ngang qua chỗ u tôi nghe tiếng thút thít và ánh đèn nhà ngoài chiếu vào làm tôi trông rõ u đương lau nước mắt. Tự nhiên, tôi cảm thấy xốn xang trong lòng. Cử chỉ giận dữ của cô tôi vừa rồi và vẻ đau khổ của u già khiến tôi đoán biết việc xảy ra ở nhà lúc

chưa tìm ra tôi. Chắc cô tôi cho rằng u già dắt tôi đi chơi mà vô ý để đến nỗi lạc mất tôi, nên quá mắng u nhiều lắm. Còn u thì uất ức về nỗi tôi tự ý đi theo và tự ý rời u. Tôi đâm thương hại u. Trong thâm tâm, tôi muốn nói đôi lời an ủi, dỗ dành u nhưng lại sợ u giận, không dám đến gần. Tôi tưởng tượng u sẽ đâm cẩu và gắt lên : « — Chỉ tại mày, mà tao bị mắng, thôi mày đừng vờ nữa ! » Và cô tôi sẽ nghe rõ chuyện, tôi sẽ bị đòn ! Rồi tôi làm thỉnh bước lên thang, tai còn nghe tiếng thở dài buồn bã của u già ! Thấy tôi đương ngồi nơi bàn giấy, trước mặt là một bài báo viết dở. Người bỏ bút, vò đầu tôi và nói :

— Thế mà thầy cứ tưởng là mẹ mình bắt con rồi ! Thôi từ rày con đừng đi đâu hết !

Tôi vâng dạ và hú vía khỏi bị la rầy. Tuổi thơ dễ quên. Đêm ấy tôi ngủ một giấc ngon bên cạnh Thầy tôi mãi đến sáng hẳn mới thức dậy. Tôi nhẹ bước xuống thang gác. Cô tôi và các con chưa dậy. Nhìn vào bếp, thấy bóng u già đương nấu nước, tôi nhớ lại việc đêm qua. Tiếng la mắng của cô tôi và cái giọng nghẹn ngào của u trả lời lại như vọng bên tai tôi mấy lần. Tôi toan xuống bếp rồi lại thôi. Nhưng kia, u đã lên, tay xách tích nước đem đặt vào giỏ

ăm. Nét mặt u vẫn thản nhiên và vui vẻ như lúc dặt tôi ngoài phố. Chắc là u không giận tôi đâu. Thấy tôi, u lại hỏi, giọng dịu dàng : « — Dậy sớm kia thế cô bé ? » Tôi nhẹ hẫng người, sung-sướng hơn cả lúc mẹ tôi cho phép đi Hanoi. Chờ u trở lại bếp, tôi theo vào, đến cạnh u, thỏ thẻ :

— Đêm qua, cô tôi la u dữ lắm phải không ?

U già mỉm cười, nhại giọng tôi : « — La chi mà la, ấy, tính bà vẫn thế ! » Tôi lại thấy cái giọng nhại của u dễ thương chứ không đáng ghét như của mấy người chỗ máy nước đêm qua, và nụ cười của u bao hàm ý nghĩa nhẩn nại và khoan hồng. Nhẩn nại với chủ đề mong có công ăn việc

làm và khoan hồng với tôi, một đứa trẻ thơ quê mùa, ngờ nghệch. Cho đến mấy tháng sau, khi rời khỏi Hanoi, về nhà quê, tôi còn khắc ghi sâu trong tâm khảm hình bóng của người đàn bà đó, hơn tất cả những cái gì tráng lệ của đất Hà-Thành.

Quê tôi không có tiếng (ru già) nhưng mỗi khi đọc trang sách báo xứ Bắc, hai tiếng ấy gọi cho tôi một kỷ niệm êm đềm thời thơ ấu. Ngày nay, hai mươi lăm năm qua, những người thân tôi đã chết hoặc đã cùng ly cách, tôi vẫn còn nhớ chuyện cũ viết ra đây, không biết có còn ai xem không nhỉ ! U già chắc đã chết từ lâu, mà nếu có còn sống, nghe chuyện này u không khỏi chép miệng tội nghiệp con bé.



* KHẢ NĂNG

Ông Đội-Trưởng hãn-học la-mãng anh binh nhì bằng đủ các thứ tên súc vật. Rồi ông hỏi :

— Ở ngoài đời, chú làm nghề gì ?

— Thưa ông Đội-trưởng, tôi làm việc trong một nhà Bàng.

— Việc gì ? chú mày thì làm được cái khỉ mốc gì ? Lau nhà, lau bàn ghế hả ?

— Thưa không, tôi làm thư ký đánh máy. Còn lau nhà và lau bàn ghế thì có một ông Đội-trưởng về hưu.

Khúc hát người điên

*Em vẫn cười điên xá lá bay
Mùa thu ôm giấc mộng lên mây
Mưa trắng đổ xuống vàng lừng tóc
Em bước đi hồn ngọc ngàn say.*

*Rừng nhớ đời thương sương trắng lấm,
Hồn hoang từ thuở lạc rừng hoang
Cô đơn ngồi khóc trên bờ đá,
Một dấu chân và hai dấu chân.*

*Thượng đế vẫn cười bên xác chết
Trần gian nước mắt đổ vào thơ
Cuộc đời vẫn trắng bàn tay cũ
Cơm áo. Đường đi. Giấc mơ !*

*Áo tím tròn đêm chong mắt đợi
Nhưng cuộc tình duyên không trái tim
Trăng rụng chờ mong trăng đứng lại
Thượng đế làm thinh hay Thượng đế quên ?*

*(Đã chết niềm thương trong mắt sâu
Từ lâu đứng nghệt hai đầu cầu
Người ta hờm sẵn gươm và súng
Chờ chuyển sang sông xâu xé nhau !)*

*Nao nao buồn khóc lên thành tiếng
Ngơ ngác chiều đi sương chớm bay
Mấy nẻo đường khuya trắng lác lổng
Bàn tay, bàn tay. Ôi bàn tay ! !*

HUỲNH-MINH-TẤN (Phan-Thiết)

TỀ - HOÀN - CÔNG
thi hành bá-đạo

★ THIẾU-SƠN

SAU khi Vệ-ý-Công đã vì chơi hạc mà mất nước, thân bị bầm nát như tương, quân dân bị tàn-sát, xã-tắc bị tàn-phá, Tề-Hoàn-Công ở ngôi bá chủ đương trù tính xây đắp thành-trị, trùng-tu xứ-sở cho Vệ thì lại có tin cấp-báo : « Quân Bắc-Địch lại tới đánh phá nước Hình » Hoàn-Công hỏi Quản-Trọng : « Nên cứu nước Hình chăng ? » Quản-Trọng tâu : « Chư-hầu chịu phục Tề cũng vì hay cứu người trong lúc hoạn-nạn, nay Tề đã không cứu Vệ lại không cứu Hình thì nghiệp-bá ắt phải hư. » Hoàn-Công nói : « Bây giờ có 2 việc, một việc đắp thành cho Vệ, một việc đem binh cứu Hình, vậy việc nào phải làm trước ? » Quản-Trọng thưa : « Cứu Hình xong rồi sẽ lo đắp thành cho

Vệ. » Hoàn-Công liền truyền lệnh cho 4 nước Tống, Lỗ, Tào, Thù khiến phải tề-tự một nơi để cứu Hình.

Binh Tống và binh Tào tới trước. Còn Lỗ và Thù chưa tới. Quản-Trọng tâu với Hoàn-Công « *Binh Địch mới đánh, binh Hình còn sức cự-địch, bây giờ nếu ta cứu gấp thì công ơn không lấy chi làm lớn, chi bằng chờ cho binh Hình cự-địch không nổi, ắt phải tan vỡ, binh Bắc-Địch cũng đã mệt mỏi rồi, chừang ấy ta sẽ đem binh đến cứu, phá tan binh Địch, cứu nước Hình lại thì sức binh không mệt bao nhiêu và công lại nhiều hơn.* » Hoàn-Công làm theo kế ấy, mượn có chờ đợi, binh Lỗ và Thù đóng binh nơi Nhiếp-Bắc mà dò thăm tin-tức. Ba nước đồn

binh ước được hai tháng, Bắc-Địch công phá nước Hình rất gấp, binh Hình hết sức cự-địch, túng phải bỏ thành mà chạy.

Thám-tử về báo với Hoàn-Công vừa rồi, kế bá-tánh của nước Hình rùng rùng chạy đến dinh Tề cầu cứu. Chúa nước Hình nhào lặn giữa đất ngay trước mặt Hoàn-Công, Hoàn-Công đỡ dậy an-ủi rằng : « Tại nơi tôi cứu trẻ cho nên mới ra nông nổi như vậy. Ấy là tội của tôi rất lớn. Thời bây giờ chẳng thềm chờ binh Lỗ, binh Thù làm chi. Tôi sẽ cùng Tống-công và Tào-bá dẹp địch. » Kế đó Hoàn-Công liền cho mời hai vua tới nghị việc cứu Hình. Ba đạo binh đồng nhỏ trại kéo tới đánh Bắc-Địch. Quân Địch đánh phá, giết chóc, cướp-bóc đã đời rồi, nay nghe có binh ba nước kéo tới liền rút lui bỏ chạy về phía Bắc. Binh ba nước kéo tới thấy lửa cháy rần-rần và quân địch đã rút lui thì liền áp vào chữa lửa. Hoàn-Công hỏi Hình-Hầu : « Bây giờ cung thất cháy tan, thành quách hư hại như vậy, ở đây nửa dặm chẳng ? » Hình-Hầu đáp : « Bá-tánh trốn qua Di-Nghị rất nhiều, tôi muốn dời qua Di-Nghị cho vừa lòng dân. » Hoàn-Công khiến binh ba nước

hiệp lại đắp thành Di-Nghị, cất nhà tôn miếu và cung thất cho Hình-Hầu, lại khiến người về Tề chuyên chở trâu, ngựa, lúa, gạo, hàng vải qua đó giúp Hình-Hầu. Tội chúa nước Hình đều cảm ơn Hoàn-Công khôn xiết kể. Lo cho Hình rồi Hoàn-Công còn kéo binh chư-hầu qua tu bổ Sở-khâu cho Vệ. Tân-quân nước Vệ cũng cảm kích vô cùng.

★

Quản-Trọng khuyên Tề-Hoàn-Công phải cứu giúp chư hầu nhưng tới khi chư hầu lâm nguy cần phải cứu gấp thì lại bảo : « Khoan đã ! » Khoan đã ! để cho nó kiệt quệ-lâm than, cùng nguy, cực khổ thì công mới to, ơn mới lớn và tiếng tốt mới truyền xa.

Lữ-Đông-Lai về câu chuyện trên đây đã có những lời bác-nghị như sau : « *Vương-già sợ thiên-hạ loạn, bá-già sợ thiên-hạ không loạn. Vì loạn không to thì công không lớn, mà công không lớn thì danh không cao. Muốn được danh cao phải có công lớn, muốn được công lớn phải nuôi loạn cho to.* »

Quản Địch đánh nước Hình, hai năm sau Tề-Hầu mới dời dân Hình qua Di-Nghị. Quân Địch diệt nước Vệ, ba năm sau Tề-Hầu mới phong cho Vệ đất Sở-khâu.

Nếu thật lòng thương hại hai nước ấy tại sao phải chờ vài năm mới để ý đến ? Chủ-tâm rõ ràng chỉ muốn nubi loạn đó thôi ! ...

Than ôi ! Trông thảm họa của Hình và Vệ, từ vua, quan đến sĩ, dân đã chịu xác chết bỏ đầy đồng nội, còn mỗi-hồi nước mắt thấm đầy cả cây cỏ, kẻ có lòng nhơn vừa trông thấy cảnh nào-nùng đã háp tấp chạy đến tiếp cứu ngay, không thể ngồi yên được một buổi sớm, vậy mà Tề-Hoàn-Công vì một chút danh còn-con, ngồi yên để xem hai nước đó chết trên hai năm trường, sao mà nhẫn-tâm đến thế ! Muốn cho tai-nạn của người to ra để cho ơn-huệ của mình to thêm, muốn cho hung-ác của giặc rõ thêm để cho công-trạng của mình rõ ra, như vậy là lấy sanh mạng của vạn người để đổi lấy danh vọng của một mình, tâm gì mà thế ? Vừa thoát trông thấy trẻ con sắp rơi xuống giếng, lòng thương-sốt, dạ hãi-hùng tức nhiên sanh ra, chơn-tâm khi đã phát-hiện chẳng có gì ngăn trở được thì có rành đâu mà toan tính đến các việc khác.

Có kẻ lại bảo rằng : «Kẻ sắp rơi xuống giếng mà lại cứu ngay, công kia rất cạn. Để cho thất rơi rồi mới đến cứu, công mới sâu. Khoanh tay mà chờ cho trẻ rơi,

mới cời xiêm áo nhảy xuống cứu, tự nhiên cha mẹ nó sẽ chịu là ơn tái-sanh, lòng mạc sẽ nhận là có đức hơn người, có nghĩa khuy-nh-động cả phường xóm. Chừng ấy nghĩ lại lúc trước nếu cứu đưa trẻ sắp rơi, cha mẹ nào có tạ ơn, xóm làng nào có khen-ngợi, rõ-ràng cảnh thật quá khác nhau.

Nhưng thử hỏi, ở địa-vị của trẻ em kia, nên gặp người trước hay nên gặp kẻ sau ?

Than ôi ! Vương và bá phân biệt nhau tại chỗ đó

Nhưng lời bác nghị của Đông-Lai tiên-sinh thật là sâu sắc và cũng thật là thiết tha. Ông đã nói ra với tất cả một tấm lòng trung - thực, bác-ái, nhơn từ và trong sạch biết bao nhiêu. Trước khi công kích bá đạo ông đã đề cao Vương đạo và nhắc tới những vua Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng sở dĩ Vương đạo thực hiện được phần nào là do sự tổ chức xã hội còn thô sơ, do trình độ xã hội còn thấp kém, do dân trí chưa mở mang, nhân tâm còn thuần phác. Nếu thánh nhơn sống lại lối ngàn năm sau thì thánh nhơn sẽ không thể nào thực hành Vương đạo được.

Nếu các ngài chịu ngồi trên ngài vàng thì các ngài phải làm như tất cả các ông vua khác. Hoặc các ngài sẽ từ bỏ ngài vàng mà làm một Thích Ca, một Jésus, một Không-Tử, Mạnh-Tử hay Mặc-Tử. Chừng có là Không - Tử đã thất bại ở nước Lỗ, Mạnh Tử đã thất bại ở nước Lương chỉ vì muốn nói chí Thánh Nhơn mà thực hành Vương đạo. Bởi thế nên tôi không muốn nói tới Vương đạo mà chỉ bàn tới bá đạo ở đây.

Khi Tề Hoàn Công trị hoãn việc cứu Vệ và vi binh sĩ của ông mới đi đánh Sơn Nhung về còn cần phải nghỉ ngơi để dưỡng sức. Nhưng khi ông trị hoãn việc cứu Hình thì lại có tới hai lý do để trì hoãn. Lý do thứ nhất là quân Hình mới ráp chiếu còn sức đương cự và quân Địch còn mạnh, còn hăng. Đề chúng nó vật lộn nhau cho cả hai bên đều kiệt quệ rồi sẽ can thiệp thì chắc thắng hơn và đỡ nhọc sức quân. Lý do thứ hai là chờ cho Hình thật cùng khốn thì sự giúp đỡ của Tề mới to-tát. Chờ cho người ta gần chết rồi mới cứu khi mình có thể cứu người ta ở phút đầu, đó là một việc làm bất-nhơn, thất-đức, một việc làm

của bá-giả chứ không phải của vương-giả. Lời mặt-sát của Đông-Lai tiên-sinh đích-đáng và thống-khoái biết bao nhiêu ! Nhưng ông đứng về phe người mắc nạn chứ không đứng về phe người cứu nạn. Một người đã giết anh để đoạt lấy ngài vàng như Tề-Hoàn-Công, người đó đâu có thể thông cảm được những nỗi thống khổ của nhân-dân nước Hình ? Vậy thì cứu Hình đâu phải vì lẽ nhân-đạo. Cứu Hình chỉ là để gây uy-tín, gây ảnh hưởng, củng-cố sự nghiệp của một vị bá chủ chư-hầu. Nếu vua tôi và quân dân nước Hình cần phải hy-sinh bao nhiêu để cho ông đạt được những mục tiêu của ông thì ông cũng không mấy may xúc động. Ông có những lý-lẽ khác với những lý-lẽ thông thường vì ông là một ông vua, hơn nữa ông là một bá-chủ. Ông có những lý-lẽ của nhà nước (les raisons d'Etat) Quân ông còn mệt, phải cần cho quân ông nghỉ khoẻ một thời-gian, đó là một lý-lẽ. Quân địch còn mạnh, đánh gấp chưa chắc đã ăn và dầu có ăn cũng hao binh, tổn tướng bộn bàng, đó là một lý-lẽ thứ hai. Cứu đồng-minh sớm, người ta không nhớ ơn lâu. Phải để cho người ta gần chết, người ta mới

nhớ ơn tái-tạo và thần-phục mình lâu hơn, đó là lý-lẽ thứ ba.

Những lý-lẽ đó, một người như Tống-Trương-Công, ôm cây cờ nonh-nghĩa » đề đưa thần dân của mình đến chỗ bại-nhục lâm-than, một người như thế làm sao mà biết được. Làm vua và thứ nhứt là làm bá chỉ nên nói nonh-nghĩa mà không nên làm nonh-nghĩa, hoặc có làm nonh-nghĩa thì cũng chỉ nên làm trong khuôn-khò những lý-lẽ quốc-gia, tức là có lợi cho nước mình, cho dân mình và cố nhiên là cho dân mình trước đã.

Thầy Mạnh-Tử tới thăm Lương Huệ-Vương. Nhà vua hỏi thầy có điều gì chỉ bảo có lợi cho ông thì thầy hỏi lại : sao không hỏi điều nonh-nghĩa mà chỉ hỏi điều lợi ? Lời nói của thầy đã làm cho nhà vua chán thầy.

Cho tới nay đã trải qua 2600 năm, nonh loại đã tiến hóa bộn-bàng mà những lý lẽ quốc gia vẫn còn được duy trì ở mỗi nước, chủ-nghĩa công lợi vẫn thắng thế ở khắp nơi thứ nhất là khi người ta đã tìm được nhiều đất mới, khai được nhiều hầm mỏ, chiếm được nhiều thị trường và chế được

nhiều vũ khí tối tân. Bá đạo được phát triển theo với những chủ-nghĩa thực dân và đế quốc.

Khi cụ Sào-Nam bốn ba hải-ngoại, cụ muốn làm như thân Bao Tư qua khóc với Vua Tần đề xin cứu Sở, cụ hy vọng rất nhiều vào hai nước Tàu, Nhật là hai đồng văn đồng hóa với Việt-Nam. Nhưng kết quả là cụ đã bị nhà cầm quyền Nhật trục xuất đề làm vừa lòng Pháp và bị một Tướng Tàu hạ ngục đề tính giao lại cho Toàn quyền Đông-Dương.

Khi người Nhật qua chiếm đóng Việt Nam ta đã thấy họ đối xử với ta như thế nào. Họ cũng nói nonh nghĩa nhưng họ có làm nonh nghĩa đâu ? Và làm nonh nghĩa sao được khi chính họ cũng có những tham vọng đế-quốc ? Và những lý lẽ đế quốc còn phi nonh loại hơn những lý-lẽ quốc gia.

Ở đời này, ta còn phải tìm hiểu bá đạo nhiều hơn là Vương-đạo mặc dầu ta phải kính phục những người còn tha thiết với Vương-đạo như Đông-Lai tiên-Sinh.

Tôi làm vợ

(Girl in Bombay)

★ ISHVANI

● ĐỖ-TRUNG-THỊNH dịch



Việc chống đối nhau vì tôn-giáo làm chia rẽ Ấn và Hồi ngày nay đã trở thành một vấn-đề quốc-tế. Ngoài những vấn đề chính trị và xã-hội, còn có những vấn-đề cá-nhân đã là hậu quả của những xung đột này : đây là một trong những vấn-đề cá-nhân mà độc-giả sẽ thấy trong đoạn tự thuật sau đây. Trong một cuốn sách nhỏ đầy những lời rên siết của đời sống náo nức và hào nhoáng của thành phố Bombay - một phụ-nữ trí thức Ấn có tinh-thần cởi mở đã hồi tưởng lại chuỗi ngày thanh xuân của mình bị giam hãm trong một gia-đình trưởng-giả Hồi-giáo. Thân phụ và tồ-phụ của Bà là những y-sĩ đã góp một phần lớn vào việc đánh đổ những thành-kiến mà trong đó người ta cho rằng người đàn-bà phải được giam giữ trong một khung cảnh chật hẹp cách biệt hẳn với thế-giới bên ngoài. Chúng ta sẽ thấy chính Bà Ishvani, sau ngày hôn lễ, đã bị đặt trước một vấn-đề chính yếu đang cản trở bước tiến của xứ sở Bà.

TRONG khi tôi sắp bước ra đi dạo như thường lệ vào mỗi buổi chiều thì Bhabhi — bà kế mẫu của tôi — bước vào.

«Chúng ta không đi đâu chiều nay» — Nói xong, Bà đi tới đi lui trong phòng. Sau đó bà kéo ngăn tủ của tôi, lôi ra chiếc choàng màu xám và chiếc áo cánh. Ngắm nghía một lúc, Bà bĩu mũi : «Y phục này khá đẹp, nhưng tôi còn những thứ đẹp hơn». Kế bà ngồi xuống giường tôi và bằng một giọng nghiêm-nghị Bà nói tiếp :

— Tốt hơn hết là tôi cho cô hay rằng cha cô đã chấp thuận lời cầu hôn của bạn Ông để gả cô cho một thanh-niên vừa tốt nghiệp ở Oxford về. Người ta tiên đoán là Raschid sẽ có một sự-nghiệp rực rỡ ; hiện thời hấn mới 24 tuổi. Bất chấp cả tục-lệ của chúng ta và sự phản đối của tôi, hấn nhất quyết gắp cô và tự hấn xin cầu hôn trực-tiếp với cô. Ông Abba và cha cô đã chấp thuận lời thỉnh nguyện của hấn mà chẳng thêm hỏi ý-kiến tôi về việc ấy. Đợi một giờ nữa các người ấy sẽ tới đây. Vậy cô hãy sửa soạn và chờ đến khi nào tôi gọi cô ra.

Nói xong, Bà kệnh kiệu bước ra khỏi phòng tôi với một dáng điệu đầy bất mãn.

Trong những lúc có những ý nghĩ lạc quan nhất, tôi cũng chưa bao giờ nghĩ rằng tôi có thể giấp mặt vị hôn phu của tôi trước khi cử hành hôn lễ. Tôi lên nhìn trong gương, và thăm hỏi xem tôi có đẹp, có xinh chẳng ? Tôi không đẹp, cũng chẳng xinh, nhưng chắc là tôi có chút duyên dáng hấp dẫn nào đó. Tôi bỗng nghĩ đến giây phút hồi hộp khi gặp chàng, và tôi muốn chạy trốn. Nhưng rồi tôi lại cho rằng hành vi ấy hèn kém, không xứng đáng đáp lại ý muốn của chàng đã có đủ can đảm để gạt bỏ những lễ-luật trói buộc của nền luân-lý cổ truyền. Rồi tôi đâm ra bồn chồn và mong cho nhà trai sớm đến. Tôi cố đọc sách cho quên thời khắc, nhưng tư-tưởng tôi rối loạn trầm chiểu. Tôi đọc lầm thăm tên của Raschid...

Sau cùng, bà kế mẫu gọi tôi ra.

Khi tôi bước vào phòng khách, Ông Abba, một công-chức và là bạn thân của gia-đình tôi, đứng lên. Ngồi cạnh bên ông là một chàng trai trẻ đẹp, nước da màu

olive, mà chúng tôi đã gặp chàng trong lúc đi dạo. Ông Abba kéo tay tôi và nói :

— Ishvani, đây là Raschid, một người bạn trẻ mà bác thương yêu như con ruột bác.

Nói xong, Ông khịt mũi và khập khểch chống gậy bước ra.

Tôi ngồi xuống, và Raschid ngồi cạnh tôi trên một chiếc ghế dài. Sau một phút im lặng, chàng lên tiếng :

— Nếu không có sự giúp đỡ của bác Abba thân mến thì tôi đã không có được cái giây phút ngồi gần cô như hôm nay.

Chàng dừng một lúc lâu rồi tiếp :

— Hôm nay tôi đến để xin được kết hôn cùng cô.

— Bà tôi không cho anh biết về ý-định của người sao ? Tôi khẽ đáp lời chàng.

Chàng gật đầu, rồi bỗng nhiên như quên hết e-lệ, chàng nhìn tôi mỉm cười với một vẻ tin-tưởng hồn nhiên :

— Cô hiểu cho rằng tôi vừa ở Oxford về vài tháng nay. Bà tôi nhất định bắt tôi cưới vợ, nhưng ý nghĩ phải kết hôn với một cô gái tôi chưa

từng gặp gỡ, chưa từng rung-động vì họ làm tôi chán nản vô cùng. Cuối cùng, tôi xin Bà tôi hoãn cho tôi một thời gian, và tôi đi Darjeeling để suy nghĩ cho chín chắn. Và nơi đây, tôi đã gặp cô. Tôi vội vàng gửi thơ và điện tín đến bác Abba, cầu khẩn bác ấy đến đây để giúp tôi, vì tôi biết bác ấy là một người bạn thân của gia-đình cô.

Và hơi e-lệ mỉm cười, chàng hỏi tôi :

— Còn cô, cô có chút cảm tình nào đối với tôi để nhận lời tôi không ?

Tôi đáp lời chàng bằng cái gật đầu ưng-thuận. Và tôi nghĩ rằng Bà kế mẫu của tôi phải lấy làm hãnh diện khi nghe câu chuyện của chúng tôi, mặc dầu tâm-hồn Bà đã bị che lấp bởi những sự ghen ghét. Tôi đã là điển hình cho cái nhãn hiệu gia-giáo của người thiếu nữ khuê-các, và tôi không nói thêm lấy một lời.

Người ta nghe tiếng gậy nhịp trên sàn gạch phía phòng ngoài và Ông Abba bước vào. Ông tiến lại ngồi giữa Raschid và tôi, quàng hai tay lên vai chúng tôi và hỏi :

— Thế nào các cháu, xong xuôi cả rồi chứ ?

— Thừa bác xong rồi. Raschid đáp, Bác có thể hỏi phụ thân của Ishvani xem cháu có thể xin ảnh của cô ấy và viết thư thăm cô ấy không ? Và sau khi các người ấy ở Bombay về, cháu có thể thỉnh thoảng đến thăm nàng chăng ?

Mấy câu sau này chàng nói một mạch dường như chàng đã cố thu hết can-đảm và đã nghĩ kỹ trước khi nói.

Bác Abba vắt chéo hai chân lên nhau, hai tay vẫn quàng trên cổ chúng tôi, và bằng một giọng khàn khàn, bác nói :

— Cố nhiên, nhưng đừng năng đến thường quá. Bây giờ Raschid và tôi phải về. Sáu giờ sáng mai, chúng tôi đã phải ra ga.

Lúc đứng dậy, Raschid nói bằng một giọng cả quyết :

— Tôi tưởng đến bây giờ, điều tôi cần nói với bác là gia-đình của cô đây theo phái Shias, còn chúng tôi theo Aga Khan, nhưng việc này không thành vấn-đề. Những thành kiến này không còn là những trở lực lớn lao đối với thế-hệ ngày nay.

Chào Bác.

Tôi cũng đứng lên theo. Raschid đứng lại nơi ngưỡng cửa và quay lại chào tôi. Tôi chỉ đáp chàng bằng một nụ cười e thẹn.

★

Raschid cho tôi biết rằng chúng tôi sẽ sống chung với song thân chàng trong vài năm.

Ở nước Ấn, mọi gia-đình vẫn có lệ bắt con trai và cháu nội sống chung với cha mẹ dù những người này đã lập gia-đình. Chúng tôi cũng không thể làm trái lại luật-lệ của chế-độ đại gia-đình ấy. Trước ngày cử hành hôn lễ, tôi đã được gặp mẫu thân và anh chị em của Raschid, và theo phong tục người Hồi, tôi có thể trông thấy phụ-thân chàng ở tận hàng xa, nhưng tôi không được biết những người khác trong gia-tộc chàng, vì chẳng ai nói với tôi về điều ấy. Ngay cả cô em Lita thân yêu của tôi cũng không cho tôi biết trước là Ông nội, bà ngoại của chúng tôi, ba người chú, những bà vợ của chú chồng tôi cùng con cái họ, và đến nữa tá những ông anh họ chồng tôi đều sống chung dưới một mái nhà với chúng tôi.

Trước đây, hai gia-đình đều

theo nhóm Hồi giáo Kojas là nhóm thờ Aga Khan như vị lãnh tụ tối cao của họ. Nhưng sau này Ông nội của Ishvani — Bismail — lại là lãnh tụ một đảng nhỏ gia nhập vào phái Hồi giáo Shias chống lại đường lối dẫn đạo của Aga Khan.

Người ta thuê cất cho Raschid và tôi một gian nhà nhỏ ở một góc vườn, phía bên kia sân đối diện với giã nhà gia-tộc. Căn nhà của chúng tôi gồm một phòng khách, một buồng ngủ và một phòng rửa mặt. Vật dụng trang trí trong phòng khách gồm có vài cái ghế dựa loại gỗ quý, một chiếc ghế dài và sàn lót bằng tấm thảm Ba-Tur. Những quyển sách của Raschid sắp dài theo tường tạo nên nét sống động và vui tươi cho gian phòng. Hành lang bao xung quanh nhà trông ra mảnh vườn xinh xắn tô điểm bởi những bụi hoa hồng to và những khóm dầy hoa trà màu đỏ và trắng.

Mặc dầu chỗ ở mới của tôi có đầy vẻ đẹp mỹ miều, tôi vẫn không thấy thích thú như sống ở nhà tôi. Sống giữa sang trọng rực rỡ với những món nữ trang đắt giá, những chiếc áoàng kim-tuyển đủ màu, những đôi giày

viền cương, (những vật mà tôi ao ước suốt đời tôi), tôi vẫn luôn tha-thiết mong mỗi được trở về với gia-đình tôi. Đời sống trước kia đối với tôi dường như chán nản và trầm lặng, nhưng bây giờ càng ngày tôi càng thêm tiếc nhớ sự đầm ấm, nổi vui mừng và tình tương thân tương-ái mà cuộc sống có vẻ trầm lặng kia đã gói ghém ở trong.

Còn gì thích thú bằng được trườn mình trên sân thượng để mơ thấy mình trở thành một vũ nữ lừng danh, mơ thấy mình đi dạo với youssouf trong vườn đầy hoa thơm để ngắm mặt trời đỏ ối đang lặn về phía biển xa thăm. Và tôi thêm nhớ những buổi nói chuyện với Lita, những phút trầm ngâm triết lý về sự vô tận của thời gian, về sự tương quan giữa nền văn-hóa Đông, Tây, về những mâu thuẫn tôn-giáo trên thế-giới; và cuối cùng sau mỗi câu chuyện, chúng tôi cùng đặt câu hỏi : « Bao giờ cho dân-tộc Ấn được hoàn toàn giải phóng ? »

Trong hoàn cảnh hiện tại của tôi, không ai là người thêm quan tâm đến một câu chuyện nào mà trong đó không có bản đến món ăn mà người ta sắp sửa

dọn ra hoặc chẳng có nói đến ngày đi đến thờ hành lễ. Tôi không thể luyện tập những vũ điệu của tôi cũng như không dám mơ tưởng đến việc đó, vì mọi người đều hoàn toàn chống đối lại sở thích của tôi.

Bà của chồng tôi cai-quản mọi việc trong gia đình. Cặp mắt bà còn sắc sảo, mái tóc đen của Bà chải ngược ra phía sau, kết thành búi nhỏ, để lộ chiếc trán rộng của Bà. Bà là người triết để tuân theo những giáo điều của Aga Khan. Do đó bà thù ghét tôi, vì tôi là một tín đồ Shias — và nhất là tôi lại là cháu gái của Bismail.

Tuy không cùng sống chung dưới một mái nhà, nhưng Raschi và tôi đều dùng cơm chung với gia đình trong một gian nhà lớn. Phòng ăn — mờ tối vì không có cửa sổ — gồm có hai cái bàn dài và hẹp đặt ở hai góc buồng, một bên dành cho đàn ông và một bên cho phụ-nữ.

Bà nội Raschid đứng xem cho đến khi nào bên bàn đàn ông đã được dọn đầy đủ các thức ăn và họ đã ngồi xuống hết, bấy giờ bà mới ra hiệu cho chúng tôi vào.

Tôi bước theo sau những bà mẹ trẻ tuổi nhất, họ sẽ đảo mắt nhìn về phía đàn ông, kéo choàng phủ kín chân, và với vẻ nghiêm trang họ đi chậm chậm về phía chỗ ngồi của họ nơi bàn phụ-nữ. Cặp mắt của bà nội Raschid giống như cặp mắt của một viên tướng đương duyệt binh. Bà hướng về phía bàn chúng tôi, và cố làm ra vẻ thân mật để tiếp đón kẻ mới lạ, bà nhìn tôi nói :

— Hình như cô không thích ăn. Phải cố mà ăn chứ ! rồi Bà mỉm cười — một nụ cười cay nghiệt — nói tiếp :

— Cô đừng quên rằng đàn ông họ không thích những người đàn bà gầy dẫu nhá !

Tôi cố mỉm cười để lấy lòng bà. Một bà thím chồng tôi bêu mọi mai-mĩa : — ‘Tại cô ấy quen ăn sang nên những món ăn này cô ấy nuốt không trôi.’

Tôi nghe được những tiếng cười khúc khích có vẻ khoái trá cất lên sau câu nói đó, nhưng tôi vẫn cảm thấy có vài cặp mắt đang nhìn tôi với vẻ xót xa thương hại. Tôi chỉ biết cúi đầu, cố ngăn cho hai giong lệ khỏi trào ra.

Suốt bữa ăn, tôi để ý không

thấy Bà của Raschid đụng tới món nào trên bàn ăn, mặc dầu từng chấp mẹ của Raschid thường đưa mắt nhìn Bà như van lơn cầu khẩn. Mọi sự cố gắng tạo hào khí của chúng tôi đều vô ích, vì bà vẫn bất động — một thứ bất động sắt đá — và bà chẳng hề ném đến một món ăn nào. Bỗng nhiên, không có lý do gì rõ rệt Bà dùng dùng xô ghế đứng lên và bước ra khỏi phòng ăn. Một bầu không khí nặng nề bao phủ chúng tôi ; tiếng ly cốc, muỗng nĩa va chạm khi cánh cửa khép lại sau lưng bà. Là một người mới lạ nên tôi không hiểu được hành vi này.

Sau bữa ăn, tôi trở lại phòng của tôi, và vài phút sau Raschid theo vào. Chàng có vẻ khó chịu và bất mãn : chàng cầm lấy một cuốn sách, nhưng liền đó chàng lại đặt nó xuống với một vẻ bực rộc. Sau cùng, chàng đến đứng tựa cửa sổ, trầm ngâm ngó ra vườn. Bỗng chàng quay lại nói :

— Ba anh vừa bảo anh..

— Khoan, tôi ngắt lời chàng và cúi xuống tấm vải thêu tuyệt đẹp của tôi ; lúc ấy tôi đang bận gài một sợi chỉ bằng kim khí để giữ

chỗ cong của đường viền kim tuyến.

— Hãy dẹp việc đó lại. Anh có chuyện muốn nói với em. Chàng vừa nói vừa chỉ vào tấm vải thêu của tôi.

Tuân lời chàng, tôi đặt «tác-phẩm» của tôi xuống và khoan tay chờ đợi..

— Ban nãy, Bà không dùng bữa. — Em cũng nhận thấy thế. Tại sao Bà không ăn một tý gì cả ?

— Đáng lẽ em không nên hỏi tại sao... Sự đó do... Chàng tiếp theo với một giọng cau có — Bà không muốn dùng bữa cùng bàn với em bởi vì em không phải là người của nhóm Aga Khanis. Việc này đối với em không quan trọng, nhưng đối với Bà là cả một sự chống báng ra mặt.

Ishvani, em hiểu rằng anh không đòi hỏi em những gì mà anh xét ra em không thể nghe anh. Nhưng lần này, anh buộc lòng phải yêu cầu em gia nhập vào nhóm Khanis.

— Raschid, em sẽ hy sinh tất cả những gì của em cho anh, trừ việc đó.

— Nhưng việc em theo đó chỉ là trên nguyên-tắc thôi —

chăng la lên : — Em hiểu rằng đối với anh, việc em thờ tôn giáo nào cũng chẳng có gì đáng kể, dù em theo Ấn-độ giáo, Hồi-giáo hay Công giáo. Nhưng khổ nỗi, bà anh và tất cả mọi người trong gia-đình đều nghĩ khác anh.

— Raschid, Em cũng hiểu rằng, với anh cũng như với em, việc theo một tôn giáo này hay một tôn giáo khác đều chẳng có gì quan-trọng. Nhưng tại sao em lại không được cho hay trước khi cưới là những người trong gia-đình anh đều tỏ ra «độc tôn» trong vấn đề này ?

Chính anh cũng không biết rằng họ có những tư tưởng độc đoán đó.

Tôi nhìn chàng và bằng một giọng thiết tha :

— Nhưng, Raschid, anh chỉ nói về họ, còn anh và em, chúng ta không thể bàn đến việc của chúng ta sao ? Tại sao anh không nghĩ rằng chúng ta phải có một tinh-thần can-đảm để làm những việc gì xét ra đó là phải và hợp lý. Sau nữa, chúng ta còn là đại-diện của thể hệ thanh-niên Ấn ngày nay.

Hành động của chúng ta sẽ làm gương cho kẻ khác để ý và noi theo. Lẽ nào chúng ta không có quyền tự-do tư-tưởng sao ? Những tư-tưởng của gia-đình anh chỉ có giá trị ở thế kỷ trước. Nhưng với chúng ta là người đã được hấp thụ một nền giáo-dục mới, những tư-tưởng đó đã lỗi thời. Chàng bỗng chồm ra khỏi ghế :

— Em không cần phải pha trộn nước Ấn vào việc đó. Đây chỉ là một vấn đề cá-nhân và nó chỉ có liên quan đến chúng ta mà thôi.

— Nhưng việc đó lại là việc mà gia-đình em quan-tâm đến. Cha em đã đem cả đời người ra tranh đấu chống sự cuồng tín và áp-bức mà trước đây đã làm chúng ta rên-siết.

— Đó là dĩ-vãng, ta nên để nó chìm theo quá khứ.

— Nếu em quên chuyện đó thì cũng chính là em tự khinh em.

Chàng bực tức ngắt lời tôi :

— Thôi đừng nhiều chuyện ! Anh đã lịch sự yêu cầu em làm vừa lòng anh, nhưng em chỉ đáp lại bằng những luận điệu không đúng lúc. Bây giờ anh ra lệnh

cho em : nhất định là em phải theo phái Aga Khanis. Nếu em là người vợ hiền đúng như những đàn bà Hồi thì em phải cố gắng chấp thuận ý muốn của anh.

— Nhưng, Raschid...

Chàng đưa tay lên :

— Thôi đủ rồi. Đã đến giờ em đi nghỉ, chào em.

Nói xong, chàng bước vội ra khỏi phòng sau khi đóng mạnh cánh cửa lại.

★

MÃ I mấy tuần sau, tôi mới được hưởng vài ngày êm đềm bên cạnh cô em gái Lita yêu mến của tôi. Lita cho tôi biết rằng anh chúng tôi đã đi Luân-đôn (Londres) và đang đợi em tôi ở đó

— Nhưng Lita, em không thể bỏ chị để rời nước Ấn được.

— Sao thế ? Vả lại, việc đó sẽ chẳng lâu lắm đâu. Chị đã lập gia đình và được hạnh phúc, em không còn gì để giúp đỡ chị nữa.

— Em có chắc chắn là biết tất cả những gì đã xảy đến cho chị không ?

Tôi nhìn tấm choàng xanh kẻ sọc trắng của tôi, rồi bỗng nhiên tôi muốn xé toang nó ra từng

mảnh. Tôi nghĩ, thà là mặc rách rưới mà được tự-do.

— Sao? Chị không được hưởng mọi sự tự do chẳng? Anh Raschid đưa chị đi khắp nơi mà, ngay cả những chỗ như hí viện nữa.

— Phải ! Anh ấy dẫn chị theo mọi nơi, và nhóm Kojas của chúng ta xem việc chị được dẫn vào một hí viện như là một điểm thành công vĩ-đại trong việc giải phóng phụ-nữ. Nhưng chị thì chị cần một thứ tự-do khác hơn, chẳng hạn như việc chị được một mình đi đến ngưỡng cửa nhà chúng ta mà chẳng cần phải xin phép một người nào. Có nhiều khi dường như là chị không được thở hít khí trời nếu không có sự thỏa thuận của họ. Thật là kinh-khủng, Lita ạ ! Nếu em rời nước Ấn, chị cũng sẽ theo em.

— Chị không nên làm thế.

— Nhưng đâu sao, chị không thể và cũng không muốn tiếp tục cuộc sống hiện tại : chị cảm thấy như bị cầm tù trong gian nhà ấy. Mọi phía xung quanh chị, quay qua bên nào, chị cũng chạm phải những sự đau lòng : giai-cấp, đảng phái, thành-kiến.

— Thế sao chị lại lấy chồng ? Lita hỏi tôi bằng một giọng nghiêm nghị.

— Cả em nữa, Lita, em cũng lên án chị sao ? Hơn ai hết, em có thể giải đáp câu hỏi đó. Chị thành hôn với Raschid bởi vì chị không thể làm khác hơn. Quả tình chị có gặp Raschid một vài lần trước ngày cử hành hôn lễ, và việc này chị đã hưởng được sự dễ dãi hơn em, vì em chưa từng được giáp mặt vị hôn phu của em lần nào. Nhưng xét cho cùng, thực ra chẳng có gì khác biệt giữa hoàn cảnh của chúng ta. Chúng ta sẽ là những kẻ quái gở và bất hiếu nếu chúng ta làm trái lại cái việc «cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó». Chúng ta không có quyền lựa chọn, và rồi...

— Thôi đừng khóc nữa, em van chị, chị cầm lấy khăn tay của em để lau nước mắt đi. lát nữa, chúng ta sẽ cùng thảo luận về vấn đề này. Với sự kiên nhẫn và chịu đựng, chị sẽ thấy mọi việc đều ổn thỏa.

Đã từ lâu, tôi chưa được gần cô em gái thân mến của tôi một tối nào. Ở đây em đêm và ấm áp biết bao...

Bỗng nhiên, cái ước vọng được đi đến những phương trời xa lạ lại vụt tắt ngấm trong lòng tôi. Tôi cảm thấy rằng cuộc đời chỉ dễ dãi khi người ta được sống mãi bên cạnh những kẻ thân yêu. Tôi hỏi tưởng lại những tuần lễ vừa qua : tôi đã chiều theo ý muốn của Raschid, và từ đây, tôi đã là người của phe Aga Khanis. Tôi cũng hiểu tôi tự hạ mình trong việc chấp thuận đó, và việc làm tôi đau khổ hơn chính là việc biết rằng tôi đã thiếu sự can-đảm tinh-thần mà đáng lẽ ra tôi phải có, để cương-quyết trung thành với những tư-tưởng thâm kín của tôi.

Sau đó, cũng ngay tối hôm ấy, tôi thuật lại việc này với em gái tôi, nhưng lòng kiêu hãnh của tuổi trẻ đã ngăn không cho tôi nói với em gái tôi về việc cụ bà chồng tôi không thèm ngồi ăn chung bàn với tôi, và việc tôi bị cơn đói dần vật vì tôi cũng bắt chước bà cụ dúi cơm.

Tôi không muốn cho em tôi biết những đêm đau khổ của tôi bên cạnh Raschid : sau lúc thể xác bị dày vò, tôi quay mặt vào tường, cắn chặt lấy mép gối để

ngăn những tiếng nức đau thường cho khỏi thoát ra ngoài cổ họng, nằm lặng nghe bụng cồn cào vì đói cơm, hồn mình rên siết vì đói khát tình thương.

Tôi ngược nhìn nét mặt ngây thơ của Lita chưa in một dấu vết ngang trái nào của cuộc đời, nói :

— Lita, chị xấu hổ mà thú thật với em rằng chị thiếu những đức tính mà người ta đòi hỏi nơi một người vợ trong xứ chúng ta. Ở đây, một người vợ phải tự hy-sinh không một lời than vãn, mỉm cười trong đau khổ, và nhắm mắt bước theo sự dẫn dắt của người chồng đến bất kỳ con đường nào mà họ thích. Nhưng chị lại là kẻ không biết hạ mình, không mềm dẻo, không tuân lời : chị không thể nào đem hạnh phúc đến cho Raschid. Anh ấy tự-cho anh ấy là một thanh-niên mới, nhưng anh ấy vẫn quan-niệm phụ nữ theo như thân phụ và cụ ông anh ấy. Anh ấy có thể ở mọi nơi ở Anh, ở Pháp, ở Mỹ, nhưng trong thâm tâm, anh ấy vẫn muốn đời là anh ấy, anh ấy chẳng có gì thay đổi. Nhưng thôi, chúng ta hãy quên những vấn-

đề đã làm rối chúng ta trong chiều nay. Hãy tưởng tượng là chúng ta đi du-lịch các nước mà chúng ta chưa từng thấy, tưởng tượng như ta đương học ngôn ngữ của họ, và ta đang gặp gỡ đủ hạng người.

—Ồ tuyệt ! Lita reo lên một cách thích thú — Ta hãy bắt đầu chọn thức ăn ở một trạm nghỉ đầu tiên. Em vẫn thích món gà bỏ lò.

Lita tiếp theo :

— Em tin chắc rằng tất cả những kẻ xâm lăng Hồi giáo không bao giờ chinh phục được nước Ấn, nếu tất cả những tín đồ Ấn-Độ giáo đều ăn thịt.

— Chị còn đi xa hơn, và nếu chị có quyền, chị muốn làm sao cho tín đồ Hồi giáo ăn thịt lợn và tín đồ Ấn-độ-giáo ăn thịt bò. Nếu người ta bỏ được sự cố chấp cực đoan về tính chất tín ngưỡng, bước đầu tiên phải là việc đem lại một nền độc-lập thật sự và sự giải-phóng hoàn-toàn cho nước Ấn.

Chúng tôi đồng cười phá lên, nhưng nỗi vui của chúng tôi vẫn có nhuộm màu buồn thảm.

Mọi sự đó nói thì dễ, nhưng phải mất bao nhiêu thời gian nữa

đề Ấn-độ-giáo của chúng tôi-với hàng triệu người đời khổ có thể quên được sự dị-đoan và lòng tin tưởng vu vơ. Biết bao nhiêu người đã từng tìm ở đó một nguồn an-ủi duy nhất. Một người đang bị cơn đói hành hạ vẫn có thể quên ngay nỗi khổ của mình khi họ ngước mắt nhìn lên pho tượng Krishna, lấp lánh những viên đá quý trong ngôi đền với những vách tường cẩn toàn vàng y và nhất là khi họ ngửi thấy mùi hương trầm thơm ngát.

Thật là tàn nhẫn mà cướp mất nguồn an-ủi đó, vì không có gì hiện hữu trên thế-gian này để có thể thay thế cho họ sự say mê nồng nhiệt đó, không gì có thể đổi cho họ sự vui sướng đã làm họ quên kiếp sống đau buồn hiện tại để bước vào một cái thế-giới toàn mỹ dù chỉ là trong phút giây thôi.

Tôi bắt giặc thô-dài. Tôi nhìn gương mặt hồn nhiên yêu đời của em gái tôi, rồi tôi liên tưởng đến bao nhiêu người con gái khác mà thầm thương cho số phận của họ. Ngày mai hay ngày kia, có bao nhiêu người con gái trong

trắng chưa biết đến sóng gió cuộc đời sẽ đi theo con đường của tôi: rời bỏ những người thân yêu để về sống trong một cái thế-giới nhỏ đầy ganh-ghét, áp-chế, bất công. Rồi những người con gái ấy cũng như tôi: không có quyền phát biểu ý-kiến của mình, không có cả quyền nghĩ đến cha mẹ, anh chị em thân mến của mình. Người ta xem việc cho chúng tôi ăn cơm, quần áo mặc như để trả cái công làm vợ, làm dâu của chúng tôi.

Riêng tôi, tôi đã hấp thụ một nền giáo-dục mới. Người ta đã vạch cho tôi thấy một chân-trời tự-do. Người ta đã cho tôi những kiến-thức đủ để hiểu thế-nào là quyền sống của con người. Nhưng biết để mà làm gì? Tôi vẫn chỉ là người đàn-bà thụ động chịu mọi sự sai khiến của chồng, của mẹ chồng và hứng tất cả sự-dè bĩu khinh ghét của nhà chồng vì tôi chỉ là một người đàn-bà, một người vợ, một nàng dâu.

Đó là số phận tôi. Đó cũng là số phận của những người con gái Ấn. Và tôi tự hỏi: cuộc đời phụ-nữ chúng tôi cứ tiếp diễn như thế cho đến bao giờ...

T U Ẩ N ,

chàng
traí
nước
Việt,



* NGUYỄN VỸ

I

ANH BỐN nhắc quá !
Ảnh lớn rồi mà hề thấy ông Tây bà Đầm là chạy trốn vô nhà làm tội mình cũng sợ chạy ba chun bốn cẳng trốn không kịp !

Thằng Chuột và thằng Đít, hai đứa trẻ nít 9 và 10 tuổi, xúm nhau ngạo cậu Bốn, 18 tuổi, chàng thanh-niên đẹp trai nhất ở phố Cửa-Bắc.

Sự thật thì hai đứa nó còn sợ hơn cậu Bốn nữa, cũng như hầu hết các thanh-niên và thiếu-niên Việt-Nam thời bấy giờ, hề trông thấy " Ông Tây Bà Đầm ", là thất kinh hồn vía. Hai đứa nấp sau Miếu Cây-Gia, đợi ông Tây bà Đầm đi qua khỏi, rồi mới thò đầu ra. Còn cậu Bốn thì ở luôn trong nhà. Thằng Chuột cười, nói với bạn nó :

— Ảnh sợ Tây vậy, chớ hôm trước ảnh gặp cô Ba Hợi, con gái ông Bá-Hộ, đi chợ về, ảnh cứ đeo theo chọc hoài, không sợ đâu, mầy ơi ! Cô Ba không thèm nói gì hết, để cho ảnh cứ đi theo cho tới gần ngõ cò mới quay lại bảo ảnh : « Nhà tui có con chó dữ lắm, cậu đứng xó-rờ đây, tui xít nó ra cắn thì chịu đấy ». Vậy mà anh Bốn cũng không sợ con chó Vện của cô Ba Hợi, mầy ơi !

— Ảnh cứ đứng ngoài ngõ hả ?

— Ừ. Mầy biết ảnh mê cô Ba Hợi lắm. Mẹ tao nói thế đó. Tại

cô Ba Hợi có nhan sắc hơn hết thầy ở đây.

— Cô Ba Hợi có xit chó ra cắn ảnh không ?

— Không. Nhưng không biết cõ vô mét với ông Bá Hộ làm sao mà ông cầm cây roi mây chạy ra ngõ... Anh Bốn thấy cái roi của ông, sợ quỳnh, cầm đầu cầm cõ chạy thẳng một mạch về nhà, mầy oi !

Thằng Đít cười như nắc nẻ.

Lúc bấy giờ là năm 1910. Cậu Bốn, tên thật Lê văn Thanh, là con ông Xá Quý, ở làng Chánh Lộ, ngay tỉnh lỵ. Ông Xá có ngôi nhà tranh ở Cửa Bắc, không giàu cũng không nghèo. Cậu là học trò của ông Tú Phong, một nhà Nho học có tiếng tăm ở tỉnh. Tuy là sinh trưởng ở thành thị và đã 18 tuổi đầu, mà chàng thanh niên Lê văn Thanh như hầu hết các bạn trai trẻ khác đều rủ nhau học chữ Hán ở nhà ông Tú, chứ ít có cậu nào chịu đi học « trường Nhà Nước ». Bảo hộ.

Ở xóm Cửa Bắc, chỉ có thằng Chuột là đi học trường Nhà-Nước. Vì Thầy giáo cứ đến năn-ni mãi với Cha mẹ nói: cõ xin cho nó đi học. Mỗi lần thầy đến là thầy có đem cho nó một xấp « giấy tây » thật trắng, một quyển vở ngoài

bìa có in hình « bà Đầm Xòe » thật đẹp, một cây bút, một ngòi bút, một bình mực, một cái thước, một cây bút chì, một cục « gôm ».

Tuy vậy, Thầy giáo Năng đã dụ dỗ nó ba lần bảy lượt, mà thằng Chuột nhất định không đi học « Trường Nhà Nước », nó muốn học « chữ ta » — tức là chữ Hán ! — như Cậu Bốn con trai ông Xá Quý.

Sau cùng, một hôm Thầy giáo đến hăm dọa cha mẹ nó : « Chú thím không cho thằng Chuột đi học thì Quan Tây bỏ tù, đừng có trách tôi, nghe không ? » Vì sợ Quan Tây bỏ tù, mà rồi cha mẹ thằng Chuột phải đành lòng cho thằng Chuột đi học « Trường Nhà-Nước » vậy. Thầy giáo cũng nói thật rằng thầy được lệnh Quan Đốc và Quan Sứ bảo phải đi kiểm con nít tới học cho đông, vì trường Nhà-Nước chưa có học trò. Thầy giáo bảo thằng Chuột đổi tên khác. Cha mẹ nó không biết đặt tên gì, nên nhờ Thầy giáo. Thầy đặt tên cho nó là « Trần-anh-Tuấn ». Nhưng mấy ngày đầu Trần-anh-Tuấn chỉ muốn trốn học, vì thầy giáo bắt nó học « chữ Quốc-Ngữ » A, B, C... nó thấy kỳ cục quá, không giống những chữ

« Thiên trời, Địa đất, Thất mất, Tồn còn, Tử con, Tôn cháu, Lục sáu, Tam ba . . . », như thằng Đít học ở nhà ông Tú, nghe dễ hơn, và hay hơn. Thầy giáo bắt nó học BA, BẢ, BẢ, BE, BÊ, BI, nó vừa học vừa tức cười. Về nhà nó đọc mấy chữ mới ấy, cha mẹ nó và bà con cô bác ai nghe cũng tức cười. Nó mắc cỡ, nhưng vì nó sợ cha mẹ nó bị bắt bỏ tù nên nó phải đi học Ba, Bả, Bả, Be... đó thôi. Và lại, trường tỉnh mà vẫn ít học trò quá. Lớp Năm chỉ có 7 đứa, lớp Tư cũng 7 đứa, lớp Ba 6 đứa. Lớp Nhì, lớp Nhất chưa có trò nào. Thầy giáo bảo thằng Chuột về nhà dụ dỗ những đứa trẻ khác đi học, « Nhà Nước » phát cho giấy, bút, mực, khỏi phải mua, lại còn phát cho nó một cái mũ trắng nữa. Nó rủ bạn nó là thằng Đít, con chú thợ Mộc, nhưng thằng Đít không chịu đi. Thằng Đít nhất định ở nhà học « chữ Thánh Hiền ». Cha nó, chú thợ mộc, cũng muốn thế.

Trong tháng đầu, mỗi lần thằng Chuột đi học là nó cứ khóc thút-tha thút-thít, tuy nó đã 9 tuổi rồi, cái chòm tóc trên đỉnh đầu đã dài xuống đến ót.

Nhưng học được một năm, nó biết chút ít « tiếng Tây », nó lại hãnh-diện, làm phách quá-xá. Nó khoe với cậu Bốn Thanh, với thằng Đít, với tất cả bà con cô bác, rằng nó là « Lắc-léo-mè-dòng-lô ». Cậu Bốn hỏi nó :

— Lắc-léo-mè-dòng-lô là cái gì. mầy ?

— Là chữ Tây : l'élève maison-l'eau.

— Là cái gì chớ ?

— Là « Học-trò Nhà-nước » chớ gì !

Nó cười xòa, cõ vẻ chê mầy người không biết « Chữ Tây ».

Từ hôm nó nói được câu « Tiếng Tây » đầu tiên ấy, ở Cửa-Bắc ai nấy cũng phục nó sát đất. Họ đồn rùm lên là thằng Chuột giỏi tiếng tây lắm, mới học một năm mà đã nói được chữ Tây : « Lắc-léo-mè-dòng-lô ». Nó vô tình đã quảng cáo chữ Tây và Trường Nhà Nước cho cả dãy phố Cửa Bắc. Nhờ nó, mà tháng 9 năm 1911, sau kỳ Nghỉ hè, Trường Nhà Nước có thêm học trò khá đông.

Nhưng Cậu Bốn Thanh nhất định chê « chữ Tây » không có nghĩa lý cao-thâm bằng « chữ ta »,

tức là chữ Hán. Vả lại, cậu đã 18 tuổi rồi, chữ Hán cậu đã giỏi, cậu đã thuộc hết *Tư Thư Ngũ Kinh*, còn học chữ Quốc Ngữ và chữ Tây làm chi nữa ?

Không dè rốt cuộc cậu cũng phải học chữ Quốc Ngữ. Nguyên do là tại cô Ba Hợi, con gái ông Bá - Hộ ở Bến Tam Thương. Không biết ai bày vẽ cho cô từ hồi nào, mà cô ở nhà đã học chữ Quốc Ngữ, thuộc văn xuôi, văn ngược, bắt đầu đánh vần và viết được rồi. Cô đi chợ, mua một đồng tiền bột phảm tím, về nhà bỏ trong một cái ve, đổ nước sôi vào, hòa thành ra mực. Cô đến một tiệm lớn của khách-trú, mua một "manh giấy Tây" giá là một tiền, cô bọc lá chuối thật kỹ cho khỏi nhóp. Cô cũng mua một cán bút, một ngòi bút. Những lúc rảnh, cô tập viết chữ Quốc Ngữ một mình. Kề ra, ở tỉnh cô Ba Hợi là một cô gái "tân tiến" nhất lúc bấy giờ trong giới phụ nữ, nghĩa là mới chỉ có một mình cô là con gái học chữ Quốc Ngữ mà thôi, Cô học lén ở nhà, sợ chúng bạn ngạo. Cái bí mật là ai dạy cô Ba Hợi học chữ Quốc Ngữ, và học hồi nào ? Mãi về sau trong xóm người ta biết được, mới xầm xì là cô học Thầy giáo Năng. Ông Bá Hộ

chỉ có hai người con, mà cô Ba là con gái độc nhất và con lớn, nên ông chiều cô lắm. Theo ý cô muốn, ông có mời thầy giáo Năng đến nhà dạy lén cho cô học chữ Quốc Ngữ đã ba tháng, từ sau ngày hạ cây nêu Tết.

Một hôm, cô Ba đi chợ Tỉnh, lại gặp cậu Bốn Thanh, khăn đen áo dài, (cậu còn giữ nguyên cái búi tóc trên đầu, cũng như hầu hết thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ) và đi chrun không. Đến chỗ vắng, chàng thanh niên chặn cô Ba Hợi giữa đường, đề tán tỉnh. Đây là cách tán gái của chàng thanh-niên lúc bấy giờ :

— Cô Ba ơi ! cô nở lòng nào chê bai kẻ tiện sĩ này sao ? Tôi không thấy mặt cô một ngày thì nhớ cô, lòng thắt ruột đau. Sách có chữ : *Nhất nhật bất kiến như tam thu hề*, mà cô không thương xót tôi sao đành ? Cô ơi, sách lại có chữ : *Xuân bất tái lai*, thì giờ chạy mau như *bạch câu quá khích*, hay là cô còn chọn đá thử vàng rồi mới kết duyên Tần Tấn ?..

Cô Ba đội nón, còn cúi mặt sụp xuống nữa, không dám ngó cậu Bốn, nhưng cô la lên :

— Cậu không dè tui đi, tui la làng la xóm bây giờ đây.

Cậu Bốn sợ cô Ba la làng, nên phải đứng né qua một bên để cô Ba đi, nhưng cậu cứ leo đẹo theo

sau, nói lái nhai hoài. Cô Ba làm thình không trả lời một tiếng- Tối hôm ấy, dọn dẹp bếp núc xong, cô lấy một tờ « Giấy tây », bình mực tím và cây bút, cô vừa đánh vần Quốc-Ngữ, vừa viết chậm rãi :

CẬU BỐN,

Chùng nào cậu đọc được bức thư này, thì tui mới nói chuyện với cậu. Còn cậu không đọc được bức thư này thì cậu đừng có nói chuyện với tui, mất công. Thư bắt tận ngôn.

NGUYỄN-THỊ-HỢI

Hôm sau, cô Ba đi chợ, dắt thằng em trai 6 tuổi đi theo. Đi khỏi nhà được một quãng, gần chỗ ngã-từ rẽ ra Cửa Bắc, cô gặp cậu Bốn Thanh đứng câu cá nơi mương. Cậu giả vờ câu cá mà thực ra là mong được gặp cô Ba đi chợ như mọi ngày. Chàng thanh-niên chấp tay chào cô Ba, theo lễ-phép thời bấy giờ :

— Thưa cô Ba đi chợ.

Cô Ba cũng lễ phép trả lời rất khế :

— Dạ.

Chàng thanh-niên cầm cần câu leo-đẹo theo sau :

— Cô Ba ơi ! Thầy Mạnh Tử nói : « *Sĩ vị khả dĩ ngôn nhi ngôn* » . . . tôi biết là tôi..

Nhưng cô Ba Hợi không muốn nghe. Cô thò tay trong yếm (Năm 1910, cô Ba mặc yếm cũng như các bạn gái ta đời nay mặc coóc-xê vậy) cô rút ra phong thư bằng giấy Tây, mà cô đã viết đêm qua, và đã gấp lại thật nhỏ. Cô rút thư trong bàn tay bé-xiu của đứa em trai và nói thầm gì với nó. Cô bước đi thật nhanh, để em bé đứng lại sau, đưa thư cho cậu Bốn Thanh. Nó sợ-sệt, nói ắp-úng :
— Chị tui đưa cho chú cái này nè.

Chàng trai vui mừng và ngạc-nhiên cầm giấy thì đứa bé đã chạy thật lẹ để theo kịp chị đã đi xa, gần đến Cửa Bắc.

Chàng mở thư ra coi, đứng tần ngần một lúc, mắt cô đỏ mặt tía tai. Vì chàng không biết chữ Quốc-Ngữ ! Chàng không đọc được bức thư của cô Ba Hợi, tức quá, không biết là cô viết gì ?

Chàng thanh-niên về nhà, xấu hổ, cuộn tờ thư dút trong một ống tre, giấu kín trên mái tranh. Rồi chàng nhất-dịnh phải tìm người dạy chữ Quốc-Ngữ.

Thầy giáo chỉ cho chàng học A, B, C... BA, BẢ, BÀ, ... Không ai xa lạ : chính là trò Chuột, « lác-léo mè-dòng-lô » !

(Kỳ sau tiếp)



MUỐN YÊU NHỮNG NÀNG CÔNG-CHÚA

D Ở I thời các vua chúa Việt-Nam có một nhóm người xấu số nhất là những kẻ bán nam bán nữ hay là ái nam ái nữ, trong lịch sử gọi là những "hoan quan", những ông « Thái Giám », tục gọi là những « chàng bóng », bị « 12 bà Mụ » « hót » đi tron tru khi ra khỏi lòng mẹ. Nghĩa là những

người không phải trai mà cũng không phải gái. Những người ấy thường được các Vua Chúa tuyển dụng, cho nên vì muốn sang giàu, ham lộc cao, hưởng tước lớn của Triều Đình, cùng một số người đã tự ý vui lòng hiến đi,

* NGUYỄN-QUANG

* Ảnh trên : Một nhóm Hoan-Quan ở Huế.

còn lại chút xíu, để được vào ở cung cấm, hầu hạ các bà Hoàng bà Chúa, các cung tần mỹ nữ... để cho cha mẹ anh em, bà con họ hàng, làng xóm được nhờ cậy bổng lộc, hoặc thế lực, uy-quyền.

Mặc dầu, cha mẹ sanh ra tự nhiên đã bị "tron trọn" như thế, hoặc tự ý hiến đi, nhưng trong lòng các viên "hoan quan" vẫn còn mang nặng một tình yêu man mác. Đôi khi, họ là người đa cảm và đa tình nhất, và hay ghen nhất trong thiên hạ.

● Các ông « giám » trong thời các vua chúa

Đã có những ông « giám » làm nên sự nghiệp lớn lao, và nhiều khi có thể lam diên đảo quốc gia dân tộc, như TRƯƠNG-NHƯỢNG, một hoan quan đời Tam-Quốc, LƯU-CÀN, đời vua Chánh Đức, nhà Minh, (người đã gây ra loạn Vĩnh-Thuận) v.v ...

Ở nước ta về đời nhà Lê, có viên hoan quan HOÀNG-CÔNG PHU đã lập phe kết đảng toan hại Triều thần.

Tả quân LÊ VĂN DUYỆT đời nhà Nguyễn, cũng là một hoan quan, lập được nhiều công to, đánh Tây Sơn, giúp vua Gia-long

thống nhất sơn hà. Về sau, Lê Văn Duyệt bị vua Minh Mạng xiềng mã, kết tội là một võ tướng xuất thân từ trong giới hoan quan, và lung lạc việc triều chánh. Cho nên Minh Mạng đã ban Dụ có 5 điều như sau :

- 10) Bất lập hoàng hậu.
- 20) Bất tôn Tề Vương.
- 30) Bất tuyển Trạng nguyên.
- 40) Bất phong Vương tước.
- 50) Bất dụng Hoan quan.

Đó là nguyên-tắc « Ngũ Bất » do vua Minh Mạng đề ra, có lẽ vì nhà vua đã ôm hận đức Tá quân Lê Văn Duyệt lúc còn sống, đã không đồng-ý với vua Gia-long, tôn Minh-Mạng lên kế vị.

Theo tài liệu của A. Laborde ghi rõ, trong tạp-san « Bulletin des Amis du Vieux-Huế » số 2, tháng 4 - 6, năm 1918, chúng ta được biết đại khái như sau : « ... ngày 17 - 3 - 1836, năm thứ 17, vua Minh-Mạng đã minh định công tác của các viên Thái-Giám trong Cung Nội rồi. Kể từ đời nhà vua này đi xuống, có thể nói, các ông Giám đều được sống an nhàn bên cạnh các đại thần văn võ quan, để hưởng vài chút bổng lộc mà thôi. Chứ lúc ấy, các ông này chưa

có phẩm tước gì của nhà vua ban cả. . . .”

Ngày nay, phía trước trường Quốc Tử Giám, bên cạnh Văn-miếu, người ta còn thấy trên một tấm bia đá ghi rõ Đạo Dụ của nhà vua.

Trường Quốc Tử Giám đã dời đi nơi khác, nhưng cái bia ấy vẫn còn tại chỗ.

Vua Minh-Mạng, có lẽ vì hận đức Lê Tả quân, cho nên ngài thu dụng các viên Thái-Giám chỉ để hầu hạ các cung tần mỹ nữ trong cung. Chớ, nhứt định vua không chịu cho họ tham gia văn võ quan, mặc dầu một vài ông Thái - Giám có tài học thông giỏi.

Ngoài ra cha mẹ có con làm được hoạn quan hầu hạ trong cung, được hưởng vài chức nhỏ trong làng như chức NHIÊU PHỤ, nghĩa là khỏi đóng sưu và thuế anh em cháu chắt của họ cũng được hưởng tước MIỄN NHIÊU, tức là miễn sưu miễn thuế trọn đời.

● Công tác của các Thái giám..

Dựa theo sách *Châu lễ* của đời nhà CHU bên Tàu, các Thái giám sở dĩ được tuyển dụng vào Cung nội, dưới các đời vua chúa

V N., là để chạy công văn, canh gác, đóng cửa, mở cửa Hoàng-thành.

Ngoài ra, các ông lại lo dọn dẹp, quét vén các dinh thự, lăng tẩm, và nhất là được tự do ra vào cung cấm, hầu hạ các công chúa và các Cung tần Phi nữ.

Hoạn quan có bốn phận liên lạc mật thiết giữa nhà vua với các nàng cung phi. Nhờ họ là hoạn-quan không bị nghi ngờ có việc tư tình hay thông dâm với đám cung nữ nên họ rất được các vua chúa tín dụng.

Vào Cung, các viên Thái-Giám được dạy bảo các lễ nghi trong triều.

M. MAYBON, trong quyển « *La vie secrète de la Cour de Chine* », cho biết đại khái về các ông Giám như sau : « . . . ông Thái-Giám là tôi tớ, để các ông Hoàng, Bà Chúa sai vặt, nhứt là khi tối lại, họ có bốn phận canh gác các phòng Cung-phi. Nhà vua, thường thường có những thẻ ghi rõ danh tánh các bà phi, bỏ trong một cái ống. Đêm nào vua muốn hưởng thú ái-tình, thì vua xóc ống lên, nếu có 3 cái thẻ văng ra, là đêm ấy Vua « ngũ » với 3 bà Cung-nữ có tên ghi trên ba thẻ đó.

Viên Thái-Giám, lúc này có bốn phận báo tin cho 3 bà ấy hay phải sửa soạn, tắm gội, để đợi giờ giao - hoan..

Nếu nhà vua xóc được 1 thẻ, hay được 5, 6 thẻ, thì 1 Bà hay 5, 6 Bà ấy đều được Vua « dùng » đêm ấy cả.

Sau đêm ân ái mừng-nồng, các bà cung phi thường cúng vái cầu nguyện có thai Hoàng Nam để hưởng lâu dài lộc vua.

Viên Thái giám canh gác đêm ấy dẫn cung nữ đến Long-sàn, nếu bà này thọ thai chắc chắn là y sẽ được trọng thưởng.

● Hoạn quan có biết yêu không, có lấy vợ không ?

Bạn vội cười rằng đã là Giám « tron », và Giám « thiên » thì còn lấy vợ làm sao được ?

Thưa không, mặc dù trời sanh ra ông giám, hay ông tự ý thiên đi, nhưng lòng người vẫn rạo rức những tình cảm thiên nhiên không tránh khỏi.

Bởi vậy, các ông vẫn lấy vợ và hay ghen vợ dáo dề. Ông nào không lấy vợ thì thường say mê những câu chuyện về vợ chồng, bỏ cả công ăn việc làm, vẫn chịu khó ngồi nghe cả ngày không chán !

Đề vui nhà vui cửa, nhiều ông hoạn quan khi đã có vợ rồi, liền mua hay xin đứa con về nuôi. Những người đàn bà lấy chồng làm hoạn quan, phần nhiều vì ham lợi lộc, vì nhà nghèo.

Sau những năm tháng « đầu gối tay ấp » nàng đã phải sầu muộn lên trên nét mặt, vì đức lang quân thiếu... « cái ấy ».

Cho nên một lời nguyện ước ba sinh, nàng vẫn cam chịu hãm hiu cho tới ngày ông chồng qua đời trước khi bước thêm bước nữa, hoặc nàng ngoại tình để bù vào những thiếu thốn.

Trái lại, cũng có những ông hoạn quan, tuy đã bị thiên hẳn mất rồi, nhưng cũng có tính... 35! Thấy cô cung nữ đẹp, chàng cũng cười tình, cũng buồn lời ong-bướm, cũng biết vuốt-ve mơn trớn. Đề rồi rồi cuộc chẳng được việc gì cả ! Đó là những « mối tình cao thượng » triệt để, tình yêu trong trắng hoàn toàn ! Vậy mà ông Thái Giám cũng biết ghen chứ ! Không làm gì được hết, mà thấy người khác làm được ông cũng ghen.. nhưng chỉ ghen âm thầm lặng lẽ mà thôi. Cho nên cũng có những nàng Công - chúa đã yêu các hoạn quan, mà đành yêu trộm uớ thầm, tình yêu

« tuyệt vọng » vì không có mục đích gì cả !

Theo ông Laborde kể lại, tại Huế, ngày trước có một ông Thái Giám có hình vóc vạm vỡ, to lớn, nhưng dáng điệu lại đàn bà 100 phần 100, vì ngực nở, bả móng to.

Như vậy, ông Laborde hỏi, người ấy là nam hay nữ ? Thiệt là con người hoàn toàn bí mật ! « Ông » này hay « bà » này, từ khi lên 11 tuổi được tiến vào cung, tới 62 tuổi là một nguồn « vui thú » của các hoạn quan trong Cung giám viện.

Bà ấy chỉ lo trông coi lăng tẩm các nhà vua, và thọ được 83 tuổi mới chết.

Ngày nay, tại Huế, trước Tháp Bồ Đề có ngôi chùa « Từ Hiếu » là do tiền của các Thái Giám chung đậu cất lên.

Ngôi chùa Từ Hiếu nằm trên cồn đất đi lên Khiêm Lăng của vua Tự Đức, nằm tại làng Dương Xuân, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên.

● Những ông hoạn quan ngày nay.

Tại Nhatrang, một ông bạn cho biết, có một xóm toàn người Giám ở, chuyên sống về nghề đồng bóng.

Tại Sài Gòn, vùng Chợ Đũi, người ta nhận thấy các ông ái nam

ái nữ, tục danh là các bà chàng bóng, sống nghề cúng vái, dịp trống rất hay, có bà đội lên đầu một cái mâm xôi chè, gà vịt, rượu thịt, và múa nhảy theo nhịp kèn trống mà mâm ấy không rớt.

Các bà này hay sửa soạn lắm, má phấn môi son, mang vòng vàng chuỗi hạt, áo quần bánh bao . . . và cũng đa tình lắm đấy.

Nếu, các bạn được đôi mắt xanh của các « bà » ấy nhìn đến, thì các bạn là viên ngọc quý của các bà rồi.

Tuy rằng, các bà yêu đương các bạn với tất cả mối tình chồng vợ, nhưng hoàn-toàn vô vọng ! Nếu các bạn không điều-tra kỹ, các bạn sẽ bị vây ngay, khó bề giải-thoát. Vì các « bà » vẫn ghen đáo-đề, cấm các bạn diện quần-áo sang trọng, cấm các bạn đi bách bộ trên vỉa hè Đô-thành mỗi chiều thứ bảy, và ngày Chúa nhật sợ các cô ngắm-nghe.

Các bạn mỗi khi đi sâu vào xóm hẻm vùng CHỢ-ĐUÌ, xóm Giếng-Nước, cạnh Trường-Gà, hễ nghe có tiếng trống điệu-dàn, thì mời các bạn ngừng lại, nhìn xem, các bà « Chàng bóng » ấy đang đội trên đầu mâm xôi thịt, xoay nhảy theo nhịp đàn tiếng

trống . . . mê ly. Đây là một hạng người riêng-biệt đang sống với một nghề riêng-biệt, nhưng con tim của họ vẫn còn rạo rục mối tình yêu mới lạ !

Qua lớp bụi của thời gian, có nét mặt đã răn reo, nhưng nhờ có làn phấn san bằng những nét

răn ấy lại rồi, họ vẫn nuôi dưỡng một tình yêu nồng nàn, thành thật, hoàn-toàn « cao thượng », hư không.

Lắm khi tôi tự hỏi : Tại sao, con Tạo lại trớ trêu chi thế nhỉ ? Để cho lòng người ấy phải mang nặng mối tình tuyệt vọng ?



★ So sánh giàu nghèo

Hai bạn nghèo nói chuyện :

— Có bao giờ anh nghĩ rằng nếu anh có một gia sản như Aga Khan, thì anh sẽ làm sao ?

— Không. Tôi chỉ nghĩ rằng nếu Aga Khan có một gia sản như của tôi, thì ông ta sẽ làm sao ?

★ Lười biếng nhất

Trò Xuân, 7 tuổi, bị thầy giáo ghi trong quyển tập :

« Người học trò lười biếng nhất trong lớp », về nhà lại bị Ba rầy. Ba của trò hỏi :

— Trong lớp không có đứa nào lười biếng hơn mày sao ?

— Lười biếng là sao, hả Ba ?

— Trong lúc mấy trò khác chăm chỉ làm bài, học bài, thì có ai ngồi chơi, ngó đũa này đũa khác và không làm gì hết.

— Dạ có Thầy giáo ạ.

Chap, năm 1961, em vừa đúng 21 tuổi.

Nói đúng hơn, đây là Nhật-ký của Lòng em, vì em đã ghi chép nơi đây tất cả những hồi-hộp của con Tim đa sầu, đa cảm, đã rung-động với những giấc mơ đầu-tiên, ngày thơ diễm-lệ làm sao, đã tung-bùng, rạo-rực như thế nào, đã buồn-khó, băn-khoăn vì đâu...

Chị Diệu-Huyền đang cười em nhé. Em không phải là một nữ-sĩ tài-hoa như chị, em viết văn không trôi chảy đâu, chị ạ. Nhưng em đã ghi chép tất cả những say-mê rạo-rực của Lòng em, những ý-nghĩ bàng-quơ của một Tâm-hồn trong trắng, với câu văn ngày-thơ vụng-về, không văn-hoa chải-chuốt đâu, chị ạ. Nhưng chân-thật, trung-thành, với những ưu-điểm và những đại-dột, những vui-mừng và tội lỗi...

Ngày mai đây, em... về nhà chồng! Đêm nay, em còn ngồi đây, đọc lại tất cả quyển Nhật-ký của em, từ trang đầu đến trang chót, ôn lại cả quãng đời thơ-mộng trong 6 năm vừa qua. Tất-cả lịch-sử của Trái-Tim em, — và có lẽ của tất cả những trái tim của các bạn gái, khác từ 16 đến 21 tuổi. Song em nghĩ rằng nếu em đem đốt nó vào trong xô tử, hay nhét nó vào dưới đáy rương của em, thì... tội-nghiệp cho nó quá! Không! Em đau-đớn lắm nếu em đem chôn giấc mơ hoa diễm tuyệt ấy trong bụi-bặm của thời-gian! Em còn đang tuổi hoa-niên cơ mà, còn đầy hy-vọng, đầy hứa-hẹn tung-bùng, lẽ nào quăng-đời xinh-đẹp của tuổi dậy-thì vừa chớm nở đã bị chôn vùi trong quên lãng hay sao?

Em đang băn-khoăn lo nghĩ như thế thì sức nhìn đến tập báo Xuân Phổ-Thông yêu dấu, nằm ngay trên bàn, người bạn quý nhất của em trong những giờ học-hỏi, môn Nữ-trang trau dồi tư-tưởng của em, sơn-phấn và nước hoa của tinh-thần em!

Em mỉm cười, nảy ra ý-nghĩ trao cả kho tâm-sự này đến chị Diệu-Huyền thân mến... Nhưng em còn do-dự rất lâu, chưa dám cời mở cùng chị, vì dù sao chị đâu có biết Duyên-Hồng này là ai, chị nhỉ?

Sau cùng, em đánh bạo, viết bức thư gửi chị, và gửi kèm Nhật-ký này, tất cả 12 quyển tập mỗi quyển 400 trang, không xé mất tờ nào.

Chị Diệu-Huyền có thì giờ đọc không? Đó là câu em tự hỏi. Hay chị lại quăng nó trong giỏ rác? Hay chị vứt nó trong đồng giấy bụi-bặm của (những bài lai-cảo không đăng, không trả lại)? Em nhắm

mắt, phủ nơi... Chị!

Thưa chị Diệu-Huyền, em xin thành-kính trao đến chị (em mắc-cờ, không có can-đảm đến trao tận tay chị tại tòa Báo, nên phải gửi báo-đảm nơi Bưu-điện!), đây, một mảnh tim âu yếm của Duyên-Hồng... Em mong rằng đây là một mảnh tim yêu-ém của hết thầy những Duyên-Hồng khác có lẽ cũng đang có, hay đã có, những rạo-rực ngày thơ giống như em, những giấc mơ say-sưa trong trắng như em, từ tuổi Dậy-thì đến ngày... Xuất giá!

Chị Diệu-Huyền có chịu đưa em gái không quen biết của chị không? ... Nếu chị đồng ý, mà chị cho phép, thì rồi đây em sẽ tiếp tục gửi đến tặng chị, tặng tạp chí Phổ-Thông yêu mến, Nhật-ký thứ hai của em trong đó em sẽ ghi chép quãng đời người thiếu-phụ từ đêm tân-hôn đến... (Em xin để ba giấu chắm... đây đã).

Cuối thư, em xin thân-ái chúc chị năm mới đầy hạnh-phúc vui tươi, và thật đời-dào sức khỏe để phụng-sự Văn-Hóa nhân-dân.

Kính thư,

Em:

DUYÊN-HỒNG.

★

Đọc xong thư, tôi mở gói bưu-kiện đảm-bảo ra xem: 12 quyển-tập «400 pages», ghi theo thứ-tự I, II, III, IV, v. v... Nét chữ dẹt-dàng và rất đẹp, viết bằng bút máy, mực xanh, rõ-ràng, dễ đọc.

Tôi đã thức suốt 3 đêm liên tiếp, đọc hết tập Nhật-ký mà chính tác-giả đã đặt nhan-đề là: «MỘT GIẤC MƠ HOA».

Đọc hết trang chót, tôi quyết định đăng «Một Giấc Mơ Hoa» lên tạp-chí Phổ-Thông, để không những riêng tôi mà toàn thể quý bạn sẽ nghe những hồi-hộp của một con Tim ngào-ngạt hương trinh trong *Giấc Mơ Hoa*...

Diệu Huyền

✧ MỘT GIẤC MƠ HOA của Duyên-Hồng sẽ khởi sự đăng từ Phổ-Thông kỳ tới, số 55.

Sương chiều vương ngọn cỏ,
Sầu lắng đọng tâm-lư.
Gió thoảng lay rèm trúc,
Bàng-hoàng nửa thực-hư.

Lạc-lông trầm muôn sắc
Phiêu-diêu ngập bến mơ.
Yêu-đương trong suốt mộng,
Say đắm mỗi tình thơ.

Hồn hoa vương sóng nhạc
Bóng nguyệt hện lan mây.
Mượn Khúc « Trường-Lưu-Thủy »,
Lan tràn nhuộm cỏ cây.

Tình mộng hòa theo gió,
Bụi đời bạt giấc mơ.
Tình rồi lòng luyến-tiếc
Vạn nẻo sầu bơ-vơ.

CÔ THANH-NGUYỄN
(Saigon)

Mơ



thôi

anh về

Thôi anh về anh nhé
anh để lại BaLê
sương trời buông lê thê
đường về im không nói

Chúng em tiễn anh đi
ngậm ngùi biết thưa chi
Non sông cười âu yếm
rộn rã đón anh về

Ngày tạ từ con đê
gió hương nhẩn những gì
Đợi ngày anh trở lại
mẹ già thức đêm khuya

Thôi anh về anh nhé
Thương nhớ đầy sơn khe
phả lên tới trăng thề
run run mái gianh quê

CAO-QUANG
(Paris 17-2-59)

Những người đàn bà lòng danh trên Thế-giới

11.— NỮ - HOÀNG VICTORIA



MỘT CÔ VỢ HIỀN LÀNH VÀ ÂU-YẾM

Ở gần chồng, nhận thấy Albert là một người đàn-ông thông-thái, hiểu biết sâu rộng, tính tình lãng mạn nhưng cao-thượng, vị Nữ-Hoàng trẻ tuổi càng ngày càng yêu chồng, tỏ ra một cô vợ rất hiền-lành và rất quý-trọng chồng. Không những bây giờ bà đã để ông Hoàng Albert tham gia vào Quốc-chánh, bà lại còn nghe lời Albert triệt để trong tất cả mọi việc, hoàn-toàn tùng phục ông về mọi phương-diện Quốc-gia, Quốc-tế, và gia-đình. Đến đối Triều-đình và dân chúng Anh-quốc, cũng như các nhà ngoại-giao trên Thế-giới đều ngạc-nhiên rằng trước kia Nữ - Hoàng Victoria rất cương quyết, nhiều khi độc-tài, mà từ khi lấy chồng được một năm bà đã hoàn-toàn thay đổi, trở nên một người vợ rất ngoan-ngoãn, hiền-lành, quý-

trọng và phục-tùng Phu-quân triệt để.

Những ngày rảnh công-việc, bà cỡi ngựa đi dạo chơi với Albert trên cánh đồng quê, bà hỏi ông những điều bà không biết về các môn khoa-học, văn-học, lịch-sử, và ông trả lời cho bà nghe thông suốt mọi vấn-đề. Cứ mỗi lần đi dạo mát như thế, là Nữ-Hoàng Victoria được nghe Phu-quân Albert nói cho biết cây này tên là cây gì, nó sống cách nào, hoa và trái của nó như thế nào, nó được dùng làm gì, đời sống của loài ong như thế nào, của loài kiến như thế nào, ai đã xây dựng lâu đài kia, tiền sử của nhân vật lịch-sử ấy như thế nào, đây là quê hương của một thi sĩ tên là gì, ở thế kỷ nào, và ông đọc cho bà nghe vài đoạn thơ hay của Thi sĩ.. Nhờ vậy mà Nữ Hoàng Victoria bực hỏi thêm được rất nhiều về văn hóa.

Trong các đám tiệc lớn, các Đại sứ và Lãnh sự ngoại quốc cũng như các vị Bộ trưởng Chính phủ rất đỗi kinh ngạc được nghe Nữ-Hoàng Victoria nói chuyện thông suốt về nhiều vấn đề lịch sử, khoa học, văn học, địa dư, của Thế-giới tự cổ chí kim. Họ cũng biết vị giáo sư thông thái của bà không phải ai khác hơn là ông Hoàng Albert ! Mùa đông trời rét buốt, không đi chơi được thì Nữ Hoàng Victoria ở nhà ngồi thêu những tấm thảm, đan những áo len, và trong lúc ấy chồng bà đọc cho bà nghe lịch sử Hiến-pháp của các quốc gia hùng cường trên thế giới. Ông vừa đọc, vừa giảng, so sánh với Hiến Pháp nước Anh, và rút kinh nghiệm lịch sử trong việc chính trị, để cho bà hiểu và theo đó mà cai trị nước Anh. Trước kia Nữ Hoàng Victoria còn trẻ tuổi, ham khiêu vũ và đi xem hát, nhưng từ một năm sau khi sống chung với ông Hoàng Albert, nhiệm theo tính chồng, bà chỉ ở trong Cung Điện với ông, lo việc gia đình, săn sóc con cái, đánh đàn cho ông nghe, hoặc nghe ông giảng giải các vấn đề quan trọng. Trong tập Nhật ký của bà, Nữ Hoàng Victoria có chép : « *Cảm ơn Chúa ! Cuộc đời của tôi bây giờ*

thay đổi hẳn. Bên cạnh Albert, tôi mới hiểu thế nào là chân hạnh phúc ! »

Ông Hoàng Albert yêu vợ, chiều vợ, mà cũng có nhiều lần tỏ ra rất cương quyết với vợ để tránh cho cô vợ trẻ tuổi của ông một vài hành động sai lầm mà một người đàn bà, dù người ấy là Nữ Hoàng nước Anh, thường tự mình không thấy rõ cái nguy hại về sau. Nữ Hoàng Victoria luôn luôn vâng lời chồng. Trong quyển Hồi-ký của bà, bà có thú nhận rằng : « *Nhờ ta vâng lời Albert mà ta đã tránh được các hành vi vụng về. Á ! Nếu không có Albert thì ta đã làm lỡ biết bao nhiêu điều đại đột có hại cho vận mệnh Đế quốc Anh !* »

Ông Hoàng Albert rất thận trọng trong mỗi cử chỉ, điềm đạm trước mọi biến cố, và chu đáo giúp đỡ rất nhiều cho Nữ Hoàng Victoria. Các nhà sử học Anh quốc đều công nhận điều ấy.

Mỗi buổi sáng, ông dậy thật sớm, ngồi bàn làm việc một mình trong yên tĩnh, không muốn có ai quấy rầy. Trên bàn thấp một ngọn đèn xanh, cây đèn rất giản tiện mà ông mua bên Đức. Ông ghi chép các giấy tờ, xem xét các bản báo cáo của các Bộ, đặt ra các sắc lệnh. Đến 8 giờ Nữ - Hoàng

ngủ dậy, vội vàng đến văn phòng coi công việc của chồng làm, vâng lời chồng về mọi vấn đề, âu yếm hôn chồng để cảm ơn, rồi ký tất cả các sắc lệnh do chồng đã làm sẵn. Xong rồi hai vợ chồng vào phòng ăn để điếm tâm.

Albert làm tất cả các việc cho vợ. Ông lo từng chi-tiết về công việc các Bệnh-viện, các Bảo-tàng viện, về Quân-đội, về các Trường Đại-học, Trung-học, Tiểu-học, các viện Âm-nhạc, các Hàn lâm viện Khoa-học, Văn-học, các tổ-chức kỹ-nghệ, thương mại, lao-động, nông-nghiệp cho đến cả các vấn-đề lật vật về tiền lương của thợ, và các loại phân để bón ruộng lúa mì...!

Nữ Hoàng Victoria sung sướng, thường tuyên-bố với mọi người: « Xưa nay không một người vợ nào có được một ông chồng như chồng tôi! ». Trong quyển Hồi-ký, bà cũng chép: *Trong Cung-điện, ngoài các Đô thị, các thôn quê ở nước Anh và ở khắp Đế-quốc Anh, đâu đâu cũng có dấu vết bàn tay tài-hoa của Albert và trí óc vĩ đại của Albert... »*

Mấy nhà báo ở Luân - đôn đã phải viết, nửa thật, nửa khôi hài: « Albert là Vua nước Anh! »

Mà thật thế, nhờ có ông Hoàng Albert, mà nước Anh dưới thời đại Nữ-Hoàng Victoria, đã trở nên một Đế - quốc hùng - cường nhất và có uy-tín nhất trên Thế-giới. Dân chúng Anh hoàn-toàn ngưỡng-phục và tôn sùng vị Nữ-Hoàng hiền lành của họ mà họ nhiệt - liệt hoan - hô trong mọi trường - hợp. Vì họ được hưởng một đời sống sung-sướng, đầy đủ, tự-do, thỏa mãn về tinh thần và vật chất. Đối với ông Hoàng Albert, họ rất tôn-trọng, và trong nước không hề có một phe đảng nào chống đối lại chính sách của Nữ - Hoàng Victoria và của chồng bà.

Nhưng vì ông làm việc quá sức, để giúp-đỡ vợ cai trị một đế quốc cường thịnh rộng lớn, nên ông trở nên yếu sức, và mau già. Ông đã sỏi trán, rụng tóc và lưng đã khòm. Nữ-Hoàng lại càng ngày càng mập hơn, vui tươi hơn, con cái càng đông đúc, quốc gia hùng cường thịnh đạt.

Nhưng ông Hoàng Albert vẫn có tính Nghê-sĩ. Ông hay chán đời. Một hôm, ông bảo vợ: « Mình à, tôi tin chắc chắn rằng nếu tôi đau nặng, tôi sẽ để cho đau rồi chết. Chứ tôi sẽ không tranh đấu để sống. » Nữ Hoàng



● Nữ Hoàng Victoria và ông Hoàng Albert

âu yếm hôn chồng và đáp: « Em sẽ tranh đấu để cho mình sống. »

Một hôm, năm 1861, Ông bị bệnh thương-hàn trầm trọng.

Các bác sĩ danh tiếng nhất lo chữa nhưng bệnh tình không thuyên giảm. Nữ Hoàng ngồi luôn bên cạnh chồng, đọc tiểu thuyết cho ông nghe khuấy khóa và đánh đàn cho ông vui. Bà vẫn lạc quan tin rằng chồng bà không thể nào chết được. Ông mới 42 tuổi. Nhưng hôm sau, bà đang chủ tọa hội đồng Nội-Các thì có quan cận vệ chạy đến cho biết Ông Hoàng Albert vừa trút hơi thở cuối cùng.

Vừa nghe tin, Nữ Hoàng hét lên một tiếng kinh hoàng, như một con thú dữ bị nạn, và ngã gục xuống ghế chết giặc. Người ta phải cứu cấp thật lâu bà mới hồi tỉnh được.

● MỘT BÀ VỢ GÓA TRUNG THÀNH ĐẾN CHẾT...

Nữ - Hoàng Victoria, góa chồng, còn sống được 40 năm nữa. Một mình bà

đảm đương việc cai trị nước Anh cho đến 82 tuổi bà băng hà, năm 1901.

Suốt 40 năm góa bụa, Nữ-Hoàng

Victoria vẫn một mực trung-thành với kỷ-niệm của chồng, không một ngày nào, giờ nào bà quên được hình ảnh của người yêu. Suốt 40 năm, các gian phòng trong Cung-điện Buckingham từ hồi ông Hoàng Albert còn sống sắp đặt thế nào, bà để y nguyên như thế, không thay đổi một chiếc bàn, hay một lọ hoa. Cứ mỗi buổi sáng, mỗi buổi trưa, mỗi buổi chiều, và suốt 40 năm như thế, không một ngày nào quên lãng, đến bữa ăn là bà truyền-lệnh phải đặt trên bàn ăn, ngay chỗ Albert thường ngồi trước mặt bà, những đĩa, muỗng, dao, nĩa, và khăn ăn, y như Albert còn sống. Sáng dậy, đến giờ Albert rửa mặt thường lệ bà bắt phải pha nước nóng trong lavabo và mỗi bữa tối pha nước nóng trong phòng tắm vào đúng giờ chồng tắm như lúc ông còn sống. Trước khi đi ngủ, bà lấy bộ áo quần ngủ của chồng, sắp trên giường, như có ông Hoàng Albert nằm thật bên cạnh bà.

Vua nước Belgique, có lần sang London viếng Nữ-Hoàng Victoria, có yêu-cầu Nữ-Hoàng hoãn giờ tiếp kiến 10 phút. Nhưng

Nữ - Hoàng không đồng ý. Bà nói thẳng với Vua Belgique: « Tôi xin nhắc lại đề Ngài hiểu cho rằng tôi triệt để tuân theo tất cả tập tục, giờ phút nghi lễ, cách thức sinh hoạt, hằng ngày trong Triều đình và trong Cung điện do chồng tôi đã sắp đặt: tôi coi đó là lẽ sống của tôi, quyết định của tôi, tất cả những gì chồng tôi đã muốn, đã làm, đã bảo, nay mặc dầu chồng tôi không còn nữa nhưng tôi vẫn còn tuân theo. Không có uy quyền nào của nhân gian có thể yêu cầu tôi thay đổi một mảy may nào những cái gì chồng tôi đã muốn. »

Giờ phút nào nhắc đến chồng bà, bà cũng nói với các nữ quan hầu cận: « À! Albert yêu quý của ta! .. Hôm nay hoa hồng nở đẹp quá, à nếu Albert yêu quý của ta còn sống... Hôm nay bát canh này chú bếp nấu ngon quá, à nếu Albert của ta còn ... Trời hôm nay bắt đầu đổ tuyết rồi, à nếu Albert yêu quý của ta còn. » v.v...

Luôn luôn bà nhắc nhớ đến « Albert yêu quý » của bà, và suốt 40 năm góa chồng, Nữ Hoàng cứ như thấy chồng còn sống bên cạnh bà... cho đến đôi tấm kính soi mặt của

bà đã cũ quá rồi, đã vàng khè và đã lu mờ, vị quan hầu xin cho đổi tấm kính mới, Nữ Hoàng trừng mắt bảo: « Không! không! Người không biết rằng tấm kính này Albert yêu quý của ta đã cùng soi mỗi ngày với ta ư? »

Năm Nữ-Hoàng Victoria được 80 tuổi, dân chúng muốn tổ-chức rất long-trọng lễ mừng đại-thọ của bà, kéo nhau đến trước sân Điện Buckingham, đông nghẹt có

hàng mấy trăm ngàn người, vỗ tay hoan hô Bà suốt mấy tiếng đồng-hồ không ngớt, người ta thấy Nữ-Hoàng đứng trên bao-lơn, khóc ròng-rã. Toàn dân cảm-động lại hô to lên lời chúc tụng và hát vang lên bài Quốc - thiều « Chúa cứu Nữ-Hoàng! »

Nữ-Hoàng Victoria thăng hà năm 1901, thọ 82 tuổi.

TÂN-PHONG



* TÔN SÙNG VĨ NHÂN

Nữ-Hoàng Victoria và chồng sang Paris thăm Hoàng-đế Napoléon III. Một hôm bà và ông Hoàng Albert đưa Thái-tử Prince de Galles đến viếng lăng của Napoléon Ier. Trước khung cảnh hùng-vỹ oai nghiêm đầy những kỷ-niệm của cựu Hoàng-đế Pháp, Nữ-Hoàng Victoria truyền lệnh cho Thái-tử quỳ xuống várt chào. Thái-tử do dự vì biết rằng Napoléon Ier xưa kia là thù địch của nước Anh, nhưng Nữ-Hoàng Victoria bảo với Thái-tử:

— Con phải quỳ xuống để tỏ lòng tôn-kính bậc vĩ-nhân của Thế-giới.

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XXVI

Nghịch-thường

(Tiếp theo P.T. số 53)

★ THIÊU-SƠN

CÔNG-Lý đã chết. Giấy phép của nó đã bị thâu hồi. Chính sách có mặt đã tỏ ra vô hiệu và đã đưa tới những thất bại nặng - nề. Nhưng có điều an ủi là các đồng chí Pháp không có một lời phiến trách chúng tôi. Trái lại, các anh còn đưa ra một phương thức để tăng cường đoàn kết và tập trung lực lượng trong cuộc tranh đấu chung. Trước kia tờ Justice chỉ có phần chữ Pháp, sau có thêm phần chữ Việt. Nhưng từ ngày Công-Lý được phép ra hằng ngày thì Justice lại chỉ còn phần chữ Pháp.

Các anh đề nghị mở rộng khuôn khổ tờ báo, in chữ Justice chõng lên chữ Công-Lý với dấu hiệu 3 mũi tên và hai bàn tay siết chặt lấy nhau. Hàng dưới chưa những hàng chữ sau : « Cơ quan tranh đấu của Liên đoàn Xã Hội SFIO » và nêu tên một đồng-chí Pháp làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, một đồng-chí Việt làm quản lý. Tất cả những cây bút của Công-lý đều được thâu nạp và tất cả các đồng-chí Pháp đều có phận sự viết bài đề tham-gia cuộc chiến đấu chung. Ai muốn viết chữ Pháp thì viết chữ Pháp. Ai muốn viết chữ Việt thì viết chữ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Việt. Nhưng bài vở bằng chữ Việt cũng cần phải tóm tắt sơ chữ Pháp cho anh chủ bút được biết đại ý của tác giả. Song, cái thủ tục đó lần hồi rồi cũng bỏ qua vì tất cả đều hằng máu, mạnh ai nấy nói cho đã miệng, còn thời giờ đâu mà kiểm soát lẫn nhau.

Công-Lý — Justice vẫn nằm dưới chế độ báo chí tự do của Pháp và Bộ Thông-Tin của Chánh phủ tự-trị Nam-Phần cũng chẳng có quyền gì đối với nó vì nó có xin phép các ông đâu mà các ông rút giấy phép của nó ? Cố nhiên là các ông vẫn có quyền mét thốt với ủy-viên Cộng-Hòa hay Cao ủy-Pháp, nhưng nhà cầm-quyền Pháp coi bộ cũng không muốn kiểm chuyện vì có lẽ còn kiêng-nể đảng - bộ ở Pháp vẫn ủng - hộ chúng tôi.

Một chánh-phủ tự-trị Việt-Nam treo bút một số ký-giả Việt-Nam. Bọn này chạy qua viết trong một tờ báo Pháp mà lại viết bằng tiếng Việt-Nam. Hơn nữa chính một tờ báo bị rút giấy phép, lại được lồng vào tên một tờ báo Pháp và được sống hiên - ngang giữa thanh-thiên bạch-nhật. Ấu cũng là một chuyện nghịch-thường.

Trên một số Công-Lý — Justice

ra ngày 4 - 3 - 1948 một đồng chí Pháp còn viết một bài kể ra nhiều cái nghịch-thường khác nữa.

Trước hết anh nói tới vấn - đề hòa - bình ở Việt - Nam. Báo chí Pháp Việt phần đông đều tỏ ra tha-thiết với hòa-bình và mong có giải-pháp hòa - bình để chấm dứt cuộc lưu - huyết. Nhưng cũng có một vài đồng-nghiep lại muốn giải quyết vấn đề một cách nghịch-thường. Họ chủ-trương rằng phải tấn-công nhiều hơn nữa, nhảy dù nhiều hơn nữa, huy - động thêm đại bác, thêm binh lính thì nhất định mới có hòa-bình được. Kế chiến thắng sẽ ra lệnh với sự khoan hồng thường-lệ và kẻ chiến-bại sẽ hối-hận mà nhảy tới ôm choàng lấy cổ người « giải-phóng » cho mình. Khỏi cần thương - thuyết, khỏi còn xung-đột, khỏi còn lý-lệ để đánh nhau. Thế là Hòa - bình trở lại và trở lại một cách nghịch-thường.

Kế tới anh nói về cuộc tranh đấu của dân tộc Việt - Nam, một dân tộc vừa thoát khỏi nanh vuốt của bọn đế-quốc Nhật, tin tưởng vào những lời tuyên bố của Đồng Minh và thứ nhất là của những nhà lãnh đạo Pháp nên đã tuyên cáo độc-lập và muốn sống tự-do. Đảng

lý ra nước Pháp vừa thoát khỏi nanh vuốt của bọn Đức quốc - xã phải khuyến-khích công cuộc giải-phóng của Việt - Nam để tỏ ra trung-thành với lý-tưởng tự do, bác ái và bình đẳng của mình. Nhưng thật ra chỉ có vài tên ảo tưởng nghĩ thế còn người ta lại nghĩ khác và có cả ngàn lý-lẽ để ngăn cản công cuộc giải - phóng của Việt-Nam. Hơn nữa người ta còn tòng phạm trong một âm-mưu khôi phục quân - chủ ở xứ này. Anh viết : « Nước Pháp đã lật-đổ bao ông vua thành-linh đâm ra hối hận và muốn trả thù cho vua Louis XVI ở Việt Nam. » Đó là điều nghịch thường thứ hai.

Nhưng chưa hết. Còn nữa. Có một điểm mà nước Pháp tự hào hơn hết là sự sâu - rộng của nền văn-hóa của mình kết tinh bằng một lịch sử có nhiều thảm kịch, nhiều biến - cố, nhiều cuộc cách-mạng và nhiều cuộc chiến - tranh. Cái văn-hóa đó đã tạo cho dân tộc Pháp một tấm lòng tha thiết với tự-do. Và những dân tộc nào được hưởng cái kho tàng quý giá đó cũng đều bị cám dỗ và say sưa với hai chữ « Tự-Do ». Rồi anh viết : « Tự do thân-yêu ! Nhờ có nhiều cuộc tiếp xúc, nhờ

gần-gũi và dạy dỗ lẫn nhau mà chúng ta đã tỏ ra cho những bạn Việt-Nam chúng ta thấy rằng kể nào cam chịu xiềng - xích là không đáng làm người và không đáng sống bên chúng ta. Vậy mà một số lớn trí-thức Việt-Nam đã tìm hiểu được những lý-lẽ của một cuộc chiến đấu từ ba thế-kỷ, khi đó ta lại chống lại với họ để tiêu-diệt trong hai năm tất cả những gì đã được xây dựng trong 70 năm do những nỗ-lực của các nhà bác học, các vị giáo sư, các sách vở mà chúng ta đã viết ra cho họ đọc. Đó cũng là nghịch thường. »

Nhưng chưa hết. Còn nữa. Còn một cuộc tranh-đấu nữa mà dân-tộc Pháp cũng tự hào là cuộc tranh-đấu xã - hội mà những người lao-động Pháp đã đổ máu rất nhiều nhưng cũng đã thắng được nhiều thắng lợi. Chúng ta đã nhìn nhận và tuyên bố phân minh rằng người công nhân có quyền hưởng thụ một cách xứng đáng với sức lao-động và mồ hôi mà họ đã đổ ra. Chúng ta đòi hỏi cho người đừng bóc-lột người. « Vậy mà, anh nói, trong khi hầu hết dân-tộc chúng ta đã sẵn-sàng chiến-đấu cho công- cuộc giải-phóng xã-hội thì thanh-

niên Pháp được gửi qua đất Việt để ngăn cản cuộc giải phóng xã-hội của người lao - động Việt-Nam. Thật là nghịch - thường, nghịch-thường quá lẽ. »

Anh kết-luận rằng những cảnh nghịch - thường đó được che đậy bằng những sự giả - dối, bằng những điều man-trá, bằng những mặt nạ như-nhớp bì-đồi mà người ta phải gỡ-bỏ và liệng đi.

Anh viết : « Tiếp-tục chiến-tranh không phải là một cơ-đề phục-vụ Hòa-Bình !

Nước Cộng-Hòa phải bảo-vệ và binh-vực những chiến-sĩ Cộng Hòa !

Nước Pháp không có quyền từ khước lòng ham chuộng Tự-do của mọi người !

Công cuộc giải-phóng xã-hội của người lao-động không phải là một độc-quyền của người da trắng !

Và ngày mai, người Pháp và người Việt sẽ ngưng xâu xé nhau vì một lý-tưởng chung. »



Phải là con người ảo tưởng mới nêu ra được những cái nghịch-thường nói trên. Nhưng còn có

nhiều cái nghịch-thường khác cũng đáng nêu ra cho vui chuyện.

Trong một bữa tiệc tại nhà nàng Thanh - Thế đề tiền đưa một đồng-chí về Pháp, chúng tôi có nhiều người quá chén và đã biểu lộ tình khư-lưu một cách quá hùng-hồn. Bữa tiệc càng về khuya càng ồn-ào và có thể làm cho những người lân-cận không bằng-lòng. Người Việt mình đầu bực mình cũng làm thỉnh-ráng - chịu. Nhưng hồi đó cũng có những người Pháp ở chung quanh lối đó. Họ thấy chúng tôi làm rầy, họ la lên để phản - kháng. Đồng-chí Việt-Nam không trả lời, nhưng nhiều đồng-chí Pháp lại ra miệng. Bên kia chữi bên này : « Đồ mất dạy ! Đồ tôi ! » thì bên này chữi bên kia : « Đồ thực - dân dơ dáy ! » Rồi các bạn hề nhau cung tay và hô to khẩu hiệu « Đá đảo thực-dân. » Đó cũng là chuyện nghịch-thường.

Còn một chuyện nữa mới hết. Cụ Hàn Georges Duhamel về Pháp không biết tuyên bố ra sao mà Bộ Pháp quốc Hải ngoại đã cải chánh như sau : « Theo tin-tức báo chí hình như ông Georges Duhamel đã tuyên bố rằng : Việt-Nam sẽ có quân đội riêng, tài-

chánh riêng, ngoại-giao riêng. Bộ Pháp-quốc Hải ngoại nói rõ rằng lời tuyên-bố ấy không hợp với tình hình hiện tại và đó là ý riêng của ông.»

Lời cải chánh của Pháp chứng minh rằng Pháp chỉ muốn dùng Bảo-Đại làm bù-nhìn và hễ là bù-

nhìn thì không có cái gì riêng cả. Cụ Hàn Duhamel đã bị người ta lợi-dụng, người ta gạt-gẫm, tưởng người ta cũng thật thà như mình nên mới tuyên bố "xô" như trên. Câu chuyện này không có gì là nghịch thường vì nó rất thông-thường với thực-dân.

(Còn tiếp)



★ **VĨ-NHÂN**

Trong một nhà thương điên, bác-sĩ vào thăm phòng bệnh, hỏi một bệnh nhân :

— Anh là ai ?

Người điên trả lời :

— Tôi là Hoàng-đế Quang-Trung.

Bác sĩ cười :

— Ai bảo với anh thế ?

— Chúa Jêsus bảo.

Tức thì một người điên nằm giường kế cận, ngồi nhòm dấy, nói:

— Hẳn nói láo dấy. Tôi là Chúa Jêsus đây, mà tôi có bảo với hẳn như thế bao giờ đâu !

★ **CHÚC NĂM MỚI**

Một ông hà tiện, sợ tốn hai lần tiền mua thiệp và gửi thiệp chúc Tết, gửi một thiệp mừng năm mới cho một người bạn như sau đây :

« Chúc mừng hai Năm Mới, 1961 và 1962 »

HOÀNG-MINH

LOUIS LUMIERE



★
NGƯỜI
ĐÃ
PHÁT
MINH
RA

★
★
★
★
★
Cinéma

Chữ Cinématographe do các danh-từ Hy-lạp
kinéma, atos (chuyển động) và graphein (viết) =
mô-tả những chuyển-động của sự vật. Viết tắt : Cinéma.

(Tiếp theo P. T. số 52 và 53)

Lần đầu tiên tại một làng bé nhỏ và nghèo tên là HOLLYWOOD...

TRên thương - trường
Cinéma, người Mỹ thật là
xảo-quyệt. Hôm đầu tháng 6 năm
1896, người thợ Mesguish xuống
chiếc Tàu *Bourgogne* đi sang Mỹ
để trình-diễn ciné lần đầu tiên
thì anh ta đã được Louis Lumière
căn-dặn phải giữ kỹ các bí-mật
của nghệ-thuật mới, và cấm hẳn
người ngoài vào xem các máy-
móc trong phòng opérateur.
Nhưng khốn nỗi, khi tàu đến đất
Mỹ, trước khi đặt chân trên
thành-phố New York, Mesguish
đã bị nha Thương-chánh bắt
buộc phải khai trình các đồ hành
lý theo thường lệ. Khi nhân-viên
hải-cảng trông thấy một cái máy
mới lạ, hỏi thì anh ta do-dự chưa

muốn nói, sợ tiết lộ cái bí-
mật của máy Cinématographe
Lumière. Trước sự ngập ngừng
của Mesguish, nha Thương-
chánh Mỹ càng nghi-ngờ, và
bắt anh phải viết một tờ khai
trong đó anh phải mô tả rõ-
ràng và đầy đủ tất cả các chi
tiết về cái máy kỳ-dị kia.

Vì thế mà sau khi những buổi
chớp bóng đầu tiên của anh tại
 rạp hát *The Kisters and Beets
Theater*, Madison Square, New
York, được công-chúng Mỹ
nhiệt-liệt hoan-ngênh, và anh
hốt được rất nhiều bạc, thì một
nhân viên Thương-cảng đã đem
bán lên tờ khai trình cái máy của
Mesguish cho một hãng buôn lớn
của Mỹ. Sáu tháng sau, người

Mỹ đã cóp theo những chi-tiết
mô-tả trong tờ khai ấy mà chế
tạo ra máy cinématographe, và
cuốn phim đầu tiên của Mỹ được
chiếu tại Broadway! Ciné của
Mỹ bắt đầu xuất hiện từ đây!

Chín năm sau, năm 1905,
một phòng chớp ảnh Mỹ có
sáng kiến đặt một chiếc đèn
piano phía sau màn-ảnh, và có
người ngồi đánh đàn trong lúc
chớp phim. Chúng ta nên nhớ
rằng lúc bấy giờ là thời-kỳ
phim câm, chứ chưa có phim
nói. Cinéma có piano gọi là
NICKELODEONS, được
khán-giả hoan-ngênh nhiệt-liệt
và được phổ-biến nhanh-chóng
tại khắp các rạp ci-nê của Mỹ.

Năm 1907, chính nhà sáng
tạo ra Cinéma, là LOUIS
LUMIÈRE, bày ra phương-
pháp cinéma màu (autochrome),
chụp được các hình màu vào
phim.

Năm năm sau, 1912, ở
thành phố Los Angeles, một nhà
đàn cảnh trẻ tuổi, CECIL B.
DE MILLE, quyết-định lấy một
bản kịch rất có tiếng hồi đó là
THE SQUAW MAN đem quay
phim. Nhà sản-xuất còn nghèo,
không có đủ tiền để quay tại

Los Angeles, nên có thuê tạm
một cái trại tồi tàn hoang-phế,
rẻ tiền, nơi một xóm nhỏ nghèo
nàn và hẻo-lánh, tên là xóm
HOLLYWOOD, cách Los
Angeles 12 cây số. Không ngờ
họ thành công rực-rỡ. Từ đó,
HOLLYWOOD được các nhà
sản-xuất khác kéo đến tranh nhau
thuê trại, thuê đất, để mở các
phim-trường... (film, tiếng Anh,
nghĩa là lớp mỏng, màn mỏng,
tiếng Pháp là *Pellicule*. Lớp
mỏng nhựa gélatino-bromure trên
bande làm thành film) rồi
LÉON GAUMONT, cũng
người Pháp, chế tạo ra phim kêu
(film sonore) là phương-pháp
ghép một bande có ghi âm vào
với bande hình, cùng một lúc
phim hình chiếu ra thì phim kêu
cũng toát ra âm-thanh. Dần dần
Phim kêu được biến hóa ra *phim
nói* (film parlant, tiếng Anh gọi
là *talky-film*), cũng do LÉON
GAUMONT và hai nhà kỹ-sư
của xứ Đanemark, tên là POUL
SEN và PETERSEN.

Dessins Animés (Tranh vẽ
linh động) thì do người Pháp,
EMILE COHL sáng-tác đầu
tiên, nhưng chỉ dùng trong các
phim ngắn, mãi đến khi một

họa-sĩ Mỹ, WALT DISNEY đem áp-dụng với các phương-pháp mới trong phim *Nàng Bạch-Tuyết với Bảy anh Lùn*, (1937), phim vẽ linh-động mới được thịnh hành.

Anh chàng tưới nước bị tưới nước

TRONG lúc bên Mỹ ciné-ma được truyền bá nhanh chóng và phát-triển mạnh-mẽ phi-thường, thì ở Pháp ciné-ma cũng cố gắng bước những bước khá dài. Hãng Phim của Louis Lumière mỗi ngày mỗi sản-xuất ra phim mới. Một phim được người ta truyền tụng nhiều nhất lúc bấy giờ, — ngoài một vài tuồng diễu đầu tiên của HÈ CHARLOT — là phim *L'Arroseur arrosé* (chàng Tưới nước bị tưới nước) của Louis Lumière. Hai vai chính trong phim này không phải là kép nhà nghề, mà chỉ là anh làm vườn của Louis Lumière, và một cậu bé con của một người thợ trong hãng. Đây là hài-kịch đầu-tiên khá dài được quay phim có nhiều đoạn rất là hoạt kê (danh-từ ciné gọi là nhiều *gags*), khiến cho khán-giả cười vỡ bụng.

«Chàng Tưới nước bị tưới nước» là tuồng chớp bóng khôi-hài đầu-tiên được thực-hiện rất có nghệ-thuật, mở màn cho nghệ-thuật thú Bảy. Kề đó là *La Ruée Vers l'Or* (kéo nhau đi tìm vàng) của CHARLOT (Charlie Chaplin). Cạnh tranh với Louis Lumière, GEORGES MÉLIÈS mở phim-trường (*Studio*) trước nhất trên thế giới, ở Montreuil-Sous-Bois. (Hãng phim của Louis Lumière chưa thành phim trường, mà hãy còn là một hãng kỹ-nghệ với một phòng riêng ở trong hãng. Nhưng người đóng phim của Lumière chưa phải là nghệ-sĩ chính-cống) Georges Méliès là giám-đốc *Rạp hát Robert Houdin*, ở Paris, đã huấn-luyện các đào kép nhà nghề của sân-khấu thành ra đào-kép ciné-ma. Ông là một trong số 35 khán-giả đầu tiên đã mua cái vé 1 quan vào xem buổi chớp bóng đầu tiên của Louis Lumière dưới

hầm tiệm Grand Café ở Đại-lộ Capucines.

Có óc nghệ sĩ, và chí kinh-doanh kịch trường, ông hỏi mua một máy ciné-ma của Louis Lumière, nhưng nhà phát-minh không bán. Tức mình, ông ta tìm cách lấy cắp được một bức vẽ kiểu máy Cinématographe của Louis Lumière, rồi năm 1896 tự chế ra một máy quay phim có đôi bộ phận máy móc khác với kiểu máy của Lumière. Ông sửa đổi sân khấu *Rạp hát Robert Houdin* thành ra màn ảnh, ở số 8, Đại-lộ Italiens và tự chiếu những phim do ông tự quay lấy và do ông đóng tuồng với đào-kép của ông, mà phim hay nhất là *Du-lich trên trăng* (*Le Voyage dans la Lune*). Thế là Georges Méliès đã bày ra loại phim tưởng tượng về lịch sử y như tiểu thuyết, căn cứ trên các tài-liệu lịch-sử và Địa-dư của các tác giả xưa. Rạp ciné của Georges Méliès được lừng-lẫy tiếng tăm một thời gian. Nhưng khi trận giặc thế giới 1914 - 1918 nổ bùng, Rạp hát và phim trường Montreuil của ông bị tàn phá hết. Ông sạt nghiệp, đành đem bán cái máy ciné độc nhất của ông cho một tiệm bán đồ chơi lạc-xon

ở Montparnasse để lấy tiền trả các món nợ.

Mấy ấy sau không dùng được nữa vì các máy ciné của Mỹ tối-tân hơn được nhập cảng sang Pháp, và ciné Mỹ tràn ngập các thành phố. Georges Méliès nghèo xơ nghèo xác, thất nghiệp, đi lang thang đó đây rồi biến đầu mất.

Duy có LOUIS LUMIÈRE còn sống mãi đến năm 1948 tại Bandol trên bờ Địa-trung-Hải.

Năm 1937, trong phim *Solutions Françaises* của Jean Painlevé, chính LOUIS LUMIÈRE xuất hiện trên màn-ảnh nói chuyện với khán-giả vài câu lý thú sau đây :

«Người ta thường gán cho tôi cái danh-từ là nhà phát-minh, khiến cho ai nấy tưởng tượng hình ảnh một ông già điên cứ chăm lo thực hiện những huyền ảo bàng-quơ. Tất cả những người suy-nghi, hoặc trầm-ngâm suy-nghiệm, há chẳng phải là những nhà phát-minh ư ? Há chẳng trái với những kẻ chỉ tra chỉ-trích, phê-bình, và chỉ thích ngồi nghe cọng cỏ mọc ư ? Trải qua một sự nghiệp đã lâu dài, nếu tôi đã giải-quyết được một vài vấn đề

nọ kia và nếu tôi đã thành công trong vài thực-hiện tốt đẹp có đòi chút tiếng vang, ấy chỉ vì tôi quá ham muốn học-hỏi, mà tôi làm việc suốt đời tôi như một trò chơi điện mê vậy...»

(... C'est guidé par le désir, le besoin de connaître, que je me suis

follement amusé à travailler toute ma vie.)

Đây là một bài học đáng để cho chúng ta suy-nghiệm, nếu bạn trẻ chúng ta có ý-chí thực hiện một lý tưởng gì ích lợi cho Quốc gia, hay cho nhân loại.



● Buổi chớp bóng đầu tiên của Louis Lumière ngày 28.12.1895

THẬN TRỌNG

Hãy thận trọng và hồi lòng trước đã,
 Vội-vàng chi khi mới chớm tình yêu.
 Đừng đắm say vì hương sắc diễm kiều,
 Chớ rung-động qua mấy dòng thơ thắm.
 Hồ yêu đương biết đâu là vực thẳm,
 Sa chân vào là xóa tuổi xuân tươi.
 Vì ái-tình đâu phải một trò chơi,
 Trong một sớm, một chiều mong quên lãng.
 Hãy cứng rắn đừng để cho tình cảm,
 Ngự trị lòng, sợ mù quáng đi chẳng
 Không dẫn đo mà phải nhớ kỹ rằng :
 Tình chỉ đẹp khi tâm hồn hòa hợp.
 Đừng một phút khi thấy lòng bỗng bội.
 Mà phieu lưu trên vạn lý tình trường.
 Đề mai kia mua chuốc chuyện sầu thương,
 Rồi oán-hận cuộc đời đầy khổ lụy.
 Hãy phấn đấu cho lòng thôi ủy-mị,
 Đừng rung theo nhịp cảm của con tim.
 Vì biết đâu trong một phút yếu mềm,
 Miền dương thế sẽ biến thành địa ngục!
 Chưa chắc chỉ yêu sông là hạnh phúc,
 Lỡ sai duyên ôm hận suốt ngàn đời.
 Đường trần gian dù thắm-thắm xa khơi.
 Nhưng chậm bước khỏi sợ điều vấp ngã.
 Muốn màng chi mà bán-khoản vội-vã,
 Tuổi thanh xuân nhiều hứa-hẹn tương-lai.
 Trao mộng lòng cho đúng chỗ, nhằm nơi,
 Thì hạnh-phúc mới hoàn-toàn vĩnh-cửu...

A. T. NGỌC - TRƯỜNG

Minh Ơi!

ONG Tú và bà Tú ở trong rạp chớp bóng ra về, vừa ra khỏi rạp, bà Tú đã lên-rì rất thâm-hại :

— Minh ơi ! Em khát quá ! Nếu Minh không cho em uống

nước thì chắc là em chết khô, chết héo, chết sụm, trên vỉa đường, như nhánh cây mục kia !...

Ông Tú cười :

— Em khát nước đến thế cơ ?

Bà Tú vẫn rên - rì với cái giọng

nhông-nheo, nhỏ-nhẻ, dễ thương :

- Vâng..
- Em đừng chết vội, có xe nước mía kia rồi.
- Vâng... Minh mua một ly nước mía cho em uống nhé.
- Chúng ta đi nhanh lên !
- Em mang guốc cao gót, đi

từ một
CÂY MÍA
đến một cục
ĐƯỜNG

MINH ƠI !

nhanh sao được ? Minh bảo em đi nhanh, lỡ em té làm sao ?

— Em không đi nhanh, thì đi chậm vậy.

Bà Tú khát nước muốn chết, nhưng vì cái gót guốc của bà cao và nhọn như mũi kim (thường lệ bà thích mang dép, hay là guốc thấp không hiểu sao hôm nay đi coi xi-nê bà lại cao-hứng mang đôi guốc cao ngồng) ! bà phải đi chậm-chậm. Trông đám người bu đông nghẹt quanh xe nước mía nơi góc ngã-từ, mỗi người cầm một ly uống ngon lành, bà Tú thêm-thêm-thêm !

Đến nơi, bà uống một ly, rồi một ly nữa.

Ông Tú khẽ hỏi :

- Em uống ly nữa nhé ?
- Thôi, Minh à, em no rồi.

Ông Tú Bà Tú nắm tay nhau đi chơi một vòng trong phố trước khi về nhà.

Bà Tú cứ bị ám-ảnh chức Tổng-Thống xứ Cộng-hòa Congo :

— Ở Congo chắc có nhiều mía lắm, Minh nhỉ ?

— Ở Bắc-Phi, (Egypte, Tunisie, Algérie, Maroc) có mía, chứ ở Congo không có.

— Thế thôi, em không sang Congo đâu ! Làm Tổng-Thống mà không được uống nước mía

thì em chả làm !.. Nhưng sao ở Congo không có mía mà ở Bắc-Phi lại có mía, hả Minh ?

— Vì Bắc-Phi là ở trên con đường chu-du của cây Mía hồi Thế-kỷ thứ VII, vòng quanh thế giới.

Bà Tú ngạc-nhiên :

— Nghĩa là thế nào ? Cây Mía sao lại đi chu-du vòng quanh thế giới ? Sao nó đi ngang qua Bắc-Phi hồi Thế-kỷ thứ VII ?

— Em nên biết rằng từ *hết nguyên-thủy, cho đến 510 năm trước J.C.* Mía chỉ mọc trên một Vùng Đông-Á mà thôi, ở Ấn-độ, Diển-Điện, Thái-Lan, Cambodge, Việt-Nam, Tàu. Trên trái Đất không còn chỗ nào có Mía nữa cả. Một truyền-thuyết của Ấn-Độ, trong thời kỳ Phật-Thích-Ca Mâu-Ni ra đời, cho rằng vì Thượng-Đế sinh ra cuộc đời tục-lụy đầy những dằng cay cho nên Ngài lại sinh ra cây Mía để có chút-ít ngọt pha vào cho bớt mùi tân-khô. Đó chỉ là câu chuyện khôi hài..

Về thực-tế, thì trong thời-gian anh đã nói lúc nãy chỉ có các vùng đất ở Đông-Á là có Mía mà thôi, và trong lúc các giống người ở nơi đây được ăn mía,

và biết nấu nước mía thành ra Đường, biết dùng đường để làm bánh, thì tất cả các nơi khác trên Thế-giới chưa hề thấy cây Mía bao giờ, chưa được ăn một cục đường, và cũng không có một loại cây nào có nước ngọt trong-tợ như cây Mía.

— Thế thì họ không có một chất ngọt nào để ăn sao ?

— Họ chỉ dùng mật ong. Nhưng mật ong hiếm lắm. Ở Hy-Lập, đời Thượng-cổ, tại núi Heymette là có sản xuất nhiều mật ong nhưng mật ong này pha với bột thành một thứ bánh hydromel dành riêng cho các Vua chúa và các nhà quý-phái dùng để cúng các vị Thần,

Ở các nước Âu-Châu mãi đến thế kỷ XVI, dân chúng vẫn chưa biết Đường là gì, và chưa ai được thấy một cục Đường, chứ đừng nói được ăn Đường !

Ở Egypte, Hoàng-Hậu Cléopâtre dùng toàn cao-lương mỹ-vị quý nhất, cũng chỉ được ăn trái *figue*, một loại trái vả gần giống như trái sung của ta, nhưng hơi ngọt một tý. Hoàng-hậu Saba ở Cận-Đông cũng không hề được ăn một cục Đường. Hoàng-Đế

César chưa biết Đường là gì, chỉ ăn nho mà thôi. Thời-kỳ Socrate, Aristote của Hy - Lạp cũng chưa biết hương-vị của Đường. Nói tóm lại, Mía và đường là những thực phẩm quý báu hơn vàng, mà 5 thế-kỷ trước U. C. Thượng-Đế chỉ ban riêng cho các giống dân ở Đông-Á ăn cho ngọt giọng. Còn các dân tộc ở Cận-Đông, từ Perse (Ba-tur) *Judée, Syrie*, qua các xứ Âu-châu Phi-châu, Mỹ-châu, thềm của ngọt đành chịu không kiếm đâu ra.

Thế rồi, năm 510 trước U. C một vị Đại-Đế của xứ *Perse*, (ngày nay là xứ Iran của vua Pahlavi và Hoàng hậu Farah Diba) tên là DARIUS I. kéo đại đội binh mã sang đánh xứ Ấn-Độ. Đi qua mấy vùng sa-mạc, đến biên giới Ấn-Độ, tướng sĩ và cả nhà Vua đều khát nước... muốn chết, không còn sức lực đi nữa, như em nhông-nhèo của anh lúc này. Bỗng-dưng nhà Vua trông thấy một đám cây cao mảnh khảnh, xanh tươi bên cạnh đường. Đó là những cây Mía đầu-tiên mà Vua Darius không biết, tưởng là cây Sậy. Một tên lính khát nước quá nằm lãn ra dưới nắng trưa mùa hè, sắp chết. Y đưa tay ra bẻ

một cây sậy để nhai tạm cho đỡ khát. Không hề nước ngọt và nhiều, thật nhiều. Y reo mừng la lên « Cây sậy có nước ngọt lắm ! Thượng Đế cứu ta ! » Tức thì đoàn quân sắp chết khát của vua Darius đổ xô vào bẻ « cây sậy có nước ngọt » để ăn ... Cả nhà Vua cũng ăn ngon lành. No-nê rồi ai nấy đều quỳ xuống, ngửa mặt lên trời, đọc kinh cảm ơn Thượng-Đế.

Trong giây phút, cả một đám mía của Ấn-Độ bị đoàn quân xâm lăng của vua Darius I ăn sạch gốc, ăn cả rễ ! Trong cuộc hành quân này Darius bị quân Ấn-Độ đánh thua liêng-xiêng, nhưng lúc rút binh về, nhà Vua đã truyền lệnh cho binh-sĩ nhổ cỏ được của Ấn-Độ mỗi người ba bốn « cây sậy có nước ngọt » đem về kinh đô *Persepolis*, Darius trồng ngay trong kinh thành một đám cây mới lạ này mà ông gọi tên là « cây Sậy có mật ». Thế là năm 510 trước J. C. Cây Mía từ đất Ấn-Độ đã bị nhổ trộm đem qua xứ Perse cách xa mấy ngàn kilômét trải qua mấy bãi sa-mạc trùng trùng điệp điệp..

Nhân - dân Perse trồng được Mía, và đã nghĩ ra phương-pháp

nấu nước mía thành ra Đường. Nhưng họ ranh-mãnh lắm. Theo lệnh của vua Darius I và các vua kế vị cấm ngặt sự xuất-cảng Mía sang các nước lân-cận phía tây : *Mésopotamie* và *Arabie*. Người Perse chỉ chở bán qua láng-giềng những gói Đường cục, và nước Mía đựng trong hủ đất. Giá một cục Đường gần bằng giá một cục vàng. Một hủ nước Mía đắt bằng mười thùng mật ong. Nhờ bán nước Mía với giá cắt họng đó mà dân xứ Perse trở nên giàu có rất mau chóng.

Ta đừng quên rằng Mía đó là Mía nhờ trộm của người Ấn-Độ. Suốt 200 năm, người Perse vẫn giấu kín cái bí-mật sản xuất nước Mía và Đường. Những đám Mía của họ được rào kín, che phên thật cao để bao bọc chung quanh, cấm ngặt người xa lạ đến gần, hoặc dòm ngó.

Bỗng năm 330 trước U. C. một vị Đại-Đế của Hy-Lập, còn trẻ tuổi nhưng đã lừng danh khắp cả Âu - Châu và Cận-đông, là ALEXANDRE LE GRAND, kéo đại binh đi chinh phục các xứ ở Cận-đông. Nước Perse bị ông xâm chiếm dễ dàng. Quân-sĩ Hy-Lập tha hồ khá phách và tìm

những của ngon vật lạ.

Lần đầu tiên họ trông thấy Mía (mà họ cũng bắt chước người bản xứ gọi là « cây sậy có mật »). Gặp được món ăn bở - béo, ngọt-ngào, mới lạ, binh-sĩ Hy-lạp nằm lẫn lóc đêm ngày trong các vườn Mía, ăn Mía đến rất cả lưỡi vẫn còn ăn, uống nước Mía đến phình hông, ngốn Đường đến tận cổ. Khi Alexandre kéo binh về Nước, dĩ nhiên là binh - sĩ Hy-lạp chở hàng trăm xe mía đem về Macédoine. Phong - trào Mía bùng-bột khắp xứ Hy-lạp từ đấy. Nhà Triết-học Hy-lạp thời bấy giờ, là *THÉOPHRASTE*, có chép trong quyển « *Nghiên cứu về các giống cây* » như sau đây : « *Có ba thứ mật : mật hoa, mật ong, và mật Mía* ». Nguyên soái *NEARQUE*, hầu cận Hoàng-đế Alexandre, và cũng là một nhà bác học, có viết trong quyển « *Du-hành sang Perse* » một câu : « *ở Perse có một loại cây sậy có mật mà không phải mật ong, lại ngon hơn mật ong : đó là loại « sậy mật »* ! Nhờ đội-binh viễn-chinh của Alexandre, Mía được « du-hành » qua Hy-lạp lần đầu tiên cùng một lượt với hạt tiêu, củ gừng, cây quế và cây ớt, năm

330 trước J. C. Bấy giờ người Perse không thể nào giữ cái bí mật của cây Mía được nữa, và lần hồi các người dân ở Arabie, Syrie, Mésopotamie, lén lút qua nhờ trộm những cây Mía của người Perse, đem trồng khắp cả vùng Cận-đông. Thế kỷ thứ *VII SAU J. C.*, Mía được đem sang trồng trên đất Egypte, hai bên bờ sông Nil, Tunisie, Somalie, Algérie... và phía Nam nước Espagne.

Một vài người La-mã sang buôn bán với Hy-lạp, cũng mua được cây Mía đem về trồng trên đất Ý, nhưng còn hiếm lắm. và Mía bị chết luôn, vì không hợp với thủy-thô. Năm 996 sau J. C., một chiếc tàu buôn từ Hy-lạp chở đến Venise 1 thùng Đường thẻ, được các nhà quý-tộc tranh giành nhau mua, đem bán ra thị-trường với cái giá xấp-xỉ bằng giá vàng, những miếng đường thẻ đen-ngòm và bần-thiu mà ngày nay ta có thể mua ở các Chợ với giá 5 cắc ! Chỉ những nhà giàu ở Venise là dám bỏ tiền ra mua món ăn xa-xỉ hồi ấy, còn dân chúng thêm rớt nước giải mà không sao mua nổi. Nước Mía và cây Mía thì vẫn còn được coi như là một huyền-bí của những xứ Một ngàn một đêm lẻ ở

Đông-phương !

Từ năm 1096 đến 1270 nhờ Đoàn Thập - Tự - Quân của Gia - tô - Giáo (*Croisades*) do *GODEFROY DE BOUIL-LON* dắt dẫn, người Âu-Châu mới tràn xuống Cận-đông và được thấy tận mắt những cây Mía « *duyên-dáng như những nàng tiên-nữ* », theo lời tường thuật của hai nhà Sử-học Pháp *JACQUES DE VITRY* và *ALBERT D'AIX*, đã được dịp đi theo Thập - Tự - Quân. Đoàn quân này cũng đem Mía về trồng trên đất Pháp, Anh, Hòa-Lan, Portugal. Nhưng họ thất bại, vì họ không biết cách trồng, và Mía không chịu được khí-hậu lạnh. Sau cùng, họ đành phải mua Đường thẻ tại các xứ Cận-đông, đem về bán giá cắt - cõ cho bọn nhà giàu. Trong các sách Sử Âu-châu còn ghi rằng *THẾ KỶ XIII, XIV, XV*, ở các nước Tây phương, trong các đám tiệc sang trọng của các bậc Vua Chúa và các nhà Quý-tộc, người ta dùng Đường-thẻ của Arabie và Ấn-độ làm món ăn « *dét-xe* », nghĩa là món ăn xa-xỉ và quý-giá mà thường dân không dám nghĩ đến.

THẾ KỶ XV, Mía được người Portugal đem trồng trên

các đảo Madère, Canaries ở Đại-tây-Dương và Christophe Colomb đem trồng tận Mỹ, trên đảo Antilles.

THẾ KỶ XVI, Mía của Antilles được chở qua trồng ở Océanie, đảo Hawai (Hạ-uy-Di) Philippine, Java..

THẾ KỶ XVII, những nhà buôn Indonesia tưởng ở Ấn - độ không có Mía, lại chở Mía của Java sang bán bên Ấn-độ. Vì Mía Java ngọt hơn, nên chính người xứ Ấn-độ là quê-hương sản-xuất Mía đầu tiên, lại thích ăn Mía và Đường của Java..! Cái vòng lần-quần...

— Minh oi, thế là Cây Mía đi chu-du từ Ấn-độ qua Perse, từ Perse qua Hy-lạp, từ Hy-lạp qua Bắc-phi, rồi vượt sang Mỹ, Đại-tây-Dương, từ Mỹ băng qua Thái-Bình - Dương sang Océanie, Philippines, Java.. Rồi từ Java Cây Mía lại trở về quê-quán Ấn-độ !

— Ừ, Cây Mía Ấn-độ khởi hành cuộc du-lịch vòng quanh Thế-giới tính ra từ thời Vua *DARIUS I*, năm 510 trước J.C., đến *CHRISTOPHE COLOMB*, và hai Thế-kỷ sau nữa, là trên 2200 năm !

— Cây Mía ốm yếu như thế mà được loài người cưng yêu chịu chuộng nhĩ !

— Em ơi, cũng như đàn-bà con gái, ấy mà ! Đàn-ông vẫn thích những người đàn-bà mảnh-khảnh và gầy, như em chẳng hạn...

— Em thì em chỉ đề một mình Minh thích thôi. Chứ em đâu chịu như Cây-Mía đi lung-tung đây đó như gái giang-hồ.

— Em nghe anh kể lịch sử cây Mía từ nãy giờ, em thấy cây Mía đã nằm trong tay các bậc Đế-Vương oai nghi của thiên hạ. Nhà sử học MATHIEU DE COUCY có chép chuyện hồi thế-kỷ XV, vua xứ Égypte muốn đua nịnh vua nước Anh là CHARLES VII, đã sai một vị Sứ thần vượt sóng trùng dương đem cống - hiến lên vua Anh một tặng phẩm quý báu nhất ... đó Minh biết là món gì ?

— Một công chúa đẹp tuyệt-trần như Cléopâtre ?

— Không, một bao Đường cát ! Vua Charles VII mừng quýnh, như được một bao vàng. Chỉ có Hoàng đế Pháp, NAPOLÉON I er, là ghét Mía và ghét Đường, ghét cay ghét đắng !

— À, cái ông Napoléon thì

làm việc gì cũng khác hơn thiên-hạ ! Nhưng sao vị Hoàng-đế Anh-hùng ấy lại ghét Mía và Đường, hả Minh ?

— Vì từ khi CHRISTOPHE COLOMB sang Tân Thế-Giới, và có đem theo một ít Mía trồng trên các hòn cù lao Antilles ở Mỹ, thì Mía ở đây được sản xuất rất nhiều, và được làm thành Đường đen bán sang Âu - Châu, nhất là sang Pháp với giá rất đắt. NAPOLÉON thấy dân-chúng phí tiền mua Đường, bèn cấm nhập-cảng loại thực phẩm xa xỉ ấy.

— Cấm dân chúng ăn Đường sao ? Dân chúng cũng ngậm miệng không dám ăn Đường à ?

— Dân Pháp đâu có chịu được độc tài. Họ phản đối nhiệt liệt chứ ! Do đó chính phủ Anh lúc bấy giờ là kẻ thù của Pháp, muốn phá chính-sách kinh-tế của Pháp, bèn buôn lại Đường của Mỹ, rồi tìm đủ các cách để đem Đường lậu vào bán cho dân Pháp. Người Pháp vừa mới biết ăn Đường, nên thích Đường lắm, cũng đi kiếm mua cho kỳ được Đường lậu của Anh, với giá chợ đen gấp ba gấp bốn giá thường.

— Napoléon chịu thua chính

sách lung-doạn ấy sao ?

— Năm 1806, Ông cấm nhập Đường Mía, nhưng sai nhà kỹ-sư VERNEREN dùng củ cải đỏ (*Betterave*) chế ra một loại Đường trắng hơn Đường Mía, tuy không ngọt lắm, nhưng cũng ngọt thanh.

— Đường củ cải đỏ ra sao hả Minh ?

— Ta thường gọi là « Đường Tây », các tiệm lớn buôn thực-phẩm ngoại-quốc ở Saigon vẫn bán trong các hộp vuông, đẹp, như hộp phấn vậy đó. Đường làm thành miếng vuông, thật trắng, có vẻ sang trọng, nhưng không ngọt bằng Đường Mía. Đường Tây làm bằng củ cải *Betterave*.

— Còn Đường Thốt-nốt ?

— Đường THỐT-NỐT làm bằng cây *DOMTHUOT* ở Cambodge. Cũng như ở Niger có cây *BORGOU*, ở Arabie có cây *LAGMI*, ở Ceylan có cây *TALA* (ta gọi là Chà-là, khác hơn cây *Datte*), ở Madagascar có cây *HARAFÀ*, có Indonesia có cây dừa nước, những loại cây ấy đều làm được ra Đường, nhưng không ngọt và không bở bằng Đường Mía. Hầu hết thế giới ngày nay đều dùng Đường Mía, và thủy-tổ các loại Mía là Mía Ấn-Độ.

Em cứ nghe bảng kê-khai các danh-từ Đường trên Thế-giới như sau đây, thì đủ biết :

Tiếng Ấn-Độ, Đường gọi là *Sarkhara*, hay là *Chazar*.

Tiếng Ba-Tur	: <i>Schukhta</i>
« A-Rập	: <i>Sukkar</i>
« Hy-Lạp	: <i>Saccharum</i>
« La-Mã	: <i>Zucchero</i>
« Thổ-nhĩ-kỳ	: <i>Cheker</i>
« Espagnol	: <i>Azucar</i>
« Portugais	: <i>Assucar</i>
« Pháp	: <i>Sucre</i>
« Anh	: <i>Sugar</i>
« Đức	: <i>Zitcker</i>
« Holland (Hòa lan)	: <i>Suiker</i>
« Finland (Phần lan)	: <i>Soker</i>
« Danois (Đan - mạch)	: <i>Sukker</i>
« Suédois (Thụy - điển)	: <i>Socker</i>
« Hongrois (Hung gia lợi)	: <i>Cukor</i>
« Polonais (Ba lan)	: <i>Cuker</i>
« Nga	: <i>Caxap</i>
	(Đọc là : <i>Xa ra</i>)

Nghĩa là, tất cả đều do tiếng Ấn Độ *Chazar*, hay là *Sarkhara* mà ra cả !

Lần đầu tiên nhà Y - học Hy-Lạp thời Thượng cổ là DISCOSI DE, nghe theo tiếng gọi của người A-Rập, mà chép trong quyển sách thuốc của ông là *Saccharum*.

Người La Mã gọi theo Hy-Lạp, trại ra thành *Zucchero*. Nhà Thi-sĩ Pháp, *CHRESTIAN DE TROYES*, thế-kỷ XII, nghe theo tiếng La-Mã, gọi là *Çucre*, sau đổi ra *Sucre*. Thi-sĩ *SCARRON* đặc ra chữ *Sucrier* để gọi cái lọ đựng Đường, Văn-sĩ *COQUILLART* đặt ra chữ *Sucrier* : bỏ Đường cho ngọt. Năm 1685, văn sĩ *ROCHEFORT* đặt ra chữ *Sucrierie* xưởng nấu Đường. Các nhà Văn nhà Thơ từ thế-kỷ XV đua nhau khen ngợi Đường. Trong quyển « *chức thư của Patelin* » (*Testament de Patelin*) nhà Y - học có danh tiếng của Pháp khuyên các bệnh nhân « *nên ăn thật nhiều Đường* » Thi - sĩ *EUGÈNE DESCHAMPS* khuyến độc - giả : *Bạn muốn thưởng thức thơ cho xứng đáng ? Bạn nên vừa đọc thơ vừa ăn Đường* ». Có *NINON DE LENCLOS*, một Nữ - sĩ tài hoa điểm-lệ. Thế-kỷ XVII, khuyên « *Chỉ em nên đốt Đường để xông các mùi hôi..* », như hôi nách chẳng hạn.. Nữ sĩ *COLETTE* bảo : « *Nhúng cục Đường vào rượu chát, rồi cầm nút, thì trí - óc tự nhiên được khoan-khoái, ngôn-ngữ được lưu-loát.* »

G. P. M. ROLPH viết : « *Đường ? Đó là mặt trời đọng lại !* » (*Le Sucre ? C'est un concentré de soleil !*) Văn-sĩ Anh, *GALSWORTHY* (1933) lại bảo : « *Người và Ngựa có một điểm giống nhau, là thích ăn Đường. Cho nên Ngựa là loài thú thông-minh hơn hết thảy các loài thú.* » Còn Thi-sĩ *TÂN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIỆU* của Việt-Nam nhà ta, thì cứ mỗi lần say rượu là chạy đi kiếm cho được một cục đường để nhai. Thi-sĩ bảo như thế là rượu thắm càng ngon !

— *Mình ơi !* Còn tiếng Đường của Việt-Nam mình sao em không thấy giống tý nào với tiếng Ấn-độ hay tiếng *Perse, Arabie, Grec*, latin ? Tiếng Đường Việt-Nam do ở đâu ra ?

— Do tiếng Tàu và chữ Tàu.

— Như thế chứng tỏ rằng ông bà người Việt-Nam mình hồi xưa hồi xưa không có qua nhờ trộm Mía của Ấn-độ đem về trồng ? Nước mình hồi xưa có Mía chứ ?

— Ở đất Chàm, từ Trung Việt trở vào và đất Chân-lạp của Khmer, tức là Nam-Việt bây giờ, có lẽ trồng Mía của Java hồi Thế - kỷ XVII. Bắc-Việt, là đất Giao-Châu có lẽ có Mía, hoặc lấy mía của Tàu

đem về trồng, trong *Sử-sách* anh đọc không thấy nói đến. Chỉ có một quyển *Sử* có nói đến cây Bo-bo ở đất Giao-Chi. Cây có hạt trắng và tròn, lột lớp vỏ mỏng ở ngoài, thì còn như hạt ngọc, óng-ánh đẹp lắm. Lúc Mã-viện qua đánh Trưng - Vương, trở về có mang về một thùng trái Bo-bo, mà bên Tàu không có. Y đem về tặng cho các quan bên Tàu và nói phỉnh rằng đây là những hạt ngọc quý báu của Việt - Nam đưa về dâng cho các bà Phu-nhân làm chuỗi ngọc đeo, hoặc gắn lên tóc, tuyệt đẹp. Nhưng có một người Tàu đã sang Việt - Nam, nói rằng đó không phải là hạt ngọc, mà chỉ là hạt bo-bo, y gọi là hạt *yi-yi*. Mấy bà mệnh phụ tức mình bị Mã-Viện đánh lừa, bèn hốt hạt *Yi-yi* vứt cả ngoài sân, không để ở lâu, gặp mưa, hạt *yi-yi* mọc lên, đầy sân, đầy vườn, Từ đó, hạt Bo - bo Việt - Nam được trồng bên Tàu và dùng nấu cháo ăn ngon và bổ lắm,



* Ngựa uống rượu

Một ông Chánh-tổng cỡi chiếc xe ngựa, ngưng trước một tiệm rượu. Ông mua một chai rượu để, đem ra trút cho ngựa uống hết. Chủ quán thấy thế, hỏi :

— *Sao ông cho ngựa uống rượu ? Ông không uống sao ?*

— *Ngựa tôi say rượu thì chạy thật mau, chứ tôi say rượu thì chỉ muốn nằm một chỗ.*

Ông Tú vừa nói đến đây, thì Bà Tú lại bảo khẽ với giọng nhõng-nheo nhỏ nhẹ để thương :

— *Mình ơi, em lại khát nước rồi ! Mình kiếm đâu có nước mía mua cho em uống, kẻo em chết khô, chết héo, chết rục, bây giờ...*

— *Kia kia ! Cái xe nước Mía ở góc đường Pasteur kia ! Chạy mau đến đây uống..*

— *Em mang guốc cao gót mà Mình bảo em chạy nữa ... cho em do đất ở đây phải không ?*

Nói thế chứ ông Tú bà Tú chỉ đi vài chục bước là đến tiệm nhỏ có cô bán nước mía, mặt mũi xinh xinh, Ông Tú tùm tùm cười bảo :

— *Cô hàng Mía ơi, cô làm ơn bán giùm một ly nước mía cho cái cô đi bên cạnh tôi đây này.*

Bà Tú khẽ véo vào đùi ông, ông đẩy mạnh làm đổ cả ly nước mía..

Diệu - Huyền

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

KỠ trước, cuối bài phê-bình thơ « Hai sắc hoa ty-gôn » của T. T. KH. chúng tôi có viết :

« Sau bài Hai sắc hoa ty-gôn T.T.KH. còn có ba bài thơ nữa: Bài thơ thứ nhất, Bài thơ đan áo và Bài thơ cuối cùng. Chúng tôi sẽ nói đến những bài ấy trong kỳ sau để bạn đọc hiểu rõ thêm về T.T.KH., một bí mật trong làng thơ mà nhiều người muốn biết.»

Giữ lời hứa, chúng tôi xin giới - thiệu sau đây :

BÀI THƠ THỨ NHẤT

Thuở trước hồn tôi phơi-phới quá,
Lòng thơ nguyên vẹn một làn hương.

Nhưng nhà nghệ-sĩ từ đâu lại,
Êm-ái trao tôi một vết thương.

Tại ác nghiệt đâu gió lạ qua.

Làm kinh giấc mộng những ngày
hoa,
Thôi tan âm-điệu du-dương trước,
Và tiễn người đi bến cát xa.

Ở lại Vườn Thanh có một mình,
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh.
Yêu trăng lặng-lẽ rơi trên áo,
Yêu bóng chim sa, nắng lướt
mảnh...

Và một ngày kia tôi phải yêu
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo
Những cô áo đỏ sang nhà khác...
Gió hơi ! làm sao lạnh rất nhiều !

Từ đây không mong, không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng
nghiêm.

Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ
Người ấy ghi lòng : vẫn nhớ em !

Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên,
Bỗng ai mang lại cánh hoa tim,
Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút
duyên !

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Đẹp gì một mảnh lòng tan vỡ
Đã học hoa tàn dấu xác-xơ !
Tóc úa giết dần đời thiếu-phụ,
Thì ai trông ngóng, chả nên chờ !

Viết đoạn thơ đầu, lo ngại quá,
Vì tôi còn nhớ hẹn nhau xưa :
Có quên đi nhé, cảm mà nín,
Đừng thờ-thai bằng những giọng
thơ !

Tôi run sợ viết, lặng im nghe
Tiếng gió thu khò xiết mặt hè,
Như tiếng chân người len-lén
đến...

Song đời nào dám gặp ai về !

Tuy thế tôi tin vẫn có người
Thiệt-tha theo đuổi nữa, than ôi !
Biết đâu tôi : một tâm hồn héo
Bên cạnh chồng nghiêm lương tuổi
rời !

T.T.KH.

Sau khi đăng bài « Hai sắc hoa ty-gôn », tòa soạn Tiểu - Thuyết Thứ Bảy lại nhận được bài thơ trên đây của T.T.KH., do nhà bưu-diện đưa tới.

Với bài thơ này, tác-giả dĩ hế cửa tâm-tư cho ta biết thêm nhiều điều về hoàn cảnh bi-thương của nàng. Ta biết rằng người yêu của nàng là một nghệ-sĩ, tâm hồn cũng lãng-mạn như nàng ! Còn chồng

nàng thì đã « lũng tuổi », tính-tình lại nghiêm-nghị, nên nàng rất sợ mà không yêu. Sống trong cảnh ấy, nàng âm-thầm đau-khổ sợ-sệt nhớ người yêu mà không dám mong gặp, tâm - hồn rời - rã, héo-hon.

Bài này — cũng như bài « Hai sắc hoa ty-gôn » — hay vì giản-dị và thành thực.

Những câu sau đây là những câu có giá trị nhất trong bài và xứng đáng được người đời nhắc nhở :

... Và một ngày kia tôi phải yêu
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo
Những cô áo đỏ sang nhà khác...
Gió hơi ! làm sao lạnh rất nhiều !

... Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút
duyên !

Có nhiều người tỏ vẻ băn-khoăn không hiểu sao bài này gửi đến nhà báo sau bài « Hai sắc hoa ty-gôn » mà lại lấy nhan đề là « Bài thơ thứ nhất » ? Điều này tưởng cũng không khó hiểu. Nàng vốn không nghĩ đến việc làm thơ khóc mối tình ngang-trái, phần vì sợ chồng, phần vì trước kia nàng cùng người yêu đã ước hẹn với nhau rằng :

*Cổ quên đi nhé, cảm mà nín ;
Đừng thở than bằng những
giọng thơ !*

Chỉ vì tình cờ đọc truyện « Hoa ty gôn » của Thanh-Châu, nằng bỗng xúc động mà làm ra bài « Hai sắc hoa ty gôn ».

Rồi sau khi bài này đăng lên báo và gây sôi nổi không ngờ, nằng mới nhận thấy không thể « cảm nín » được nữa, cần phải trút tâm sự và nước mắt vào thơ, và nằng tính bắt đầu bằng ... *Bài thơ thứ nhất.*

Theo dõi chúng tôi đến đây, chắc có nhiều bạn nóng ruột muốn biết T.T.KH. là ai ?

Xin trả lời : Có hai dư luận khác nhau. Một thuyết cho rằng T.T.KH. là tên viết tắt của Trần thị-Khánh, một nữ sinh ở Hà-nội, đã yêu một thanh-niên nhưng bị gia-đình ép buộc phải lấy một tư chức hơn nằng nhiều tuổi ! Thuyết thứ hai lại nói : T. T.KH. là người yêu của nhà thơ Nguyễn Tuấn-Trình tự Thâm Tâm (hiện đã khuất). T.T là Thâm-Tâm (hay Tuấn - Trình), còn KH. là Khánh, tên nằng.

Về thuyết sau này, anh bạn Anh Đào — trong tập san Nhân-loại — có cho biết rõ là chính Thâm

Tâm đã nói với anh. Thâm-Tâm lại còn tiết lộ rằng : *Bài thơ cuối cùng* sở dĩ có là vì chàng đã tự-tiên đưa đăng *Bài thơ đan áo* của T.T. KH. vào báo Phụ-Nữ Thời - Đàm.

Đây, ta hãy nghe Thâm - Tâm tâm-sự (qua lời thuật của Anh-Đào) : « Có một hôm, Khánh làm xong bài thơ « Đan áo cho chồng » đưa cho người bạn gái thân nhất đời của nằng xem. Cô bạn gái đó tên là Tuyết. Bài thơ ấy cố nhiên chứa một niềm cay đắng của tâm-hồn nằng ! Có riêng Tuyết là hiểu cuộc đời đau đớn của chúng tôi, nên Tuyết được « hân-hạnh » đọc nổi lòng thầm kín của Khánh. Đọc xong, Tuyết trao cho tôi xem. Tôi thấy bài thơ đó hay, liền đăng vào báo Phụ-Nữ Thời-Đàm hồi ấy xuất bản tại Hà-nội. Đột nhiên Khánh thấy bài thơ không định đăng báo của mình lại in trên tờ Phụ-Nữ, thì lấy làm bất mãn và đau khổ vì lâu nay chồng Khánh đã hành hạ nằng vì ghen với « người ấy ». Vì vậy, « Bài thơ cuối cùng » được in ra. »

Trước khi giới-thiệu « Bài thơ cuối cùng », xin mời các bạn thưởng thức :

BÀI THƠ ĐAN ÁO

*Chị ơi, nếu chị đã yêu,
Đã từng lỡ hái ít nhiều đóa
thương,*

*Đã xa hẳn quăng đời hương,
Đã đem lòng gửi gió sương mù,*

*Biết chàng chị ? Mỗi mùa đông ?
Đang thương những kẻ có chồng
như em,*

*Vẫn còn thấy lạnh trong tim,
Đan đi đan lại áo len cho chồng.
Như con chim hót trong lồng,
Hạt mưa rụng xuống bên sông bờ
thờ.*

*Tháng ngày nổi tiếng tiêu-sơ,
Than ôi ! Gió đã sang bờ ly tan.*



*Tháng ngày miễn cưỡng em đan,
Kéo dài một chiếc áo len cho chồng.
Như con chim nhốt trong lồng,
Tháng ngày mong đợi ánh hồng
năm nao.*

*Ngoài trời mưa gió xôn-xao,
Ái đem khóa chết chim vào lồng
nghiêm ?*

*Ái đem lẽ giáo giam em,
Sống hồ trọn kiếp trong duyên
trái đời...*

*Lòng em khổ lắm, chị ơi !
Trong hạo tử cực với lời mia-mai.*

*Quang cảnh lạ, tháng năm dài,
Đêm đêm nghĩ đến ngày mai giắt
mình !*

Vẫn một giọng thành thật tha-thiết, đau thương. Nhưng ta phải nhận rằng thơ lục bát của T.T. KH. có kém sút lối thơ thất ngôn của nằng. Hơn nữa, trong bài còn có đôi vần gượng ép như vần « đan » với vần « len » trong câu :

*Tháng ngày miễn cưỡng em đan
Kéo dài một chiếc áo len cho
chồng.*

Cho được đầy đủ về T.T.KH. con người thơ bí mật, chúng tôi sao lục nốt :

BÀI THƠ CUỐI CÙNG

*Anh ạ, tháng ngày xa quá nhỉ !
Một mùa thu cũ, một lòng đau.
Ba năm ví biết anh còn nhớ,
Em đã cảm lời, có nói đâu !*

*Đã lỡ thời rồi chuyện biệt ly,
Càng khơi càng thấy lụy từng khi.
Trách ai mang cánh ty-gôn ấy
Mà viết tình em được ích gì ?*

*Chỉ có ba người được đọc riêng
Bài thơ « Đan áo » của chồng em.*

Bài thơ «đan áo» nay rao bán
Cho khắp người đời thóc mách xem.

Là giết đời nhau đây biết không?
Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung.
Giận anh, tôi viết dòng dư lệ,
Là chút dư hương, điệu cuối cùng.

Từ nay anh hãy bán thơ anh,
Và để yên tôi với một mình.
Những cánh hoa lòng, hừ, đã ghét,
Thì đem mà đổi lấy hư vinh!

Ngang trái đời hoa đã úa rồi,
Tiếng mùa gió lạnh sắc hương rơi.
Buồng nghiêm thờ-thần hồn eo-hẹp
Ai nhớ người không muốn nhớ lời.

Tôi oán hồn anh mỗi phút giây,
Tôi run sợ viết bởi rồi đây
Nếu không im được thì tôi chết.
Đêm hơi! Làm sao tôi thể này?

Năm lại năm qua cứ muốn yên,
Mà phương trời gió chẳng làm
quên,
Mà người võ lỗ duyên thầm kín
Lại chính là anh, anh của em!

Tôi biết làm sao được, hơi trời!
Giận anh không nở, nhớ không thôi!
Mưa buồn mưa hạt trong lòng ướt,
Sợ quá đi anh... có một người!

T.T.KH.

Thật là những tiếng nức - nở
nghe - ngào đau - đớn. Ta thấy
nàng giận dữ người tình nhưng
vẫn thương, trách móc nhưng vẫn
mến, muốn quên nhưng vẫn nhớ...
Rất đời muốn thờ than, khóc lóc để
vơi bớt sầu tư mà không dám, vì:

Sợ quá đi anh... có một người!

Ấy là chồng nàng, một người
chồng lớn tuổi lạnh-lùng nghiêm-
nghị, mà nàng rất nể sợ vì đã biết
rõ mối tình thầm kín của nàng.
Một sự tình cờ khá đặc biệt là
người chồng nghiêm - nghị ấy lại
họ Nghiêm (1). Vì thế, trong
thơ, T.T.KH., luôn luôn nhắc
đến chữ này với một ân-ý chua-
xốt rất tài tình khiến người đọc
càng chạnh lòng thương cảm:

Từ đây không mong không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng
nghiêm.

Biết đâu tôi: một tâm-hồn héo
Bên cạnh chồng nghiêm lưỡng
tuổi rồi!

(Bài thơ thứ nhất)

Ngoài trời mùn gió xôn-xao,
Ai đem khóa chết chim vào lồng
nghiêm?

(Bài thơ «đan áo»)

(1) Có thuyết cho Nghiêm là tên.

Buồng nghiêm thờ thần hồn
eo hẹp.

Ai nhớ người không muốn nhớ
lời.

(Bài thơ cuối cùng)



Đến đây tưởng cũng đã tạm đủ
chi-tiết mà nhiều bạn muốn biết
về T.T.KH., con người bí-mật
trong làng thơ. Trước khi dùng
bút, chúng tôi tưởng cũng nên
nêu ra một thuyết thứ ba nữa cho
rộng dư luận. Đó là một nghi vấn
mà những người chủ-trương hẳn
phải là những người thích ngả đầu
— như văn Pháp Montaigne —
trên « chiếc gối nhung của nghi
hoặc ». Theo thuyết này thì câu
chuyện tình ngang trái tuy có thực,
nhưng tác-giả những bài thơ trên

đây không phải là người thiếu-
phụ đau-khổ mà chính là Thâm-
Tâm đã làm thay cho người tình
và ký tắt là T.T.KH., Bởi vậy,
sau khi Thâm - Tâm đã thành
người thiên cổ thì nguồn thơ T.T.
KH. cũng cạn luôn!

Gần đây, tôi được nghe nhiều
người nói rằng hình như T.T.KH.
có di-cư vào Nam. Tôi mong
rằng thuyết thứ ba này không
đúng và bài này sẽ lọt mắt T.T.
KH. Tôi lại ước ao rằng nàng
không « câm lời » nữa và sẽ lên
tiếng để vén tấm màn bí - mật đen
sì buồng rú từ hơn hai mươi năm
nay, làm tối sầm cả một góc thi
đàn đất Việt.

BÀNG-BÁ-LÂN



* DANH NGÔN : Đau khổ.

« Con người là kẻ học nghề,
Mà thầy là những é-chê đón đầu
Không ai tự biết mình đau
Nếu không từng-trải đón đau nhiều bề »
(L'homme est un apprenti, la douleur est son maître.
Et nul ne se connaît tant qu'il n'a pas souffert.)

MUSSET

Bán :

MAGNÉTOPHONE (8.000\$)

Hời : Ông Trần Hà Trì — Số 120/4 Hùng Vương
Bệnh viện Hồng Bàng — CHỢ LỚN

NI CÔ BỎ CHÙA

★ ĐÀO - LANG

CHIẾC thuyền Dĩnh của xã Ghềnh từ Cẩm-Thủy về Ninh-Bình đầy nhóc những anh đồ xuôi về thi trường Nam-Định.

Anh đồ họ Phạm ngồi trên mạn nhìn trời ngấm dất mãi cũng chán, càng chóng chán vì trời sắp về chiều, gió lạnh nổi lên mạnh, và lại núi Đà là nơi phong cảnh hữu tình đã qua khuất rồi. Anh bèn tụt xuống mạn thuyền thì.. ôi thôi, không biết là duyên nợ ba sinh tự kiếp nào mà cái nhìn của anh vấp ngay phải một ni cô đẹp như... Quan-Âm tái phàm. Cho nên, từ đó anh cứ như ngây như dại, hết ra đặng mùi lại ra đặng lái, thấp thỏm, bồn chồn bấp an cõi dạ; trừ phi anh vào khoang giữa để thấy mặt người

đẹp; dù anh biết chắc là không by-vọng gì, nhưng anh cũng vào gần ra gần như thề vừa trải qua một cuộc đấu vật giữa anh và thần.. nhân vậy.

Phạm mon men tới gần chỗ người đẹp đang ngồi cùng mấy bà dì và một ông bác ăn mặc sang trọng có vẻ như một ông quan lớn của triều đình. Tại đó đã có hai ba anh chàng thầy đồ, ý cùng mang chung một bầu tâm sự gần giống anh. Nhưng có điều, họ như được điểm phúc hơn nên đã làm quen được với ông bác, bấy giờ họ đang bàn luận văn-chương, rất hăng, trong khi khói thuốc缭绕 Cẩm-lệ bốc khói xanh. Khiến cho đôi má mỹ nhân cũng như được thề đề hồng thắm thêm.

Đang lúc tâm thần anh đồ

Phạm mê man với bao ý tưởng thì chợt có tiếng «Ồi» từ đám đông phát ra, anh tưởng tượng như có một tai biến xảy ra vô cùng kinh khủng mà anh sẽ là chàng hiệp-sĩ cứu khổ phò nguy... Nhưng sự thật đã làm anh đồ tan mộng, thật ra chẳng có gì là khổ nguy đề người ta phải cần đến một chàng phong lưu mã thượng cả. Có gì đâu; vị quan lớn tức ông bác của người đẹp trong khi đánh diêm châm lửa vào điếu thuốc lào thì lại vụng về làm đổ cả hòn đá lửa xuống dòng sông, thời kỳ này chưa có diêm; chỉ xài bằng hai hòn đá cọ vào nhau cho nóng để lửa bật ra thế thôi.. Cô cháu vì thế phải lục gói hành trang để lấy ra một hòn đá khác thì ông bác hướng về phía các thầy đồ mà nói:

— Tôi xem ra các thầy đều là những tay cự phách trong làng nho, chuyện này đi thi về hẳn không ông cử cũng ông tú, tôi xin mạn phép ra một vẻ đối đề biết qua tiền-trình của các thầy nhé!

Cả bọn thầy đồ như được người ta gài đúng vào ngay chỗ ngứa nên sốt sắng:

— Thế thì vạn hạnh cho chúng tôi quá, nhưng xin trình trước đề đại-nhân biết cho rằng anh em chúng tôi tài học còn lơ-lơ-mờ-lắm, có kém cỏi xin được sự dạy bảo thêm của đại nhân.

Ông bác ngẫm nghĩ một chốc đoạn nhướng đôi mắt lim dim sau khung kính cận:

— À, hay tôi thử nhân câu chuyện vừa rồi mà làm đề, vậy câu ứng như sau:

*« Hoa tại Thạch-Trung,
Trần thủy đề thiên niên bất
dịch ».*

Thế là các thầy đồ bốp tráng suy nghĩ về đối thế nào cho thật chính mà cho sát nghĩa, nhưng ngồi nghĩ mãi, nghĩ hoài mà vẫn không ra câu chữ, các anh đồ nhà ta bây giờ mới ngay cán mai ra; trông mặt may anh thì đỏ, anh thì tái, anh thì sạm, có người đỏ mồ-hôi, nhưng tất cả đều im thin thít.

Lúc này thì không còn anh nào, chàng nào, làm ra cái điều ta đây giỏi, hay dương-dương tự đắc, hết cả rung đùi, hết cả cười tình, thầy thầy cúi gằm mặt thẹn-thùng, áy náy, chẳng còn ai dám nhìn

hay ngó lên tới mỹ-nhân đang ngồi phía sau, ông bác túm túm cười. Lúc đó anh đồ của chúng ta mới lần đến lên tiếng :

— Bẩm đại-nhân, chúng tôi cũng vò vè dăm ba câu Thánh Hiền, nếu đại-nhân cho phép chúng tôi xin ứng về đối, nhờ bằng có thất luật cũng cúi xin đại-nhân lượng xá cho.

Tất cả thầy đồ đều hướng mắt dồn dập về phía anh đồ Phạm nhà ta ; nhưng anh đồ thì chẳng ngó ai hơn là chiếu đôi đồng tử về phía đôi mắt phượng đen lay láy của giai-nhân với hai hàng mi cong vút đang chớp chớp. Anh đồ Phạm vừa nghĩ về đối vừa ngậm ngùi tiếc hùi hụi ngần ấy «kiệt-tác» mà lại thuộc về cửa nhà Phật, không còn dính dấp gì với cõi trần ô-tục này nữa.

Vị quan tức ông bác rút cho anh đồ Phạm một chung trà hạt sen ngút hơi thơm ngào-ngạt đoạn trịnh trọng nói :

— « Văn hành công khí » nếu thầy có về đối thì xin cho nghe qua đề thường tài.

Anh đồ nâng chén trên tay vị quan uống cạn rồi chấp tay cung kính :

— Xin phép đại-nhân và chư liệt-huynh cho tôi được phép đưa

đôi a.

Nhật cư thiên thượng,

Chiếu nhân gian vạn-lý vô cùng

Nghe xong về đối, tất cả các thầy đồ khoái quá vò tay âm-i và khen hay đáo để.

— Hay, thật là hay tuyệt.

Anh đồ có cái cảm tưởng là đôi mắt phượng của ni-cô sáng hẳn lên, cặp má hồng thì hồng lên, hẳn là vì anh chú còn ai vào nữa chứ. Vị quan vừa lập đi lập lại về ứng — về đối vừa khen tẩm tặc :

— Thật là chính; đối nhau chẳng những về nghĩa mà chữ cũng dụng nhau chan chất vậy.

Khen mãi vị quan cầm tay thầy đồ Phạm mà khen tặng :

— Không ngờ thầy lại có thể làm được câu đối hay ho đến thế. Thật là chọi nhau từng ý, từng lời, từng tư tưởng, lại còn bày tỏ được cái cốt cách phong nhã, cái tương lai sáng lạn của thầy rồi đây trên đường hoạn lộ sẽ tiến chưa biết thế nào mà lường được.

Lũ thầy đồ dốt biết thân phận rút đi lần, anh đồ Phạm bây giờ đã tỏ ra tương đắc với ông bác của ni-cô lắm nên khi từu nhập thì ngôn xuất, thầy đã ứng khẩu

ngâm luôn bài thơ mà thầy làm lúc ban chiều ngay tại trên thuyền giữa lúc đối cảnh sinh tình. Rồi anh đồ đọc cho vị quan và ni-cô nghe bài thơ đó. Rất tiết bài thơ đó thất lạc vào thời gian nên khó mà nhớ cho trọn vẹn, nhưng chỉ cần hai câu sau này cũng đủ làm ni-cô khóc sụt sụt và cõi lòng thoát tục lại thấy vương vấn « bực tình » hay rõ hơn thì ni-cô đã yêu anh đồ của chúng ta da diết đến phải nói thật với ông bác là nàng không thể « bỏ chàng đề thiếp vào chùa tu thân » được nữa, lòng trần ngỡ là « cháy rụi » có dè đâu nó lại bùng phát gớm ghê ; cũng chỉ vì hai câu thơ của anh đồ, mà lại là hai câu cổ cán :

*« Lâm lưu bất cam lay song
Chạo,*

*Chỉ khùng hàn bá toại nguyệt
quang. (1)*

Giảng nghĩa tạm :

*Ngược dòng mà chẳng động
đôi chèo.*

*Vì sợ sóng va động ánh trăng
trong.*

Nhưng ý tại ngôn ngoại, cái ý ở hai câu thơ nó mới mạnh và bạo làm sao ấy ; tỏ rõ niềm tâm sự của anh đồ yêu nàng tha thiết đậm đà nhưng hơi ối nàng đã

quy-y cửa Phật vì thế anh đồ Phạm phải cố quên, phải bóp ruột để quên hình ảnh ni-cô.

Vì chàng tuy là hàn nho nhưng là quân tử nho dù thế nên chàng không dám nghĩ tới chuyện trăng gió cùng nàng dù nàng đã.. âm thầm nghĩ đến chàng.. Nhưng rồi ân tình cũng được tỏ bày khi chàng và nàng sắp chia rẽ, chàng Phạm được biết nàng là con quan to của triều-đình nhưng cha đã hứa hôn với một đồng liêu từ năm nàng lên 8 tuổi. Tuy thế khi được mười lăm thì hôn phu nàng qua đời vì bệnh nan y.

Vì là thời cổ xưa, lại chuộng nho phong, gia đình nàng không muốn gả con hai lần nên nàng phải cắt tóc vào chùa đề chung thủy với chồng, tu đã được bốn năm và giờ đây nàng gặp chàng đồ Phạm, Cái tài hoa, cái khẩu khí của chàng đã khiến lòng xuân của cô gái 19 sống dậy, nàng nhận thấy ở con người hàn nho kia cái mà người cửa Khổng sân Trình, gọi là : «Vi-vu chi-giao long.» Rồi với mối tình thầm kín, e ấp của chàng qua hai câu thơ đã làm xao xuyến thực nữ và lòng hồi lòng nàng biết khó mà đối lòng khi lửa tình bùng cháy, nàng khó

mà mai thân dưới cửa thiền...
Nhưng họ hẹn ngày khoa giáp đề
tên, bia vàng khắc chữ, quả nhiên
chàng trúng tam khoa Hương,
Hội, Đình.

«Hoa cù hồng phấn nữ.

Tranh khán lục-y lang»

Thế là ni-cô không mất công
thấp duốc đi tìm chồng, mà lục-
y-lang cũng đã tự chàng tìm đến
quê nàng để trọn lời thề ước, vẹn
niềm thủy-chung.

Dưới chiếc áo vải mốt thiết
hay dù dưới áo gấm lộng lẫy, tấm
lòng kẻ-sĩ vẫn là một, không
màn gác tía lầu son, dù giàu
không bị đời đời, dù nghèo nàn
không thành đê tiện.

Thế mới biết kẻ sĩ bao giờ
cũng chỉ có lợi khí là văn-chương..
Nếu chẳng có văn-chương thì anh
đồ Phạm làm sao ứng đối để cho
ni-cô bỏ chùa mà... theo tình !



KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

THƠ LÊN RUỘT

★ TÚ-BE

*L.T.S.— Bắt đầu từ số này, chúng tôi sẽ mở mục THƠ LÊN
RUỘT trở lại, và bạn Tú-Be sẽ đảm nhận thường xuyên
thay thế cô Diệu-Huyền.*

loạn ếch

*(Tìm các báo hôm 13-3-61, tại Tân-Gia-Ba hàng ngàn ếch
giận trận đánh giết nhau tới hơn một giờ).*

Một chuyện lạ vừa đây mới xảy,
Trên báo chương nghe thấy lạ đời
Ếch nằm ở chốn giếng khơi,
Mà còn tranh cạnh, đua hơi, thử tài.
Chia ngôi thứ, phân đôi thiên hạ,
Đem hùng binh chống-chả sơn hà,
Gây nên một trận can qua,
Thây phơi đầy nước, máu pha sắc bùn,
Dầu chẳng có dáo, gươm, súng, đạn,
Dầu cũng không tàu lặn, tàu bay.
Cũng thì hăng tiết, máu say,
Hàng trăm ếch chết phơi thây chiến trường.
Ai dám bảo : «chỉ gương đời mắt»,

Trông cuộc đời ếch mặc dửng-dưng,
 Ai rằng : ếch sống thung-dung,
 Đêm ngày «ếch-ộp» vui cùng nước non,
 Ngày tháng với đàn con riu-rít,
 Vợ «ênh-ương» quấn-quít ngày đêm,
 Vui trong đáy giếng thiên nhiên,
 Một đàn nòng-nọc sống yên an bề.
 Ếch hỡi ếch ! hỡi vì đâu nhẽ,
 Cùng giếng nòi cần xé được sao ?
 Vì đâu nên chuyện binh đao ?
 Vì đâu nên nổi máu trào xương rơi ?
 Hay là tại cụ trời reo họa !
 Họa làn chàn tới cả ếch kia !
 Nên chi ếch cũng phân chia,
 Thù kia, oán nọ đôi bề cho mình.
 Hay ếch muốn vị tình quên nước !
 Hay ếch mong sao được vinh thân !
 Giận quân giếng xóm xa gần,
 Nên chi ếch mới vạch phân sơn hà ?
 Hay ếch cũng theo tà, ghét bạn ?
 Dân chủ cùng cộng sản đôi nơi ?
 Ra tay quyết diệt giếng nòi,
 Lấy câu « quyết thắng » làm lời châm ngôn.
 Thấy chuyện ếch thêm buồn mọi nòi,
 Cuộc đời xem khó nói nên lời.
 Kia trông đáy giếng rối bời,
 Ếch ôi ! có biết cuộc đời cũng như ! ! !

TÚ . BE

*

ATALA

● *Chateaubriand*

* TRẦN - CHU dịch

Ngày 3 tháng 4 năm 1801, một tác-phẩm xuất bản tại Paris, đã hấp dẫn cả hàng triệu người Pháp và Âu-châu và làm rạng danh nhà văn - hào CHATEAUBRIAND, một bậc tiền-phong của Văn chương, lãng mạn Pháp. Đó là ATALA hay TÌNH YÊU CỦA HAI NGƯỜI DÂN MAN DẪ.

Câu chuyện xảy ra ở xứ Natchez, miền Louisiane (Bắc Mỹ) ; nơi đây có lão Chactas, người đã quen thân đất Pháp từ thuở thiếu thời. Vào khoảng 1725, một thanh-niên Pháp, René, tự nguyện bỏ xứ sở đến xin trú ngụ tại nhà của Chactas, vùng Natchez. Một hôm, nhân việc đi săn rái cá trên bờ sông Ohio, dưới bầu trời trăng thanh gió mát, Chactas thổ-lộ cho René nghe câu chuyện về cuộc đời của mình...

1. — Những người đi săn

VÀ O khoảng mười bảy tuổi, sau khi bỏ học tôi bị bộ lạc Mulcogulges đánh đuổi, tôi phải đến xin trú ngụ tại nhà cụ Lopez, ở vùng Saint Augustin.

Gần ba năm sau, tôi rời khỏi vị ân-nhân đã niềm-nỡ nuôi nấng tôi để trở lại đời sống hòa hợp với thiên-nhiên, núi rừng. Nhưng tôi không thể trẻ nãi nữa để phải bị trừng phạt vì lòng bạc nghĩa của tôi. Chân ướt, chân ráo, chưa

có kinh nghiệm gì nên tôi đã bị lạc trong rừng, và bị một bọn Mulcogulges bắt lại, như cha Lopez đã đoán trước cho tôi. Tôi lại biết ơn Natché, người đã cho tôi bộ đồ mặc và bộ lông cài trên đầu. Họ kéo tôi đi nhẹ-nhẹ vì nể tôi đau sao cũng là một chàng trai tuấn tú. Simagham, người đầu bọn, hỏi tội về danh tính.

— Tao tên là Chactas, tôi đáp, con của Outalissi và Miscon, người đã lột cả hơn trăm đầu tóc của anh hùng Mulcogulges !

Simagham bảo tôi :

— Chastas, con của Outalissi và Miscon, hãy vui hưởng những gì mà may có đi, và rồi may sẽ bị hỏa thiêu ngay ở doanh trại.

Thế rồi đêm đến và bọn chúng dựng lều ở ngay cạnh bìa một khu rừng. Tôi ngồi bên đống lửa mà tôi sẽ bị thiêu ở đó, với một thằng giặc canh giữ tôi. Bỗng nhiên tôi nghe tiếng xao động của quần áo lê trên cỏ, và một người thiếu nữ quàng khăn nửa mình đến ngồi bên tôi. Những giọt nước mắt tràn trên mí nàng, dưới ánh lửa hồng, tượng Jesus Christ trên thập-tự-giá bằng vàng sáng chói, nổi hẳn trên ngực

nàng. Nàng đẹp một cách lạ-lùng. Người ta nhận thấy trên gương mặt nàng có một vẻ đạo-đức, hiền từ, say mê, với một sức quyến rũ mà ta không chống-cự lại được.

Thêm vào đó, nàng có những dáng điệu hết sức dịu-dàng, một sự dễ cảm tuyệt-vời hợp với điệu buồn sâu thẳm, mơ màng trong những cái nhìn, và nụ cười tím tím đẹp một cách mê hồn.

Nàng có cái tên cũng rất đẹp. ATALA, và nàng ngỏ ý muốn đến cứu tôi. Nhưng tôi chỉ muốn được cùng trốn với nàng.

Đến nửa đêm, nàng giải-thoát cho tôi và dẫn tôi đi trong giữa khoảng rừng thông, luôn luôn cầu nguyện cho tôi được an-toàn tính mệnh. Tôi không nói được với nàng một lời, chỉ nắm tay nàng trong tay tôi, và tôi cố gắng bước thật nhẹ để đi sâu vào rừng thẳm. Hơi gió mong-mạnh làm bằng bành mái tóc xanh của nàng, tỏa mùi hương đượm của những cây thông, và người ta ngửi thấy mùi hổ-phách bốc lên từ những con cá sấu dưới vòm cỏ ướt bên bờ. Mặt trăng chói sáng giữa một nền trời xanh thẳm không gợn mây, chiếu thứ ánh sáng xám nhạt của những viên

ngọc, len lỏi qua những ngọn cây cao vút.

Chúng tôi đi lang-thang trong rừng, mỗi người băn-khoăn theo ý nghĩ của mình. Một lát sau những câu nói bỏ lửng của Atala và sự do-dự của chính nàng làm cho tôi lại phải đi lạc đường. Tôi lại bị bắt và sẽ chịu tội hỏa thiêu. Người ta kéo chàng thân tôi ra. Những sợi dây thừng siết chặt cổ tôi, chân tôi, tay tôi vào những hàng cọc đóng sâu vào lòng đất. Bọn giặc nằm ngay trên những hàng dây và tôi không thể thực hiện một cử động nhẹ nào mà không làm cho bọn chúng nghe thấy.

Đêm từ từ lại. Những câu ca điệu múa dần dần ngưng bật. Đống lửa chỉ còn ném ra những lu òng sáng đỏ ngầu ; qua ánh lửa người ta còn thấy bóng đen của vài thằng giặc lướt qua ; tất cả đều ngái-ngủ, cơ-hồ khi những tiếng động của con người dần dần dịu xuống thì những tiếng thở dài theo một nhịp điệu của cô đơn trong mênh-mông của miền khoáng-dã lại dần dần nổi lên, tiếng gió rừng vi-vút than-vãn ưu-sầu thay dần cho giọng người nhộn-nhàng huyền-náo.

Lúc đó chính là giờ mà một cô gái da đỏ vừa đóng vai trò một bà mẹ hiền bỗng nhiên thức giấc giữa đêm tối, vì nàng tin rằng nàng đã nghe thấy tiếng kêu cứu của một đứa trẻ sơ sinh van xin nơi nàng một sự nuôi dưỡng, nàng đỡ hiền dịu.

Đôi mắt tôi dán lên bầu trời, con trăng lưỡi liềm vàng lạc-lơng trong những vùng mây. Tôi trầm suy tưởng về số phận của mình. Đối với tôi, Atala như là một quái thai của lòng bạc-bèo. Bỏ rơi tôi trong khi khốn đốn, lẽ ra tôi bị cúng cho đống lửa đỏ thì đúng hơn là để xa cách nàng. Tuy-nhiên, tôi cảm thấy tôi yêu nàng bất tuyệt, và tôi có thể vui lòng chịu chết vì nàng.

Đang triển-miên trong những thích-thú vô tận, một cây gai nhỏ gọi tôi về với thực tại, như thế báo cho tôi hay rằng nên lợi dụng ngay khoảnh khắc nhanh chóng này. Đắm chìm trong cảnh đau khổ lo lắng mà lại có một ma-lực gì làm cho tôi ngủ-gà ngủ-gật ; nhưng cặp mắt mệt nhọc trĩu nặng vì những cơn lệ nóng đầm-đìa, khép kín lại một cách tự nhiên và đức hiền-lương của Thượng-Đế dường như luôn

luôn chiều cổ đến chúng tôi, ngay cả lúc chúng tôi bắt hạnh. Bất đắc-dĩ tôi đành đánh một giấc ngủ nặng nề, giấc ngủ mà tôi coi là quý hoá, ngon lành trong khi lâm vào cảnh khổ. Tôi mơ màng người ta tháo gỡ xiềng xích ra cho tôi, sau khi bị thắt chặt quá mức, tôi tin tưởng rằng tôi cảm thấy có một bàn tay hiền-dịu nào đã đến mở lối móc xích tay tôi, làm cho tôi được khoan thai nhẹ-nhàng. Cảm giác ấy trở nên vững mạnh đến nỗi làm cho tôi choàng mở mí mắt ra. Dưới ánh trăng vàng bệch của những tia sáng len lỏi qua các đám mây, tôi thoáng thấy một gương mặt trắng nõn khê cúi xuống mình tôi đang lặng lẽ tháo gỡ những móc xích-xiềng. Tôi sắp kêu lên một tiếng thì bàn tay dịu-hiền bịt ngay miệng tôi lại; tôi nhận ra ngay bàn tay Atala, nàng con gái xứ đồng cỏ mà tôi đã gặp. Chỉ còn lại có một chiếc dây thừng buộc tôi và choàng qua mình một thằng giặc ngủ bên cạnh; Atala không thể nào cắt đứt được sợi thừng này mà không động đến nó được. Nàng kéo nó lên. Nó ngồi dựng dậy, còn ngái-ngủ. Atala nhìn nó, không cử-động.

Người da đỏ thường hay tin rằng Thần thánh hay đến phá hủy những gì mà họ đã làm, nên nó lại nằm xuống, nhắm mắt và lẩm-bẩm cầu nguyện. Sợi thừng bị cắt đứt. Tôi chồm dậy, chạy theo Atala...

Chúng tôi chạy về phía những đồng cỏ ở phương bắc. Cả hai lang-bạc trong cái cô đơn kỳ-lạ, sống lại đời sống giang hồ lạc-lơng của Robinson thuở nào. Nàng kết cho tôi một tấm áo bằng vỏ cây tần-bì vì hầu như là tôi bị trần trụi trọc. Nàng lại khâu cho tôi một đôi giày bằng da chuột xạ với lông con nhím. Tôi lại sửa soạn những đồ trang sức cho nàng. Có lúc tôi choàng lên tóc nàng những vòng hoa cà xanh tím mà chúng tôi nhặt được trên đường đi trong những nghĩa địa hoang phế của người da đỏ, có lúc tôi kết cho nàng những vòng đeo cổ bằng những hạt hồng tía của trái cây azalea bên đường, và rồi tôi mỉm cười chiêm ngưỡng sắc đẹp lộng lẫy của người yêu.

Khi gặp con sông nào, chúng tôi vượt qua bằng một chiếc bè hay chúng tôi cùng bơi qua. Atala bá một tay vào vai tôi,

và chúng tôi băng ngang qua những làn sóng vô lạnh-lùng, như cặp bạch nga bằng-bệnh trên mặt nước. Dưới ánh nắng nung người ban ngày, thường thường chúng tôi tìm một chỗ trú dưới chòm rong của những cây bách-hương. Hầu hết cây cối ở vùng Floride, nhất là cây bách-hương và cây sồi-xanh, đều phủ rong trắng từ những nhánh con chĩa ra, lòng-thòng cho đến mặt đất. Ban đêm dưới ánh trăng vàng, trong cái trống-trải của cánh đồng cỏ, bạn thoáng thấy một cây sồi-xanh trơ-trọi bao phủ bằng bức màn rong ấy, bạn sẽ tưởng rằng bạn thấy một con ma quái kéo dài sau nó những tấm trướng lòng-thòng, nhất là khi có gió lay-động lùm cây phất-phơ rung-chuyển một đồng trống lù-lù, người ta tưởng nó có một sức nặng mà ngoài thần gió thì không người nào có thể lay chuyển nổi. Tuy nhiên, ban ngày thì phong cảnh ấy lộng-lẫy hơn, vì những đàn bướm lượn, đóm đóm vàng, ong ruồi sáng chói chim sâu chinh chích, chim két trắng xanh, cà-cưỡng vàng, đến móc chi-chít vào đám rong, dường như là những bàn tay khéo-léo của người thợ Âu-châu

đã thêu dệt nên một bức thảm bằng len trắng, điểm những đám hoa hộc chói-lọi. Tất cả như thế là do sự ân-cần niềm-nỡ mà Thượng-Đế đã giành cho chúng tôi, khi chúng tôi tạm dừng chân trên bước đường gian nan cùng-khốn. Khi một luồng gió nhẹ tạt qua, đánh đu-đưa ngọn bách-hương già, chòm mây trôi lững-lờ cùng với đàn chim muôn sắc và những lũ hành ẩn-trú dưới vòm cây cũng thần-thờ trút những hơi thở dài, nghĩ rằng không bao giờ những kỳ quan kim cổ của loài người lại được tương tợ như những kiệt tác thiên-nhiên trong khoảng hoang-vu khoáng-dã như thế này.

Chiều tối lại, chúng tôi nhóm lên một ngọn lửa hồng, và chúng tôi tạm lập một chiếc hang trú-ẩn với những tấm vỏ cây dàn ra trên bốn cây cọc. Nếu tôi có giết được con ngỗng rừng, con chim cườm, chim trĩ hay gà lôi nào, chúng tôi bèn treo lên trên, trước cây sồi bao phủ, ở đầu một cây trụ và chúng tôi hướng ra cho gió đánh lác-lư những con mồi của người thợ săn lưu-lạc. Thật là tình cảnh lang-bạc giang-hồ của chàng Robinson trong bao năm trôi dạt

vào miền hoang-đảo hẻo lánh xa xôi.

Chúng tôi ăn một thứ rong gọi là bọt đá, những vỏ cây có chất đường và những củ khoai tây có hương vị như phượng vĩ và đào. Những chất nước ngon ngọt của cây hồ-đào, cây phong, làm thành một thứ rượu ngon cho bữa ăn của chúng tôi. Một đôi khi tôi đi tìm trong rừng phi-lao một thứ cây có cành hoa kéo dài như một cái sừng, chứa đựng những giọt sương trong treo. Tôi mang ơn Thượng-Đế đã đặt trên nhành hoa mỏng mảnh một nguồn suối tinh khiết giữa đám lầy lội, thiết tha, như thể Ngài đã đặt một niềm hy-vọng vào tâm-tâm đau đớn ở chỗ vì những điều phiền-muộn, như thể Ngài đã cho thoát tỏa ra một niềm đức-hạnh hiền dịu từ giữa lòng đau khổ của cuộc đời.

Rời khỏi túp lều, chúng tôi lưu-lạc đã được mười mấy ngày, tháng tám lại trở về và tất cả như báo hiệu rằng sắp xảy ra một trận bão táp kinh hoàng. Vào giờ mà những bà chủ da đỏ sắp treo cà lên cây đố-tùng và những con vẹt lại về lỗ bọng của nó trong những cây trắc bá, bầu

trời dần-dần sụp tối lại. Giọng nói của những kẻ cô đơn tắt dần, bãi khoáng-dã vắng lặng, và những khu rừng chìm đắm vào cảnh tịch-mịch thâm u. Bỗng đâu một tiếng sấm từ xa nổi dậy, âm vang trùng - trùng qua những dãy rừng già, dội lại thành những tiếng động khiếp-dâm. Sợ bị nước đổ về làm mình chìm ngập, chúng tôi vội tiến đến bờ sông và rút vào một khu rừng. Chỗ này là một khoảng đất lầy lội. Chúng tôi tiến một cách mệt nhọc đến dưới một vòm kết bằng dây leo, ở giữa những gốc nhỏ, rặng bìm bìm, quấn lấy chân chúng tôi như một tấm lưới dày. Đất xốp rung động chung quanh chúng tôi và trong khoảng-khắc, chúng tôi hầu như bị chôn vùi dưới một lũng sâu. Những cơn dơi khổng lồ bùng-bít tầm mắt của chúng tôi; vô số sâu bọ, những con rắn rung - chuông ào-xào khắp nơi, và chó sói, gấu, cọp con, vừa chun vào hang, gào rống âm ỉ.

Trong lúc ấy bóng tối càng thêm dày đặc, những vùng mây ở thấp, lẫn với bóng cây rừng, từng mảnh mây nhỏ rời rạc, và ánh lửa hồng lập lờ vạch thành

những tia hình rẽ quạt. Một cơn gió dữ-dội vụt đến, cuộn tròn những đám mây; khu rừng lay động; bầu trời hé mở và xuyên qua những chỗ hở, người ta thấy những bầu trời mới chói lọi những cánh đồng sáng choang. Phong cảnh thật là kinh - hoàng lộng-lẫy làm sao! Một cơn sét dữ dội đốt cháy khu rừng, ngọn lửa lan ra như một suối tóc đỏ hoe; những cột lửa đỏ khói đen vây phủ đám mây đang xẹt ra những tia sét trong đám cháy không-lỡ. Lúc bấy giờ Thượng-Đế bao phủ dãy núi đồi một màn đen dày đặc, ở giữa khoảng lộn xộn minh-mông, nổi lên một tiếng rú lẫn lộn với những tiếng vi-vu của gió ngàn, tiếng than vãn của ngọn cây, tiếng gào thét của thú dữ, tiếng vi-vút của đám lửa hồng và những tiếng sét đỏ dòn, thổi dịu hòa và như chìm dần vào lũng nước sâu... Chúng tôi lại phải một phen kinh hồn hoảng vía vì trận bão táp điên - cuồng. Trong cơn hỗn loạn, Atala ôm chặt vào tôi, thổ lộ cho tôi hay rằng nàng là con gái của một người mẹ da đỏ và ông già Lopez, vị ân nhân của tôi. Lời thổ-lộ

này thật chặt sợi dây thân ái giữa chúng tôi, và nàng cầu-nguyện được cùng tôi nương tựa nhau cho đến thuở bạc đầu.

Thình lình chúng tôi nghe thấy một tiếng chuông nhỏ: một con chó dẫn vị giáo sĩ già hiện đến cứu giúp chúng tôi, Atala quỳ mọp dưới chân vị giáo sĩ già:

— Lạy cha, con là một con chiên lạc-lỡng, chính chúa Trời đã đưa cha đến để cứu giúp chúng con.

— Con, vị ân tu nói với nàng, vừa đỡ nàng dậy; chúng ta hãy giống hồi chuông của Sự Mạng Tôn Giáo để vời gọi những người lưu-lạc trong cơn giông bão, và theo gương các anh ở vùng núi Alps và xứ Liban, chúng ta đã dạy con chó chúng ta đi tìm những người lữ khách lỡ đường.

Đối với tôi, tôi rất khó hiểu được vị ân tu; lòng nhân đạo của ông sao mà siêu-việt đến nỗi tôi tưởng như là thực hiện một sự ước mơ hảo huyền.

Trong ánh sáng lờ-mờ của chiếc đèn lồng nhỏ nơi tay ông, tôi thoáng thấy râu tóc ông ướt đẫm, chân tay mặt mũi rướm máu vì những trặc trở chông gai.

cưỡi cùng, tôi thốt lên :

— Cụ ạ, vậy thì cụ có lòng nào, cụ không sợ bị sét đánh ư?

— Sợ à ? Ông già giận dữ cãi lại. Sợ trong khi bao nhiêu người gặp cảnh khốn cùng, sợ khi tôi có thể giúp cho họ à ? Thế thì tôi có xứng đáng gì với danh nghĩa công bộc của đấng Jésus !

— Nhưng mà cụ có biết, tôi bảo ông, rằng tôi không phải là một con chiên ?

— Cậu à, tôi có cần biết gì về tôn giáo của cậu. Jésus - Christ không có bảo rằng máu của ngài dùng để rửa tội cho người này mà không rửa tội cho người kia, Ngài chết cho người Do - Thái và cho cả những người ngoại Đạo, và ngài xem tất cả mọi người như cùng một máu mủ, và dầu là những kẻ bất hạnh. Những điều lão giúp đỡ cho cậu đây, chỉ là một vòn mây bay trong nhiệm vụ, và lại cậu sẽ tìm gặp những sự giúp đỡ khác nữa, nhưng sự về-vang không phải đem lại cho những người tu-sĩ. Chúng ta,

những người đơn-độc yếu đuối là gì, nếu không phải là những công-cụ thô lậu của một kiệt-tác của thiên thần ? Ôi, người chiến sĩ của Uésus-Christ đương đầu với ngược đãi bạo tàn, có lẽ nào hèn nhát để lùi lại trong khi người đầu bộn tay cầm thánh giá mặt mày bị gai cào trầy-trục, vẫn tiến lên để giúp đỡ người?

Những lời này cảm-kích tâm can tôi, mắt tôi đầm lệ, giọng lệ cảm kích rung động và khâm-phục vô bờ.

— Các con, vị ẩn tu nói tiếp, cha quản trị một đám tín đồ trong khu rừng này. Hang của cha ở trong núi gần đây, các con hãy đến đây sưởi lòng. Các con sẽ không tìm thấy ở đây tất cả tiện nghi của đời sống, nhưng các con sẽ tìm được một chỗ trú ngụ, và chúng ta còn phải biết ơn Thượng-đế vì hiện giờ còn biết bao nhiêu người đang cần thiết một chỗ nương thân...

(Còn nữa)

Sách báo mới

* Hai mươi năm Cách mạng Hải ngoại

Hồi ký của HOÀNG NAM HÙNG

Ông Hoàng-nam-Hùng, hiện nay là chủ-tịch hội Việt-Hoa, trước kia đã là một chiến-sĩ cách-mạng hoạt-động rất hăng-hái ở Trung-hoa, cùng một lúc với các cụ Cường-Đề, Phan-bội-Châu, Nguyễn-hải-Thần, Nguyễn-ái-Quốc v v Tập hồi ký này kể lại lịch-sử 50 năm sôi nổi ấy.

* Nàng Ái Cơ trong chộ úp.

(Hà Tiên ngoại sử ký sự tiểu-thuyết) của MỘNG TUYẾT

— X.B. Bốn phương. In trên giấy rất đẹp, chữ mới thật rõ. Bìa vẽ hoa sen, trình bày trang nhã. Một công-trình cố-gắng rất đáng khen của Thư-lâm ấn-quán, về nghệ-thuật ấn loát.

Về nội-dung, đây là một sự tích ở Hà-Tiên, tiểu-thuyết hóa dưới ngòi bút rất duyên dáng của Nữ-sĩ Mộng-Tuyết, người quê quán Hà-Tiên, lại có hồn thơ man-mác, nhẹ nhàng, diễm lệ Một tập khảo cứu lịch-sử đầy thơ mộng.

* Giảng văn lớp Đệ Tứ

của giáo-sư XUÂN-TƯỞC và THÂM THỆ HÀ. Nhà xuất-bản Sóng Mới — giá 65\$ — Biên-soạn rất công phu, đầy đủ, theo chương-trình của Bộ Q.G.G.D.

* Ép hoa giữ làm tin và Men nhạc chiều

Hai nhạc phẩm mới của ông TRƯƠNG DUY CƯỜNG giáo sư trường Trung học Nguyễn-duy-Hiệu, Quảng-Nam.

* Việt Nam danh nhân tự điển

của NGUYỄN HUYỀN ANH Hội Văn hóa Bình dân xuất bản.

Tiểu-sử đầy đủ của tất cả các danh-nhân Việt-nam đã quá cố từ xưa đến 1945, trải qua 4000 năm lịch sử và văn-học. Tác giả có viết trong lời ' mở đầu ' :

• Biên soạn và ấn hành sách « Việt-Nam danh nhân Tự-Điển, trước tiên tôi hy vọng rằng các bạn trẻ học sinh

sẽ tìm thấy được ở các danh nhân những bài học vô giá về các lý Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, tức là ĐẠO LÀM NGƯỜI mà chúng ta luôn luôn cần phải giữ gìn.

Một quyển tự-điển rất cần thiết cho sự tra cứu, học hỏi, về các nhân vật tài hoa đã làm ra lịch sử và văn học Việt-nam, đã gây dựng 4000 năm văn hiến của dân tộc Việt-nam.

* Ô Châu cận Lục

Tác giả : Vô-danh-Dịch giả : Bùi-Lương.

Tài liệu về địa-lý, lịch sử, phong-tục v.v. của hai miền Thuận châu và Hóa-châu, viết từ năm 1553, đời nhà Mạc.

Một tác-phẩm bổ ích cho sự tra cứu về địa-dư và phong tục của vùng Quảng-trị, Thừa Thiên Quảng Nam ở Thế kỷ XVI.

Văn-Hóa Á-Châu xuất-bản, sách in đẹp, giá 30\$.

* Văn thơ cổ kính

20 bài thơ thất-ngôn Đường-luật của Ô. Hoa-Sơn PHẠM ĐÌNH BÁCH, Huế

In trên giấy croquis, bìa Bristol. Tác giả xuất bản.

* France-Asie N° 165 Janvier-Février 1961, với những bài

The marriage of Wisdom and Method của Marco Pallis, Caractéristiques du nationalisme japonais, của Maruyama Masao, The Christian Mission Beyond the Roman Empire của P. Yoshio Saeki, Vietnam, carrefour de peuples et de civilisations của O. Janse, Hommage à Ryoshi Takhhama-Albert Camus et l'Algérie v.v. giá US 2\$, xuất bản tại Nhật-bổn, Tokyo Chủ nhiệm RENÉ DE BERVAL.

* Luyện Luận văn

Thi Trung-học Đệ nhất cấp của LÊ KIM NGÂN và PHẠM XUÂN-THU, giáo-sư trường Gia long, và trường Nguyễn Bá Tông Văn Hiệp xuất-bản 225 Phạm ngũ Lão, Saigon.

Dày ngót 300 trang giá 48đ.

* Etude de Texte, par l'orthographe của PHẠM TẮT ĐẮC. Dùng cho học sinh Trung-học và tú tài tự luyện Pháp văn.

ABC xuất-bản, 328 Phan đình Phùng Saigon — giá 45đ.



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

● NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. số 53)

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC

Cô Minh Tú với chồng và hai đứa con đi Cáp chơi với con gái ông Bộ-Trưởng. Trước khi đi, cô giao cho Ánh bao nhiêu là công việc mà cô buộc phải làm cho hết cả ngày chủ nhật trong lúc cô đi vắng. Chủ-ý của cô là không cho Ánh có thì giờ đùa dờn hay tình-tự với anh cô. Nhưng Ánh ở nhà một mình làm hết các công việc, rồi nghỉ - ngơi, buồn, khóc một mình. Ông giáo Ngọc Minh cũng đi suốt ngày, 10 giờ tối vẫn chưa về nhà.

TRONG ý cô nghĩ rằng có lẽ anh cô chờ đến khuya cho gia - đình ngủ cả, ông sẽ về gõ cửa nhẹ - nhẹ, hoặc là ông đã dặn Ánh khép cửa để lúc về ông khẽ đẩy cửa bước vào, không làm tiếng động. Rồi ông sẽ đi nhẹ-nhẹ xuống buồng con ở, để tình tự với nó.

Minh-Tú đoán chừng như thế, nên cô lắng tai nghe để rình coi. Nếu chuyện sẽ xảy ra đúng như cô nghĩ ngờ, thì cô sẽ... thế này... cô sẽ... thế kia... Cô đã sắp đặt cả một chương-trình trinh-thám

ti-mi, thật kín đáo, không để cho ai biết. Rồi sáng ngày, chờ anh cô và chồng cô đi làm việc và đưa hai đứa nhỏ đến trường Mẫu-giáo xong, ở nhà một mình cô với Ánh, cô sẽ đánh cho nó một trận nên thân! Cô tự nhủ thầm: « Có thể nó mới chữa !.. Giỏi nó mét với anh Hai thử coi anh Hai làm gì mình? Hừ! Dám mét !.. Nhưng đây rồi con nhỏ có chữa mới khổ cho mình chứ! Thật là tức mình cho anh Hai quá! Sao anh em con nhỏ dữ vậy kia? Con Ánh mà có chữa thì.. thì.. thì làm sao nhĩ? Ối, kệ nó, hơi đầu mình lo cho mệt xác! Đ con nhỏ này mang cái bầu bự ở trong gia-đình mình, thì nhứt thiết là không được rồi đó! Mình sẽ đập cho nó một trận rồi tống cổ ra khỏi nhà. Vậy là êm! Còn anh Hai, thì mình phải làm sao gán lẹ Thanh-Kiều cho anh, chớ cứ để anh bông-lông mãi, thế nào cũng có ngày lộn xộn! » Minh-Tú vừa nghĩ đến đó thì cô nghe có tiếng động. Ủa lạ, sao từ nãy giờ cô không nghe tiếng mở cửa ngoài phòng khách?.. Cô lắng tai nghe thật kỹ, rõ ràng là có tiếng động.. Cô ngồi dậy thật nhẹ nhàng, ngồi mép

giường hình như có nghe tiếng chun bước dưới nhà bếp... Cô đoán: « Chắc anh Hai đã lên về từ nãy giờ Anh ấy đang vô buồng con Ánh... Cái anh này thiệt quá chùng !... »

Cô khẽ đứng dậy, đi chun không, nhón gót bước nhẹ-nhẹ ra đến cầu thang. Nhưng cô chưa dám bước xuống cầu thang. Sợ có tiếng động sẽ hỏng việc rình-mò của cô. Cô nghĩ thầm: « Chắc là anh Hai đang ở trong buồng con Ánh, nhưng chưa làm gì... Hai người còn đang thăm thì tình tứ... mình xuống bếp lắng tai nghe thử... »

Cô khẽ nhón gót bước xuống mấy bậc cầu thang... đến phòng khách... Bỗng cô nghe tiếng một vật gì ở dưới bếp như cái ly nước rớt xuống đất kêu « choảng ! » Cô lại tự nhủ « Thôi, đích thị rồi, chắc là anh Hai đã mò vô buồng Ánh, làm gì đây rồi khát nước, Nó rớt nước vào ly cho Ánh uống, vì phòng tối thui nên hai người làm rớt cái ly xuống đất... chắc chắn như thế chứ không sai... »

Nhưng Minh-Tú không thực-hành đúng kế hoạch trinh-thám mà cô đã sắp đặt. Lúc nằm trên lầu, thì cô tính khác. Cô định lên rình bí mật, đừng cho anh cô và

con-ở biết... Nhưng bây giờ, nghe chiếc ly rớt vỡ, nghi chắc là cô sẽ bắt được tại trận anh cô ở trong buồng Ánh, cô mất hết cả bình-tĩnh và khôn-ngoa, máu tức nổi dậy sùng-sục trong lòng cô, cô liền sờ soạn trên vách tường tìm trúng nút điện, cô bật đèn lên sáng choang cả nhà.

Cô sợ rằng nếu xuống buồng con-ở thì thế nào cũng chạm mặt anh cô, nên cô đứng nơi cửa nhà giữa gọi xuống bếp:

— Ánh!

Không có tiếng trả lời. Minh-Tú run hân cả người, gọi to:

— Ánh!... Ánh!..

Vẫn không có tiếng đáp. Cô hét lên:

— Ánh! Mày làm gì ở dưới?

Bây giờ mới nghe Ánh khẽ đáp, với giọng dịu-hiền và thùy-mị:

— Dạ!

— Mày làm gì ở dưới?

— Dạ.

Minh-Tú tức mình chửi lên:

— Dạ cái mà m... m... m... Mày!

Tao hỏi mày làm gì ở trong buồng mày?

— Thưa bà, con ngủ ạ.

Minh-Tú cho rằng con-ở sợ quỳnh nên nói dối.

Cô lại hỏi dần từng tiếng:

— Hừ! Mày ngủ à? Mày ngủ sao mày làm rớt cái ly nước?

— Thưa bà, không có.

— Thật không có không? Tao biết hết mà mày còn dám chối hả? Tao đang ngủ trên lầu nghe tiếng cái ly rớt « choảng » trong buồng mày, tao dụt mình xuống coi, mà mày nói không có hả?

— Thưa bà, con ngủ con không hay gì cả. Con không có làm rớt ly.

Minh-Tú càng tức-giận lại chửi:

— Mẹ ch... m... m... Mày còn dám chối nữa chứ!

Chun không, cô đi thui-thụi xuống bếp.

Ánh ở trong buồng cũng vừa mở cửa buồng, bước ra. Một con mèo vá đang đứng trên nắp lu nước ở ngoài sân bếp, trở hai con mắt sáng ngời nhìn cô Minh-Tú, kêu « ngoau... ngoau... ». Ba bốn mảnh chén vỡ tan-nát trên nền gạch. Ánh trông thấy, hiểu ngay.

— Thưa bà, chắc là con mèo đuổi chuột, nhảy làm rớt cái chén...

Con mèo uốn cong mình, nhẹ-nhàng phóng xuống sân gạch, bước đứng-dính đến bên chun cô Minh-Tú, cọ sát vào ống quần của cô và khẽ kêu: « ngoau... ».

Minh-Tú hơi mắc-cở. Nhưng

cô cũng mắng Anh :

— Mày ngủ gì mà như chết vậy ? Cái chén rớt, mày không nghe ?

Cô giả vờ đi xuống bếp, coi ngó xem có kẻ trộm không, rồi mở toang cửa buồng của Anh để ngó vào. Cô không thấy bóng-dáng của anh Hai cô. Cô quay lưng ra, hỏi Anh :

— Cái chén gì rớt đó ?

— Thưa bà, lúc nãy con như cầu và nóng lạnh, con đã gùnh trong cái chén mẻ để con thoa. Xong rồi, con để chén trên bàn này, định sáng con rửa. Chắc là con mèo nhảy làm rớt đó.

Minh-Tú còn mắng Anh :

— Mày cứ đập bễ hết chén đĩa của tao đi ! Rồi không còn một cái để ăn cơm nữa đó.

— Thưa, chén mẻ đã bỏ, không dùng nữa, chứ không phải chén lành.

Minh-Tú làm thình, Ngó kỹ trong buồng Anh, trong bếp, trong sân, không thấy gì lạ. Cô quay ra, ngó khắp nhà giữa, phòng khách, cũng không có gì đáng nghi. Cô ra xem cửa, thì cửa vẫn khóa chặt. Cô nói lầm bầm một mình :

— Lạ nhỉ ! Anh Hai đi chơi đâu mà đêm nay không về nhà ngủ ?

Xong, cô lên lầu và bảo Anh tắt đèn. 8 giờ sáng hôm sau, ông Ngọc-Minh lái xe traction về, thay áo quần để đi làm. Ông lặng lẽ, vui-vẻ và hiền-lành như mọi khi,

Minh-Tú chưa dậy. Tại đêm qua cô thức khuya để rình gần ba giờ cô mới nhắm mắt, nên sáng nay 8 giờ cô còn ngủ.

Một tháng sau, Anh lãnh tiền lương 500 đồng rồi nghỉ việc. Anh đã báo trước một tháng cho Minh-Tú biết rồi. Nhưng Minh-Tú không ngờ. Cô tưởng Anh nói lấy, không để Anh thôi thật.

Minh-Tú bảo Anh ở lại, vì dù sao Minh-Tú cũng nhận thấy Anh làm việc giỏi-dẫn, siêng-năng, và tính nết thật hiền-lành. Tuy cô giận và ghét Anh về vụ anh cô cứ hay bình Anh và cô nghi là ông có tình tự lén lút với Anh, nhưng cô vẫn sợ rằng cô sẽ khó tìm được một đứa-ở tận-tụy được như con nhỏ này. Nhờ nó trước kia là nữ sinh, nên tính nết và tư cách có hơn những đứa ở thất-học. Cô cố dụ dỗ Anh ở lại, nhưng Anh nhất quyết ra đi.

Tám giờ tối cơm nước xong, ông Ngọc-Minh đã đi chơi.

9 giờ, Anh dọn dẹp bếp núc

đầu vào đấy, rồi ôm một gói quần áo cũ và các đồ dùng vật vãnh của Anh, tay xách chiếc nó lá, ra đi chun không. Anh buồn-bã chào từ giã bà Năm, ông Năm, và hun trên má hai đứa nhỏ đang ngồi chơi ở phòng khách.

Bé Ái ngó Anh, hỏi :

— Chị Anh đi đâu đó, chị Anh ?

Anh rung-rung hai hàng châu lệ...



Anh ra đi, thật ông Ngọc-Minh cũng không ngờ. Mặc-dầu Anh đã cho ông biết ý - định ấy từ lâu, ông vẫn tưởng Anh chưa cần phải đi vội, Chính ông đã cho Anh biết ông sẽ dọn nhà ở riêng, thì bây giờ Anh có thể ở lại, chắc sẽ không phiền hà gì cho Anh nữa. Và lại suốt tuần lễ vừa qua, trong gia-đình được êm-ấm, không có chuyện gì xảy ra, và cũng không nghe Minh-Tú nói gì về việc Anh xin thôi.

12 giờ khuya đi coi chớp bóng về, — ông thích đi chơi một mình, không muốn rủ ai — ông bấm chuông gọi cửa, ngạc nhiên thấy một đứa ở khác ra mở. Cũng lại là một đứa ở gái ! Con nhỏ nào đây mới lạ, có lẽ đã được Minh-Tú dặn trước rồi, nên lễ phép cúi đầu chào lúc ông Giáo bước vào :

« Thưa ông ! » Nó cũng chạc 19 20 tuổi. Ông Giáo ngạc nhiên, nhưng không hỏi han gì cả, đi thẳng lên lầu. Sự thay đổi bất ngờ xảy ra tối nay trong lúc ông đi coi xi-nê, khiến ông buồn rầu, hoang mang. Té ra Anh đã đi thật ư ? Sao Anh không đợi sáng ngày mai có mặt ông ở nhà, để từ giã ông ? Hay là lúc nãy anh có bị Minh-Tú chửi mắng sao đó chăng ? Anh đi đâu ? Anh sẽ ở đâu ? Anh sẽ làm gì ? Đòi Anh sẽ ra sao ? Ông Ngọc Minh cứ tự hỏi lần vắn mấy câu thắc-mắc ấy, và tự trách mình sao mấy hôm nay không hỏi Anh, lại thêm trách Anh sao không nói gì cho ông biết trước rõ ràng.

Minh - Tú cũng tuyệt nhiên không nói gì cho ông biết.

Sáng dậy, lúc ăn điểm-tâm và uống cà-phê có đông đủ cả nhà, Ngọc-Minh hỏi cô em gái :

— Anh xin thôi rồi hả, em ?

— Dạ.

Minh-Tú chỉ trả lời thon-lôn có bấy nhiêu. Ngọc Minh cũng không hỏi gì hơn nữa.

Chúa nhật tuần ấy, ông dọn đi ở riêng. Trước đó mấy hôm, ông đã bảo với vợ chồng Minh-Tú về ý-dịnh của ông, và có cho biết ông đã sang một căn nhà mát mẻ, xinh xắn, có đủ tiện nghi ở

một khu phố yên tĩnh ngoài châu thành Sài-gòn, có sân và vườn khá rộng, có cả ga-ra để xe. Ông bảo Minh-Tú :

— Anh để chiếc xe hơi của anh cho em và dựng Năm dùng.

— Còn anh Hai ?

— Anh mua chiếc xe khác. Cũng một chiếc traction cũ của một người quen bán lại. Tất cả đồ đạc trong nhà, anh để lại hết cho vợ chồng em. Anh chỉ đem đi vài ba món cần thiết thôi.

— Nhưng tại sao anh Hai cứ nhứt định dọn đi ở riêng ? Nhà này là nhà của anh, sao anh không ở ? Vợ chồng em có điều gì khiến anh bất-mãn chẳng ? Các cháu làm ồn - ào hay phá phách chẳng ? Hay anh Hai giận em về chuyện chi ?

— Không. Tại tính anh thích ở riêng biệt một mình, em cũng biết.

— Em biết tính anh. Nhưng anh cứ ở đây có được không ? Để chúng em dọn đi vậy.

— Anh muốn một nơi mát mẻ và yên tĩnh hơn.

Mặc dù vợ chồng Minh-Tú năn nỉ hết lời, Ngọc Minh cũng nhất định dọn đi, và sáng hôm chủ-nhật ấy vợ chồng Minh-Tú và hai đứa con cùng đi với ông Ngọc-Minh

đến nhà mới của ông, ở tận bên Thị-Nghè.

Tại đây, ông Giáo - sư Văn-chương và Triết học tự sắp đặt một cuộc đời giản-dị hợp theo sở thích của ông. Ngày hai buổi ông đi dạy học, và ăn cơm tiệm tại một nhà hàng lớn ở Đakao. Ông nuôi một đứa con trai chạc 14 tuổi con nhà nghèo, bà-con xa gọi ông bằng anh, Thăng bé coi bộ rất hiền lành, sạch-sẽ, lễ-phép, do ông xuống tận quê nó ở Bến - tre đem về nuôi để giữ nhà cho ông. Mỗi tháng ông cho nó 800 đồng, tự nó nấu cơm lấy ăn một mình và tiêu xài gì tùy thích. Ông may sắm áo quần cho nó. Công việc của nó là giữ nhà, quét dọn, làm các việc lật-vật, nhẹ nhàng, tưới nước cho mấy bồn hoa trước sân và trong vườn với một ống cao su. Thịnh - thoàng ông sai đi chỗ này chỗ nọ.

Ông nuôi chim bồ câu, một bầy gà năm sáu con, một cặp ngỗng và một con chó Nhật rất dễ thương.

Mỗi tuần lễ, ông để dành một buổi chiều thứ Năm tiếp các bạn hữu. Ngoài ra, ông thích sống yên tĩnh một mình. Ông xem sách, và ông viết.

Nhưng ông không quên Ánh. Thật thế, ông đã yêu, yêu rất nhiều, cô nữ sinh nghèo khổ kia vì hoàn cảnh gia-đình mà phải đi ở mướn, làm thuê. Ông yêu rất nhiều cô thiếu-nữ thùy-mị diễm-kieu của « giai cấp » lao - động, thông minh không kém một thiếu-nữ nào khác, dịu - hiền và đứng-dẫn hơn nhiều cô gái trưởng-già, thượng lưu mà ông đã quen biết. Ông yêu rất nhiều cô gái « hèn-hạ » nhưng tính tình trong sạch, thanh cao, đã không may sinh-trưởng trong một gia-đình nghèo khó, đem chút duyên trình bở-ngờ đi làm tôi tớ cho người, chịu số-kiếp đầy đọa, ôm thân phận hăm-hiu, bị mọi người khinh rẻ.

Ông muốn gặp Ánh. Ông muốn Ánh về chung sống với ông, để ông đem hết cả mối tình tha thiết an-ủi tâm hồn đau khổ ấy.

Ông quan niệm rằng trong số trăm nghìn cô thiếu nữ mà ông đã gặp và quen biết, ông nên lựa chọn một người nào vừa đẹp, vừa dịu hiền, vừa đã đau khổ nhiều, để làm bạn trăm năm với ông. Vì ông cho rằng chỉ có người nào đã đau khổ mới biết đánh giá được tình yêu và cuộc đời đúng theo giá trị của nó. Chỉ có người nào đau khổ, nhất là người bị

hắt hủi khinh khi, mới có lòng thương sâu rộng đối với người và vạn vật. Chỉ có hạng người ấy mới hiểu đời với tấm lòng *nhơn đạo chân chính* và lòng *bác-ái vô biên*, với những đức tính quý báu nhất của một tâm hồn cao thượng.

Ông Ngọc-Minh thuộc về hạng đàn ông coi thường những lòe-loẹt bề ngoài. Có lẽ vì ông đã giao-thiếp rộng-rãi, thường tiếp-xúc với đủ các hạng người, và đã nhận xét chân giá-trị đáng khinh hay đáng trọng của mỗi từng lớp, và mỗi cá-nhân.

Cho nên so-sánh một thiếu-nữ nghèo nàn như Ánh với một tiểu-thư khuê-các, như Thanh-Kiều, con gái ông Bộ-Trường, ông nhận thấy đứng về cấp-bậc giá-tạo của thành-kiến sai-lầm thì có phân-biệt người sang kẻ hèn, nhưng đứng về phương-diện chân giá-trị của cá-nhân thì Ánh cao-thượng hơn Thanh-kiều nhiều lắm.

Bỏ lớp vỏ lòe-loẹt sơn quét bề ngoài, chỉ nhìn vào bầm-chất tinh-thần và tâm-trạng của người thiếu-nữ, thì Ánh đáng quý hơn Thanh-Kiều, và đáng yêu hơn.

Không phải ông Giáo-sư Ngọc-Minh có thành-kiến không tốt đối với các thiếu-nữ quý-phái đâu, vì chính ông cũng là người của

giai-cấp quý-phái. Ông là con một vị cựu Đốc-Phủ-Sứ có uy-danh lừng-lẫy ở Lục-tỉnh, có ruộng đất, nhà cửa, xe hơi. Chính ông lại là một bậc Trí-thức thượng-lưu ở Sài-gòn, đã sống nhiều trong giới trường-giã xa-hoa hơn là các giới cần-lao hạ-cấp.

Nhưng có lẽ vì ông đã có sẵn một tâm-hồn thanh-cao, lại được hấp-thụ nhiều các tư-tưởng hiện triết nhân-đạo của đông tây kim cổ, đã mục-kích bao nhiêu trò giả-dối bất-công của xã-hội, nên chỉ ông Giáo-sư Văn-chương của chúng ta đã tìm thấy được lý-tưởng tốt đẹp của nhân-sinh mà ông muốn áp-dụng trong đời sống của ông.

Trong khi ông đang tìm một thiếu-nữ hợp với lý-tưởng hạnh-phúc và quan-niệm ái-tình của ông, ông đã gặp cô Thanh-Kiều, con gái ông Bộ-trưởng, lõe-loẹt xa-hoa nhưng tính nết không đẹp, rồi ông lại gặp cô Ánh, một nữ-sinh nghèo đi làm thuê ở mướn, son gái một gia-đình lao-động, tự-nhiên ông so sánh hai người...

Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi thấy ông Giáo-sư Trần-Ngọc-Minh thương-xót cô

Ánh rồi dần-dần yêu cô, không quản-ngại đến địa-vị hèn-hạ thấp kém của người thiếu-nữ ấy.

Dọn về căn nhà riêng biệt này, và tự do thông-thả sống theo lý-tưởng của ông, ông giáo Ngọc-Minh muốn có Ánh ở bên cạnh ông. Ông muốn dắt-dẫn Ánh lên một địa-vị xã-hội xứng đáng hơn đối với tư-cách của cô. Ông muốn huấn-luyện Ánh lên một trình-độ văn-hóa thích-hợp hơn với phẩm-giá của cô. Ông muốn thử một cuộc thí-nghiệm luân-lý và xã-hội, thực-hiện lý-tưởng nhân-đạo công-bằng của ông, đề-nêu một gương sáng cho thế-hệ thanh-niên hiện-dại, và đánh-đề thành-kiến giai-cấp, nguồn gốc của bao nhiêu bất-công và bao nhiêu tranh-đấu nguy-hại hơn nữa.

Ông thành-thực yêu Ánh, là tiêu-biểu người đàn bà lý-tưởng của ông. Ông cương-quyết khinh thường mọi trở lực của xã-hội, mọi phản-đối của gia-đình, nhất là của em gái ông.

Nhưng ông rất tiếc Ánh không hiểu cho như thế. Ánh vẫn có mặc-cảm về giai-cấp thấp hèn.

(Còn nữa)

Anh Ba Trợn

(Khởi từ số này, mỗi kỳ Phở-Thông sẽ hiển bạn đọc vài chuyện vui về anh Ba Trợn)

* ĐĂNG NHÂM





★ **Câu dao về Tô-Đình**

(*Của ông Nguyễn-X-Trình, 63/15 Trần-văn-Thạch, Saigon*)

Trong bài «Hai Bà Trưng» (Phổ-Thông số 53) tác-giả cho rằng trong thời Tô-Đình cai trị, có nạn lụt lội, căn cứ vào câu ca dao :

«Trời mưa nước chảy sông Đoài,

Cỏ lên đê lúa, cá trôi linh-đình»

Theo thiên-ý, câu ấy là chiết-tự của chữ *Tô* = trên chằm thảo là cỏ, dưới chữ «hòa» là lúa và chữ «ngư» là cá.

Có lẽ để ngụ ý Hai Bà sẽ nổi giậy đánh quân Tô-Đình thua an tành, xác ngập đầy đồng như cá chết trôi:

★ **«Đi, là chết trong lòng một ít»**

(*Của Bà Lê-Thanh, Nguyễn-Huệ, Saigon*)

.. Có thể như thế thật ư, thưa ông ? Gần 20 năm nay tôi đã thuộc lòng câu thơ «*Yêu là chết trong lòng một ít*» của một thi-sĩ lừng danh thời tiền chiến mà tôi vẫn «phục sát đất». Câu thơ hay làm sao ! Thật là đầy ý nghĩa thâm trầm, tế nhị. Tôi cứ đinh ninh rằng nhà Thơ ấy đã có tư-tưởng thâm thúy, cao-siêu lắm, mới thốt ra được một lời thơ đẹp và cảm động như thế chứ. Ngò đâu hôm nay đọc *Phổ-Thông*, trong bài *Nha-Trang du-ký* của ông, tôi thấy câu : «*Partir, c'est mourir un peu !*» — *Đi, là chết trong lòng một ít*, chính là của Roland Dorgelès, một nhà văn Pháp. Thì ra, nhà Thơ nọ đã «Cóp» lại câu văn của người ta, rồi đổi một chữ, để làm thành câu thơ của mình. Như thế rõ ràng câu thơ «*yêu là chết trong lòng một ít*» là nhại theo câu «*Đi, là chết trong lòng một ít*» chứ còn gì nữa !

Ngộ nhỡ người ngoại-quốc dịch ra câu thơ Việt : «*Aimer, c'est mourir un peu*», thì còn gì là lương tâm văn-ngệ của Thi-sĩ Việt-nam ?

.

Có một dạo nào, tôi nhớ cũng trong báo *Phổ-Thông*, ông đã cho biết là một bài thơ khác, của một Thi-sĩ khác, ông Lưu-trọng-Lưu, nhan đề là «*Tiếng Thu*», là dịch nguyên văn một bài thơ cũng nhan đề là *Tiếng Thu* của một Nữ-sĩ Nhật ! (Rất tiếc tôi không nhớ tên Nữ-sĩ Nhật). Thế thì buồn quá, phải không thưa ông ?..

● *Lời tòa soạn* : Thi-sĩ Nhật, (không phải Nữ-sĩ) tác-giả bài thơ *Tanka* «*Thu*» mà bà nói đó, tên là SARUMARU, Thế kỷ thứ VIII.

★ **Mồ Hôi Nước Mắt**

(*Của Bích-Xuân, Bích-Thảo, Lệ-Hàng, Cẩm-Nhung, Trường Trung-học Trưng-Vương Saigon, Thanh-Thủy, Gia-long.*)

... Chị ơi chị, làm sao «chị» cũng khe bả với «anh» cho đành thêm truyện dài *Mồ-Hôi Nước Mắt*... dài... dài hơn nữa nhé. Mỗi kỳ nếu được 10 trang thì chúng em khoái lắm. Chắc đa số «*Bạn đọc*» cũng mong thế, vì truyện hay quá, (hay lắm cơ, chị ạ !)... Chị chịu chúng em một tý, một tý đó thôi, «*chị Diệu-Huyền*» nhé !

★ **Vì ngọn gió vô tình, bị cấm thi 2 năm ?**

(*Của cô Thanh-Chi, Nữ sinh Quảng Ngãi*)

... Năm 1959, vào khoảng tháng 9 em thi vào cán-sự y tế ở Huế. Giám-thị bảo ai có sách vở đem theo thì đem ra ngoài. Em có đem một quyển Vạn-vật mà em đã gói trong cái áo mưa để dưới ngăn ghế sát nền xi-măng rồi. Em tự nghĩ rằng mình để dưới đó cũng được, ăn thua gì nữa mà phải đem ra đem vô ? Nhưng chị ơi, lúc em đang làm bài, bỗng dưng ngọn gió tạt mạnh vào làm tung cái áo mưa — vì ngồi trên gác và sát cửa — để-lộ quyển sách ra. Ông giám thị thấy vậy, nói em đem sách vào và lập tức ông lấy quyển sách. Chị ơi ! lúc gió tung em chẳng biết gì cả, cứ cầm cụi viết bài và quyển sách vẫn nằm dưới đất chứ không phải trên bàn em. Nghe ông giám thị nói vậy, em mới nhìn xuống và sự việc đã xảy ra như thế.

Toàn thể thí-sinh cùng phòng em, cả nam lẫn nữ đều công-nhận sự kiện như vậy, và đồng thanh xin thầy tha cho em. Bấy giờ thân hình em run cả lên, em không nói được thêm nữa. Em bị đuổi ra khỏi phòng ! Em đứng ngoài hiên mặt buồn xo. Thầy liền bảo : Thôi cô về đi, còn quyển sách này tôi lấy. Em vừa nhìn thấy định nói. Nhưng thầy : «*Không xin gì cả*» với một giọng nặng nề. Phần

trên, phần tức và tự ái, em nhìn vào phòng lần cuối rồi thưa thầy, ra về.

Em tưởng câu chuyện như thế là xong, nghĩa là kỳ thi Cán-sự Y-tế coi như mình không thi. Em về vẫn cứ đi học, đến năm ngoái (1960) em thi phần nhất, sau khi nộp đơn có một tháng hơn, em được tin là không thi được. Không biết tại sao, em liền đến văn-phòng hỏi, mới hay có sự về việc thi cử trên.

Ôi! chị ơi, đau đớn biết bao! tức bực biết bao? Từ đó đến nay, em không học hành gì cả. Em trở thành một đứa con hư — hư trong sự lười biếng. Cha, mẹ, bạn bè, hỏi thì em chỉ bốp bụng trả lời. « Bữa nay tôi ngu quá, học không vào nữa chỉ bằng nghĩ còn hơn ». Vì chị ơi! Cái giấy họ cấm thi hai năm, bất cứ thi vào ngành gì!! Oan ức cho em xiết bao.

Nếu biết trước chuyện như thế, em có tâm trí đâu nữa mà học suốt một năm đệ II!

Năm nay em muốn thi vào sư-phạm hoặc các ngành khác, mà em không biết cái « hạn » của em đã hết chưa?

Vậy em nhờ chị, chị biết thế nào trả lời hộ em với (chị cho đăng lên báo Phổ-thông) Đã hết hạn chưa, hoặc là muốn hỏi thì hỏi ở đâu?

Một lần nữa em mong chị, chị cố gắng trả lời cho em với... Kẻo tội nghiệp cho em lắm, chị ạ.

● *Lời Tòa-Soạn* : Nhân gặp mùa thi, chúng tôi xin thiết-tha cầu-khẩn các vị Giám-Khảo trong nước nên rộng-lượng tha-thứ cho các Thí-sinh bị oan-ức như trong trường-hợp trên đây. Ảnh-hưởng của một hình phạt quá nghiêm-khắc có thể làm hại cho... tương-lai của những bạn-trẻ vô - tội không có chủ - ý phạm đến kỷ - luật của trường thi.

Xin các ngài thông-cảm cho thiện-ý của các thí - sinh và nỗi thất-vọng đau đớn của các em bị cấm thi một cách quá gắt gao, và nhiều khi bị oan-ức.

Riêng trong trường-hợp em Thanh-Chi, chúng tôi cầu mong Ty Học-chánh Quảng-ngãi khoan-hồng cho phép em được nộp đơn ứng thi trong mùa Thi này. Thành thật cảm ơn các Ngài nhiều lắm.

DIỆU . HUYỀN

XIN BẠN ĐỌC LƯU Ý

2 Mục Mới

của PHỒ-THÔNG

CÁC bạn vừa đọc trong *Phổ-Thông* hai mục mới đã bắt đầu đăng từ số này :

- **TUẤN, chàng trai nước Việt, (1910-1960),**
- **Một giấc mơ hoa,**

Xin nói về ý-nghĩa của hai mục.

★ **Tuấn, chàng trai nước Việt,** là một chứng-dẫn về những giai-đoạn tiến-triển của Thanh-niên Việt-Nam từ năm 1910 đến năm 1960.

Đây là NHỮNG TÀI-LIỆU XÃ-HỘI VÀ LỊCH-SỬ căn-cứ trên những SỰ-KIỆN XÁC-THẬT, yếu-tố của CUỘC TIẾN-HÓA mau-chóng và sâu rộng về TINH-THẦN và VẬT-CHẤT của Thanh-niên Việt-Nam từ 20 năm sau khi người Pháp đến đô-hộ nước ta cho đến 6 năm sau Hiệp-định Genève. Hay là nói : từ đầu đến giữa Thế-kỷ XX. Trong khoảng nửa Thế-kỷ vừa qua, các thể-hệ Thanh-niên kế tiếp của Việt-nam đã sống khác nhau như thế nào, đã chịu các ảnh-hưởng xã-hội và Lịch-sử như thế nào, đã biến-hóa như thế nào, đã suy-tưởng và hành động như thế nào, và đã tham-gia vào đời

sống chung của Dân-tộc như thế nào. Tác-giả ghi chép những sự kiện xã-hội riêng về Thanh-niên, với tất cả những điều mắt thấy, tai nghe, xác-thực và liên tục, vì chính tác-giả là một thanh-niên đã được chứng-kiến, đã được sống trong thời-gian sôi-nổi, rất quan-trọng ấy của Lịch-sử Việt-nam.

Vì vậy, xin các Bạn đọc lưu-ý rằng tuy viết dưới hình-thức tiểu-thuyết để cho hấp-dẫn, dễ được nhẹ-nhàng, vui-vẻ, khỏi bị khô-khan, nhưng đây không phải là một bộ tiểu-thuyết, do hoàn-toàn trí-óc tưởng-tượng và viết ra. Những nhân-vật điển-hình như *Tuấn*, *Thanh*, *cô Hột*, v.v.. (và sẽ lần lượt xuất-hiện ra nhiều nhân-vật khác nữa, toàn là Bạn trẻ) đều là những tên tượng-trưng cho các thế-hệ Thanh niên kế tiếp từ 1910 đến 1960.

Các bạn sẽ theo dõi và tự so-sánh, đời sống tinh-thần và vật-chất của Nam Nữ Thanh-niên tiến-triển qua các giai-đoạn quan-trọng: **1910, 1914-18, 1920, 1925, 1930, 1932, 1939-40, 1945-54, 1955-60.**

Đề các Bạn thấu-triệt chân-ý của người viết tác phẩm mới này, chúng tôi xin nhắc lại: *tuy viết như tiểu-thuyết, nhưng không phải là tiểu-thuyết.*

Đây là một thiên *Lịch-sử ký-sự của Thanh-niên Việt-Nam* từ đầu đến giữa Thế-kỷ XX.

★ **Một Giấc Mơ Hoa**, là nhật-ký về tình cảm và tâm-lý ghi chép tỉ-mỉ tâm-trạng của một thiếu-nữ Việt-nam hiện-đại, từ tuổi dậy thì đến khi thành-hôn với một chàng trai. Bạn sẽ theo dõi với thiện-cảm tất cả những hồi-hợp... rung-động... mơ-tưởng... sầu-tư... băng-khuâng... say-mê... xao-xuyến... của cô Duyên-Hồng, từ sáng mồng một Tết năm cô 16 tuổi đến đêm giao-thừa năm cô 21 tuổi, trước đêm tân-hôn...

● Hai mục mới: **TUẤN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT**, và **MỘT GIẤC MƠ HOA**, sẽ được đăng thường xuyên trong *Phê-Thomas*, bắt đầu từ số này.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

✿ **DIỆU-HUYỀN**

★ **Cô Phương Quế, Võ-Tánh Saigon**

● Ở Sài-gòn không có nhà xuất bản nào chuyên xuất bản riêng các thi phẩm của những Thi-sĩ nghèo.

● Muốn gửi kiểm-duyet các bản thảo thì phải:

1º) Viết một lá đơn, đề gửi ông Chủ-tịch Hội-đồng kiểm-duyet, Nha Tổng giám đốc Thông tin, 170 đường Phan Đình-Phùng Sài-gon.

2º) Kèm theo 3 bản thảo đánh máy.

3º) Khi gửi kèm theo tem để trả lời. Ở Sài-gòn tác-giả nên thân hành đem đơn và bản thảo đến nộp Hội đồng, để lấy biên lai về, kiểm-duyet xong, đem biên lai đến nhận giấy phép xuất bản và bản thảo được trả lại.

4º) Ở xa nên gửi bảo-đảm.

Muốn tự xuất bản lấy phải tốn tiền in tùy theo sách dày hay mỏng, giấy tốt hay xấu, in nhiều hay ít. Về vấn đề này nên hỏi các nhà in.

★ **Cô Ngọc-Dung, Phú Nhuận**

Thành thật cảm ơn thư cô. Theo thiên-ý của tôi thì câu *tam sao thất bản* do danh từ *Sao bản* mà ra (抄本 = bản sao lại bằng tay). *Tam sao thất bản*. (三抄七本) ba bảy bản sao lại khác nhau. Nhưng nói như cô: 三抄失本 cũng có lý.

★ **Ô Hoàng nguyên Hải, Phước Thành**

Ông có thể trích dịch một vài đoạn như thế, (Citations) không bị tội lỗi gì cả.

★ **Ô Hà văn Quân K.B.C. 4895**

* Những ngọn-lửa xanh từ dưới các năm mờ nổi lên, đi lò-đò trên mặt đất, giữa cánh đồng ban đêm trời tối » là chất lân - tinh, Phosphore (chất sáng như ông trông thấy) phát xuất ra từ một vài vật ẩm ướt, hoặc vài chất muối trong kim-khí, trong đất v.v... mà ban ngày đã bị ánh nắng mặt trời gay - gắt un đốt, ban đêm phát ra ngọn lửa xanh di chuyển vì có gió.

★ **Ô Đặng viên Bình Khê Bình Định**

● Có Văn Liên, Lê văn Duyệt Phan-Thiết

Ô. Ô. LÊ-VĂN-BÍNH Cần-thơ, ĐẶNG-THU, Sài-gòn, TRẦN - VINH - PHÚC PhônPenh, LÃ NGỌC SỬ Vientiane, Cô THANH NGA, Dalat; ô. Huỳnh-quan-Đạt, Box 16 Cần-Thơ, Cô Ngọc Lanh Huế

Phò-Thông, tại tòa báo chỉ còn từ số 20 đến bây giờ, và còn ít thôi các bạn có thể gửi mua bằng tem, hoặc bưu phiếu.

★ **Ô Lâm Lễ, Quế Sơn, Quảng Nam**

● Chữ « Mãng phú » là theo tiếng Pháp « Je m'en fous... » (nói tục : tôi đếch cần).

● Hà Ba-Đà ở Bắc Việt.

★ **Một bạn đọc ở Huế**

● Theo ông Giáo-sư Bửu-kế, thì người Cung-phi của vua Gia-Long, và con út của vua Lê-Hiến-Tông, là công chúa LÊ-THỊ-BÌNH, em của công-chúa Ngọc-Hân chứ không phải chính Ngọc-Hân, quà-phụ trung-thành của Quang - Trung Hoàng-đế. Tôi cho rằng thuyết của ông Bửu Kế là hoàn-toàn đúng.

● Chúng tôi không được biết rõ về nhà văn Ngô-tất-Tổ.

● Bài thơ đang xem.

★ **Bạn Tổng - thành; - Đương, 28/15 Hưng - Đạo - Vương, Vĩnh-Long.**

● Đây, nghĩa mấy chữ « lóng » bạn hỏi :

* Est - il LOFFE (ngây-thơ, ngờ-ngần) ce môme là ; C'est

moi qui engage, tu es de notre troupe ; Je t'apprendrai à grincer (ăn trộm, ăn cắp) *

(Romain Klabris, của Hector Malot)

● **Se disloquer** = *Phân-tán, giắt-tán.*

★ **Bạn Sơn-Hùng, Làng Sông, Qui-Nhơn.**

Thành-thật cảm ơn thư bạn, và bài thơ đề sau ảnh của bạn gửi cho. Ảnh đẹp lắm, thơ có vài câu sai niêm-luật nhưng ý-nghĩa hay, dồi-dào tình cảm chân thật. Rất tiếc không có ảnh gửi biểu bạn. Nhờ bạn chuyển lời thân - mến chào tất cả các bạn đọc P. T. ở Làng Sông.

★ **Ông Phan-Bình, Long-Khánh, Cẩm-Mỹ**

Ông nên cho cháu học chương-trình Pháp (từ lớp 6 sẽ có dạy Anh-ngữ), rất có lợi ngay sau về các phương diện Văn-hóa, chức-nghiệp thương-mại, kỹ-nghệ, nhất là khi lên Đại-học

★ **Em Lê-Bửu. Tấn, 6/1 Cường-đề Qui-Nhơn**

● Tại Saigon có nhiều Bác-sĩ chuyên môn về Tai, Mắt, Mũi.

● Chữ P phải đọc là P, theo Pháp-ngữ. Ph mới đọc là « phê »

★ **Cô Trần thị Bạch-Vân, Huế**

● Dấu § là chỉ một tiết mục của một chương

Một chương-sách, hoặc một bài diễn-văn dài, thường chia ra nhiều tiết mục, §, (paragraphe)

● « Con Nước » hoặc « Sóng Thần » là do những làn sóng ngầm (làn sóng nổi dậy đột-ngột mà không có gió thổi mạnh, và người ta không xác-định được lý-do) bỗng dựng cuồn-cuộn lên rất cao, ào-ạt vào bờ biển, lôi cuốn bờ đê, có khi cả một thành-phố. (Raz de Marée), thường xảy ra ở bờ biển Nhật, Chili, Bengale, Hollande... Bretagne...

● « Vòi Rồng », (Trombe), một khí tượng kinh - khủng, do những khối không-khí dồn ép lại nổi lên trận cuồng-phong xoáy tròn rất mãnh-liệt, rồi kết thành một cây trụ xoắn lòng-thòng dưới gốc một đám mây đen đặc, giống như một cái vòi bụi. Vòi cuồng-phong hắc-khí ấy hít mạnh lên không gian những vùng đất bụi, hoặc những ngọn nước biển bỗng dựng nổi sóng ầm-ầm. « Vòi Rồng » thường xảy ra về mùa nóng bức, nhưng các mùa khác cũng có, và chỗ nào cũng có.

★ **Ô. Ng-v.Năng, 124/14, Bùi.thị.Xuân, Saigon.**

Nước Việt-nam từ xưa đến nay không có « Bàng-Kỳ » (Airmoires) như các Nước Âu-Mỹ.

★ **Một bợn đọc ở Tháp Chàm.**

Ông có quyền hưởng đủ phụ-cấp của vợ cho đến khi Tòa cấp « án-lệnh thất tung ».

★ **Ô. Ng. Tấn-Anh, chi Y.tế Phong-phú, Phong-Dinh.**

● Vấn đề « Trời » và « Trái Đất » mênh-mông lắm, không thể nào trình bày được trong phạm-vi chật-hẹp của mục này.

● « Đạo Khất-sĩ », nguyên-do ở Đạo Phật mà ra, do một nhóm nhà Sư chủ-trương ở miền Nam, theo như bên Cambodge. Chẳng có ảnh-hưởng gì đến chính-trị cả.

● Những bài đăng được đều có tiền nhuận bút.

● Ở Mỹ-Tho không có Thần-Đồng nào cả, hay là có mà chúng tôi không được biết. Người bạn còn trẻ tuổi ở Mỹ-Tho trước kia thỉnh-thoảng có viết bài trong Phê-Thông, không phải là một « Thần Đồng ».

★ **Ô. Văn-Sơn, Bình Dương**

● Quốc-trái, là tiền cho Nhà Nước vay (trái, chữ Hán, nghĩa là nợ, tiền vay mượn). Tiền lời quốc-trái tùy theo mỗi quốc-gia.

● « Có gạo trắng, có Ké vàng, ở đây no-ấm, về-vang một đời »

Ké là hạt kê, màu vàng, hạt tròn và nhỏ, khác hơn hạt mè (đẹp).

● Cây Sầu-Đâu (có người gọi là Sầu-Đông, nhưng không đúng), là một loại cây cao mảnh khảnh lá thưa và nhỏ có trái tròn dính từng chùm. Lá nó nấu uống có thể trừ bệnh sốt rét. Rất nhiều ở miền Trung.

Hoa Trường-Vi, chính là hoa Hồng (Trường-vi là tên chữ Hán.)

★ **Ô. Nguyễn-Hải-Âu, 10/5 Cô-Bắc, Nha-Trang**

★ Mặt Trăng xoay chung quanh quả Đất vừa tự nó xoay quanh trục của nó. Nhưng ở quả Đất ta chỉ nhìn thấy có một nửa mặt Trăng vì đối với quả Đất nó xoay theo chiều dọc, chứ không phải chiều ngang. Một nửa bên kia, Hòa-Tiền Nga, Lunik III đã chụp hình được, hồi 15 giờ 16 phút ngày 6-10-1959.

★ Các nhân Thiên-văn theo dõi các Tinh-tú với kính viễn-vọng, cả ban đêm lẫn ban ngày.

★ Vô-nguyên-Giáp không có học trường Vô-bị nào ở bên Pháp cả. Cũng không có học trường Quân-sự Hoàng-Phổ bên Tàu.

● Trống De Lattre de Tassigny đã chết vì bệnh bên Pháp, chứ không phải tử-nạn vì máy bay trên chiến-trường Việt Bắc. Con trai của ông, Trung-Úy, chết tại trận-tuyến Ninh-Bình.

● Các xe của nhân-viên các tòa Đại-sứ ở Việt-Nam thường có đề hai chữ « C. D. » trên bảng số, 2 chữ C. D. ấy là Pháp-ngữ Corps Diplomatique, (Ngoại-giao-đoàn) viết tắt

★ **Bạn Trần-phú-Long, Huế.**

✓ Bạn gửi về tòa báo 25\$ đồng bằng tem bưu - điện và cho biết địa-chỉ thật rõ-ràng để chúng tôi gửi số Xuân ấy đến bạn.

★ **Cô Hồng-Hoa, Mĩ-Cày.**

● Chừ là tiếng Huế và tiếng Quảng-Nam, có nghĩa là *bây giờ*.
Mô ? = đâu ? Té = kia, Ni = đây, này. Nó = đó. Rúa = vậy.
Răng ? = Sao ?

Mi đi mô rúa ? = Mày đi đâu vậy ? O nói răng ? Cô nói sao ?

Hần đến răng chừ ? = Nó đến bao giờ ? Hồi nào ?

Các yêng ở mô ? = các anh ở đâu ? Tôi ở bên tê, hẳn ở bên ni, thẳng nó ở bên nó, mẹ tê ở côi. (ở trên).

● Xem ảnh trên báo, sách, người ta đề : « xem từ trái sang phải », nghĩa là bên trái của người xem. Còn khi nào nói bên trái của người trong ảnh, tức là bên phải của người xem.

● Dán tem trên bao thư, không theo luật xã giao nào cả. Dán bên nào cũng được. Dĩ-nhiên, dán xẹo-xọ, tùm lum, loạn-xị, là tỏ ra người không đượ dẫn. — Cảm ơn mấy lời thân ái trong thư cô.

★ **Ông Trần Văn Danh, Tổng Thư Ký Hội Phật học Bạc-Liêu**

Xin đa tạ quý thư. Rất thâm-cảm về những lời vàng ngọc. Bài thơ vận mẫu và 16 bài thơ họa, của toàn thể quý vị đều văn hay, ý-đẹp. Kính chúc Bồ-đề tâm kiên-cố.

★ **Bạn Phạm Tấn Dực-Kiến-Hòa**

● Hòn Đá Đen dựng trong Nhà Thờ Hồi - Giáo ở Thủ - đô La Mecque, là một di tích thiêng-liêng của Đạo Mahomet. Theo tín ngưỡng của người Hồi-Giáo, Hòn Đá Đen do Thiên Thần Gabriel đem đến, giống như khối đá hòa-diệm-sơn, màu đen, có một vòng

tròn bằng bạc bao chung-quanh, và tô dính vào một góc điện Caaba ở ngang giữa Mosquée (Nhà Thờ Hồi Giáo).

Tín đồ của Mahomet đến đây đều phải cúi hôn hôn Đá Thiêng, với một lòng sùng bái, tin tưởng nhiệt thành.

● **Thái Dương Hệ** là 9 Hành Tinh ở trong hệ-thống Mặt trời, chịu ảnh hưởng của ánh sáng Thái dương, kể theo thứ tự khoảng cách gần mặt trời ;

Gần nhất : 1 — Thủy tinh (Mercure) 5 Mộc Tinh (Jupiter)
2 — Kim Tinh (Vénus) 6 Thổ Tinh (Saturne)
3 — Địa - cầu (Terre) 7 Uranus.
4 — Hỏa-Tinh (Mars) 8 Neptune
9 Pluton — xa nhất.

★ **Ô. Võ-văn-Thân, 21 A, ấp Quảng-Hiệp, Tuyên Đức Đalat.**

Xin thành thật cảm tạ lòng quý của ông gửi cho quà đặc-biệt, và bài thơ kèm theo rất thú-vị.

★ **CÙNG TẤT CẢ CÁC BẠN GỬI BÀI.**

Chúng tôi đã nhận được tất cả các bài (Thơ, truyện, khảo cứu, v.v.) của các Bạn có hảo ý gửi về Tòa soạn. Chúng tôi đang xem, thành thật cảm ơn các bạn.

TIN BUỒN

Được tin Cháu NGUYỄN-HOÀNG-CHUÔNG 7 tuổi con của Ông Bà NGUYỄN-VĂN-HÀN ngụ tại số 450, Phan-dinh-Phùng Sài Gòn, học sinh trường Saint Exupéry, vừa mất tại nhà thương Đồn-Đất 15-3-1961 hồi 16 giờ.

Nhân dịp đau đớn này chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng bà Lê-thị-Hậu và tang quyến.

NGUYỄN-VỸ

Một cố gắng mới của Hãng B.G.I.

✱

Kể từ đầu tháng tư 1961, hãng B. G. I thay thế các loại chai cũ nước ngọt CON CỌP bằng loại chai kiểu mới rất đẹp và hợp-thời : loại chai hình hỏa tiễn.

Việc thay thế hàng triệu chai là một hy-sinh của hãng B. G. I. mục đích để quý vị vừa được NGON MIỆNG với phẩm chất thượng hảo của nước ngọt CON CỌP vừa được ĐẸP MẮT vì sự trình-bày tuyệt-mỹ.

Loại chai hỏa tiễn xuất hiện trước hết với nước ngọt XÁ XỊ CON CỌP, thứ giải lao quý vị ưa thích nhất vì tính chất thơm ngon, bở khỏe và tinh khiết. Ngoài ra, XÁ XỊ CON CỌP còn có những được tính trị liệu rất quý giá như giải cảm, lọc máu, trị chứng suy nhược, trừ tê thấp, trị tiêu chảy, và xưa kia người ta cả quyết là cây xá-xị kỳ diệu có đặc tính trị chứng lao tởn và bệnh phong cùi.

Tinh chế toàn bằng rễ cây xá xị, không pha thêm hương chất giả tạo khiến cho mùi vị hắc và gắt khó uống, XÁ XỊ-CON CỌP giữ được hương vị tự nhiên với đầy đủ tinh được quý giá của xá-xị, nhờ kinh nghiệm của những chuyên viên xuất sắc xử dụng các máy móc tự động tối tân.

Các vị bác sĩ có thể cho bệnh nhân uống xá xị CON CỌP để đỡ khát mệt và ăn biết ngon, các vị đồng y sĩ có thể dùng xá xị CON CỌP làm thang cho uống với các thuốc hoàn tán trị cảm mạo, phong thấp hoặc uống với các thuốc hoàn bổ dưỡng, vừa làm cho các thứ thuốc này dễ uống vừa tăng thêm hiệu lực bởi được tính của XÁ-XỊ CON CỌP.

Mỗi khi quý vị thấy hao mệt, rức đầu, đầy bụng, đề bớt đau, quý vị hãy dùng XÁ XỊ CON CỌP, thứ nước ngọt kỳ diệu có khả năng đem lại cho quý vị Sức Khỏe, sự Vui Tươi và Hăng Hái.

4 DƯỢC - PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG - VĂN - HỒ

MORINDOL

Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953 - 55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu. (Hyper-ention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22 — 774 - 18 - 927).

MORINDA NERVA

• Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách « những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không yên giấc, hay buồn rầu* (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim « hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không « tỉnh táo gâtisme) v. v...

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên » (Bs. Đặng văn Hồ)

COQUELUCINE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiền phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Số bệnh *lao ra máu* ở bệnh-viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1, 2 phần 10, so sánh với mấy năm trước.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khại huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán sỉ tại 246 Đường Cống. Quỳnh và 550 E Đại lộ Trần-Hưng-Đạo — Saigon.

MUỐN CHỌN BÀN GHẾ ĐẸP, HỢP THỜI,
CHỈ ĐẾN :

PHAN - VĂN - NHỊ

71-C73—Hồng-thập-Tự

SAIGON

Đ.T. 221

105-107 Minh-Mạng

CHOLON

LUYỆN THI T. H. Đ. N. C. 1961

Một nhóm sinh-viên VĂN-KHOA và KHOA-HỌC, đứng đầu, nhiều kinh nghiệm, chuyên luyện thi THĐNC, giải tất cả các đề thi từ trước đến giờ ; nhận dạy tại các tư-thục hay tư-gia, từ đệ Tứ trở xuống, điều kiện dễ-dàng.

Xin thư cho TRANG-HỒ-ĐIỆP, sinh-viên trường ĐẠI HỌC VĂN KHOA, Saigon.

Nhà thuốc **VĂN XUAN**
Phát hành lại THUỐC BỔ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tập Dối-lij và khách hàng tại

Nhà thuốc **VĂN XUAN**
4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT, HẠCH GAN

Rất cần cho:
SẢN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỐI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie **TANA**
42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

THUỐC MUỐI SUI TẮM

VECENO

Chuyên trị:
BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NÓ HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CORÚT

CÓ BÁN KHẮP
DƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

CHỈ CÓ THUỐC

Mồ hôi trộm HIỆU KIM ĐIỆN

đặc biệt chuyên trị bệnh con nít đổ mồ hôi trộm lúc ngủ
Rất hay.

Và sau khi hết bệnh nên bổ dưỡng thêm bằng

PHÌ NHI BÁ BỔ KIM-ĐIỀN

Thuốc bổ tỳ vị, ăn ngủ ngon mau mập, lên-cân, tiêu
cam sủi.

Sản lõi trẻ em. Mỗi chai 28\$.00.

Bán khắp nơi và 361 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Đông dược-sĩ ĐÀO-PHI-PHỤNG

VIỆT-NAM DANH-NHÂN TỰ-ĐIỂN

của NGUYỄN HUYỀN-ANH

(Do Hội Văn-Hóa Bình-Dân ấn hành)

XE ĐÒ LIÊN TRUNG

ĐƯỜNG SAIGON — RẠCHGIÁ — HÀ TIÊN

CÔNG TY LIÊN TRUNG LUÔN LUÔN CỐ
GẮNG LÀM VỪA LÒNG QUÝ KHÁCH

Công-ty TRẦN-V-TÁNH (Tévété)

Nhập-cảng và Sản-xuất dược-phẩm

136, Yên-Đỗ — SAIGON

Đại-lý 2 viện Bào-chế :

— LABAZ

{ Bicarnésine
Citroflavonoïdes
Mérinax
Pyridoxine

— DIAMANT

{ Actidilon
Marzine
Néomycine
Hexacycline

— SẢN-XUẤT

{ Tévéthiazol
Hépatomiél
Polyvit. Ca
Pulmotan
Carditan
Glucose

Asphélyne



Đặc biệt trị:

- SUYỄN
- BỔ TIM

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

K.D. số 137/IIĐHD — Saigon, ngày 27-3-1961
In tại nhà in TÂN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
Quảng nhiệm NGUYỄN-VỸ

- Những Phật-tử muốn học đúng lời Phật dạy, muốn góp phần chấn-hưng nền văn-hóa Phật-giáo nước nhà
- Những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu chân-lý cao-thâm của Đạo-Phật
- Những văn nghệ sĩ muốn bảo tồn quốc hồn, quốc-túy trong công trình sáng tạo của mình
- Những ai đang khao khát tìm một chỗ nương tựa tinh thần, một lý tưởng cho cuộc đời
- Những ai muốn biết tin tức Phật-giáo nước nhà và thế giới

Hãy xem : **LIÊN-HOÀ NGUYỆT-SAN**

— Có phát-hành tại chùa Xá-Lợi, Ấn-Quang, Saigon và các chùa Phật-giáo cùng các nhà sách lớn trong nước.

Thư từ liên-lạc xin đề :

Thầy **THÍCH-ĐỨC-TÂM**

Tổng Thư-ký Liên-Hoa Nguyệt-San

66 đường Chi-Lăng — Hộp thư 24 — HUẾ

Sắp xuất bản :

ĐỜI THỨC GIẢ

THƠ

của cụ **UNG-BÌNH** Thức giả thị

Sưu tập và trình bày :

Cô **TỌN-NỮ HỖ-KHUÔNG** (Huế)

Ấn-loát và xuất bản :

THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

231-233, Phạm-ngũ-Lão — Saigon